

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI

(Giấy chứng ~~đăng~~ đăng ký doanh nghiệp số 0100100858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/2008 và cấp thay đổi lần 05 ngày 16/09/2019)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số~~499~~...../QĐ-SGDHCM do

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày ~~22~~ tháng ~~11~~ năm 2019)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI

Trụ sở chính : Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, TP. Hà Nội
Điện thoại : (84.24) 3875 6889 Fax: (84.24) 3875 6884
Website : hanoioplastics.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Trụ sở chính : Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại : (84.24) 7303 5333 Fax: (84.24) 3776 5928
Website : www.kbsec.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên : Ông Bùi Thanh Nam Chức vụ: Tổng Giám đốc
Điện thoại : (84.24) 3875 6706 Fax: (84.24) 3875 6884

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/2008 và cấp thay đổi lần 05 ngày 16/09/2019)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số/QĐ-SGDHCM do

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày tháng năm 2019)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI

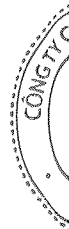
Trụ sở chính : Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, TP. Hà Nội
Điện thoại : (84.24) 3875 6889 Fax: (84.24) 3875 6884
Website : hanoioplastics.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Trụ sở chính : Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại : (84.24) 7303 5333 Fax: (84.24) 3776 5928
Website : www.kbsec.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên : Ông Bùi Thanh Nam Chức vụ: Tổng Giám đốc
Điện thoại : (84.24) 3875 6706 Fax: (84.24) 3875 6884



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/2008 và cấp thay đổi lần 05 ngày 16/09/2019)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Mã chứng khoán:	NHH
Tổng số lượng niêm yết:	34.440.000 cổ phiếu (Bằng chữ: Ba mươi bốn triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn cổ phiếu)
Tổng giá trị niêm yết:	344.400.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi bốn tỷ, bốn trăm triệu đồng chẵn)

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI

Trụ sở chính : Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, TP. Hà Nội
Điện thoại : (84.24) 3875 6889 Fax: (84.24) 3875 6884
Website : hanoioplastics.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Trụ sở chính : Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại : (84.24) 7303 5333 Fax: (84.24) 3776 5928
Website : www.kbsec.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CỔ PHIẾU NIÊM YẾT	8
1. Rủi ro về kinh tế.....	8
2. Rủi ro về luật pháp	11
3. Các rủi ro đặc thù của Tổ chức đăng ký niêm yết	12
4. Rủi ro pha loãng.....	15
5. Rủi ro khác.....	17
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	18
1. Tổ chức đăng ký niêm yết.....	18
2. Tổ chức tư vấn	18
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT.....	19
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.....	20
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	20
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	27
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	28
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông của Công ty.	34
5. Danh sách Công ty mẹ, Công ty con của Tổ chức đăng ký niêm yết, những Công ty mà Tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức đăng ký niêm yết	35
6. Hoạt động kinh doanh	39
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	63
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành	68
9. Chính sách đối với người lao động	72
10. Chính sách cổ tức	74
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	74

12.	Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng	92
13.	Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty)	116
14.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2019 - 2020	119
15.	Chiến lược phát triển của Công ty	126
16.	Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch kinh doanh của Nhựa Hà Nội	127
17.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty	127
18.	Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	127
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	128
1.	Loại chứng khoán: Cổ phần phổ thông	128
2.	Phương pháp tính giá	130
3.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	135
4.	Các loại thuế liên quan	136
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	138
1.	Tổ chức đăng ký niêm yết	138
2.	Tổ chức tư vấn	138
3.	Tổ chức kiểm toán	139
VII.	DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN	140
VIII.	PHỤ LỤC	144

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Danh sách một số nhà cung cấp chính	14
Bảng 2. Quá trình điều chỉnh vốn của Công ty	23
Bảng 3. Các công ty con trực thuộc Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội tại thời điểm 30/09/2019.....	27
Bảng 4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty	34
Bảng 5. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 04/09/2019.....	35
Bảng 6. Bảng cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất 2017, 2018 và Quý 3/2019	46
Bảng 7. Bảng cơ cấu doanh thu thuần riêng 2017, 2018 và Quý 3/2019.....	48
Bảng 8. Bảng cơ cấu lợi nhuận gộp 2017, 2018 và Quý 3/2019 – Hợp nhất.....	49
Bảng 9. Bảng cơ cấu lợi nhuận gộp 2017, 2018 và Quý 3/2019 – Riêng	49
Bảng 10. Danh sách các nhà cung cấp chính	51
Bảng 11: Tỷ trọng nguyên vật liệu trên doanh thu	52
Bảng 12. Cơ cấu chi phí sản xuất, kinh doanh của Công ty – Hợp nhất.....	53
Bảng 13. Cơ cấu chi phí sản xuất, kinh doanh của Công ty - Riêng.....	55
Bảng 14. Cơ cấu chi phí gián tiếp của Công ty – Hợp nhất.....	56
Bảng 15. Cơ cấu chi phí gián tiếp của Công ty – Riêng	57
Bảng 16: Danh mục máy móc thiết bị chính.....	59
Bảng 17. Danh sách các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết	62
Bảng 18. Kết quả kinh doanh hợp nhất	63
Bảng 19. Kết quả kinh doanh của công ty mẹ	65
Bảng 20. So sánh các công ty cùng ngành.....	69
Bảng 21. Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/08/2019 tại Nhựa Hà Nội	72
Bảng 22. Tỷ lệ cổ tức ba năm gần nhất (2016 – 2018)	74

Bảng 23. Thời gian trích khấu hao.....	75
Bảng 24. Mức lương bình quân	77
Bảng 25. Các khoản phải nộp – Hợp nhất.....	77
Bảng 26. Các khoản phải nộp – Riêng	78
Bảng 27. Số dư các quỹ - Hợp nhất.....	79
Bảng 28. Số dư các quỹ - Riêng	79
Bảng 29. Tổng dư nợ vay của Công ty – Hợp nhất	80
Bảng 30. Tổng dư nợ vay của Công ty – Riêng	81
Bảng 31. Chi tiết các khoản phải thu của Công ty – Hợp nhất.....	81
Bảng 32: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty – Riêng	83
Bảng 33. Chi tiết các khoản phải trả của Công ty – Hợp nhất.....	84
Bảng 34. Chi tiết các khoản phải trả của Công ty – Riêng	85
Bảng 35. Các chỉ tiêu tài chính của Công ty - Riêng.....	86
Bảng 36. Các chỉ tiêu tài chính của Công ty – Hợp nhất.....	89
Bảng 37. Danh sách Hội đồng quản trị của Công ty.....	92
Bảng 38. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát	104
Bảng 39. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc	110
Bảng 40. Tài sản cố định của Công ty tại 31/12/2018 – Hợp nhất	116
Bảng 41. Tài sản cố định của Công ty tại 31/12/2018 – Riêng	117
Bảng 42. Danh sách đất đai tại ngày 30/06/2019.....	118
Bảng 43. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức hợp nhất giai đoạn 2019 -2020	119
Bảng 44. Danh mục hợp đồng/dự án đóng góp vào kế hoạch 2019.....	120
Bảng 45. Một số kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 3/2019	125

Bảng 46. Thông tin cam kết nắm giữ cổ phiếu khi niêm yết.....	128
Bảng 47. Danh sách cán bộ công nhân viên được thưởng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty năm 2019.....	130
Bảng 48. Danh sách cổ đông hạn chế chuyển nhượng theo	130

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Tỷ lệ tăng trưởng GDP qua các năm	8
Hình 2. Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam qua các năm	9
Hình 3. Cơ cấu tổ chức của Công ty	27
Hình 4. Sơ đồ tổ chức, quản lý của Công ty mẹ	28

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

Các nhân tố có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và/hoặc giá cả chứng khoán của Công ty.

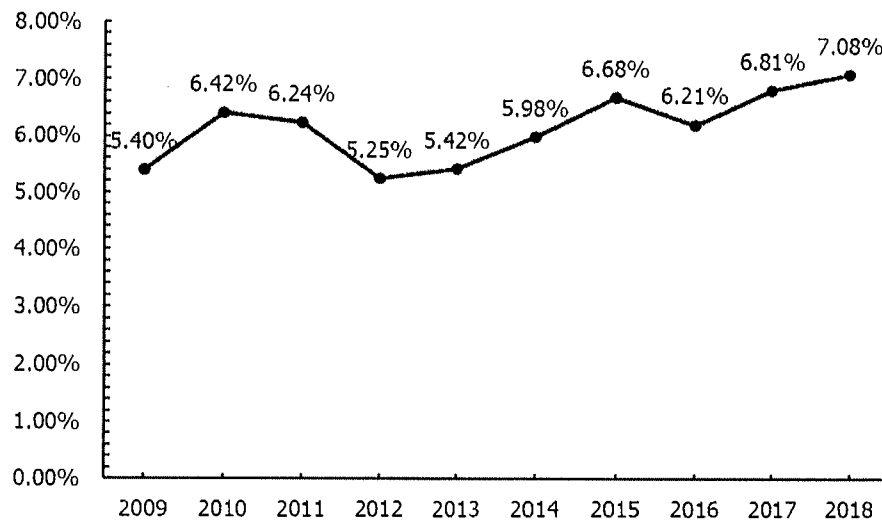
1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội. Các chỉ số kinh tế vĩ mô chính thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của nền kinh tế một quốc gia bao gồm: tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái,...

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực trong xã hội. Tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng công nghiệp, tăng đầu tư của cá nhân và pháp nhân trong nền kinh tế.

Hình 1. Tỷ lệ tăng trưởng GDP qua các năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tăng trưởng kinh tế năm 2018 đạt 7,08% so với năm 2017, trong đó quý I tăng 7,38%; quý II tăng 6,79%; quý III tăng 6,88%; quý IV tăng 7,31%. Mức tăng trưởng năm 2018 vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2017, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện. Trong mức tăng 7,08% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%, đóng góp 8,7 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%, đóng góp 48,6 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 7,03%, đóng góp 42,7 điểm phần trăm.

Sang năm 2019, tính chung 9 tháng năm 2019, GDP ước tính tăng 6,98% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất của 9 tháng trong 9 năm trở lại đây.

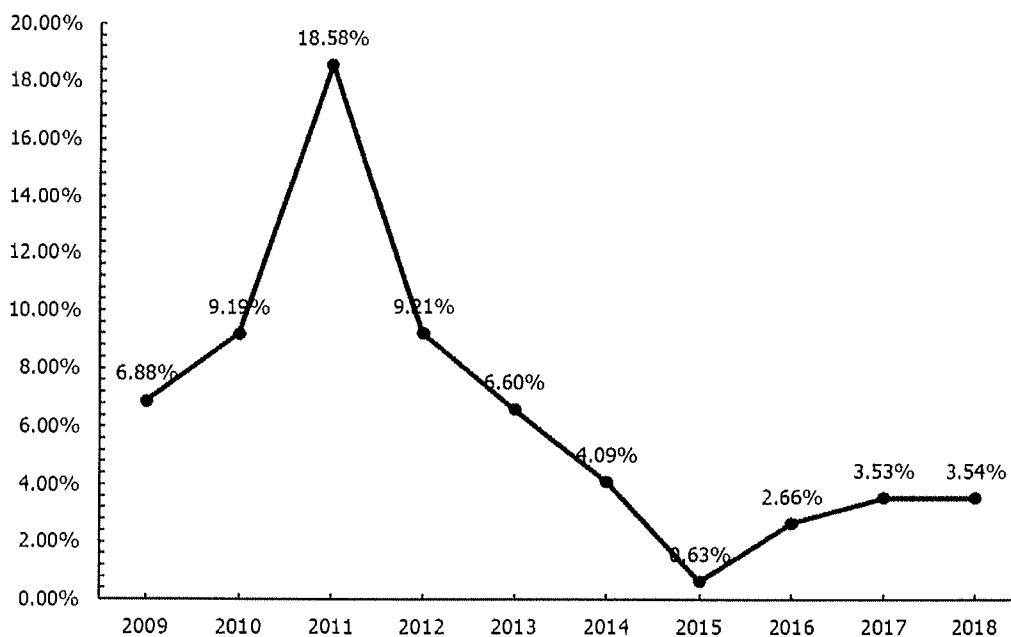
Quy mô nền kinh tế ngày càng được mở rộng nhờ duy trì tốc độ tăng trưởng khá. GDP theo giá hiện hành năm 2018 đạt 5.535,3 nghìn tỷ đồng, gấp 2 lần quy mô GDP năm 2011. GDP bình quân đầu người năm 2018 ước tính đạt 58,5 triệu đồng, tương đương 2.587 USD, tăng 198 USD so với năm 2017.

Xét về góc độ sử dụng GDP năm 2018, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,17% so với năm 2017, tích lũy tài sản tăng 8,22%, xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,27%, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 12,81%. Quý III/2019, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,46% so với cùng kỳ năm trước; tích lũy tài sản tăng 8,44%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 8,36%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 10,19%. Theo báo cáo Triển vọng Phát triển Châu Á năm 2018 mới đây, các chuyên gia của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) dự báo nền kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng này. Đây là một chỉ báo cho thấy sức khỏe ngày càng tốt lên của nền kinh tế Việt Nam trước các diễn biến kinh tế, địa chính trị phức tạp toàn cầu như chiến tranh thương mại Mỹ - Trung.

1.2. Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với biến động của lạm phát trong nền kinh tế. Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đã dần kiềm hãm được đà tăng của lạm phát. Tỷ lệ lạm phát giai đoạn 2009 – 2018 cụ thể như sau:

Hình 2. Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam qua các năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Sau giai đoạn 2008 - 2011 tình trạng lạm phát tăng nhanh ở Việt Nam, Chính phủ cũng như Ngân hàng Nhà nước đã áp dụng thành công nhiều biện pháp thắt chặt chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa, tái cơ cấu thị trường tài chính, góp phần kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô. Từ năm 2014, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) chỉ tăng khoảng 4% trở xuống hàng năm và luôn dưới mức trần Quốc hội đề ra. Năm 2015 là năm có chỉ số CPI tăng thấp nhất trong 15 năm trở lại đây khi chỉ số CPI năm 2015 chỉ tăng nhẹ 0,63% so với năm 2014. Năm 2016 chỉ số CPI bình quân năm đạt 2,66%, tăng cao hơn so với bình quân năm 2015. Mức tăng CPI bình quân năm 2017 tăng 3,53% so với bình quân năm 2016.

CPI bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với bình quân năm 2017, dưới mục tiêu 4% mà Quốc hội đề ra. CPI tháng 12/2018 tăng 2,98% so với tháng 12/2017. Lạm phát cơ bản tháng 9/2019 tăng 0,16% so với tháng trước và tăng 1,96% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 9 tháng năm 2019 tăng 1,91% so với bình quân cùng kỳ năm 2018.

Trên thực tế, lạm phát là một yếu tố có ảnh hưởng khá lớn đến giá nguyên liệu đầu vào của Công ty. Giá nguyên liệu đầu vào tăng làm tăng giá vốn hàng bán, trong khi giá bán sản phẩm chưa tăng tương ứng có thể gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội. Trong những năm qua lạm phát được kiểm soát ở mức thấp và tương đối ổn định nên cũng không có ảnh hưởng nhiều tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội.

1.3. Lãi suất

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, tùy vào đặc điểm kinh doanh của mình, mỗi doanh nghiệp có cơ cấu vốn khác nhau. Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp sử dụng nguồn vay lớn từ các ngân hàng thương mại nên việc biến động lãi suất ngân hàng sẽ gây nên những rủi ro nhất định cho doanh nghiệp. Tỷ trọng vay nợ trên tổng tài sản của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội năm 2018 là 8,82%; và 9 tháng 2019 là 39,55%. Vì vậy, khi lãi suất tăng cao sẽ làm cho chi phí lãi vay Công ty tăng tương ứng, kéo theo lợi nhuận Công ty sẽ bị giảm.

Lãi suất các khoản vay ngắn hạn của Công ty, chủ yếu kỳ hạn 3 – 4 tháng ổn định ở mức khoảng 5.5% - 6.5% tùy theo kỳ hạn. Bên cạnh đó, bắt đầu từ 2018, doanh nghiệp có phát sinh các khoản cho vay ngắn hạn với kỳ hạn từ 1 – 12 tháng, lãi suất dao động từ 6.5% - 8%. Do vậy, rủi ro về lãi suất của Công ty được giảm thiểu.

Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) tiếp tục điều hành chính sách ổn định lãi suất, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là kiểm chế lạm phát để giữ ổn định mặt bằng lãi suất cho vay, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng.

9 tháng đầu năm 2019, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay của các tổ chức tín dụng nói chung tương đối ổn định, lãi suất huy động ở một số ngân hàng tăng nhẹ, chủ yếu ở kỳ trung và dài hạn

nhằm đảm bảo sự cân đối kỳ hạn và giới hạn an toàn vốn trong hoạt động ngân hàng. Hiện mặt bằng lãi suất huy động đồng Việt Nam phổ biến ở mức 4,5%-5,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,5%-6,8%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 6,6%-7,5%/năm. Lãi suất cho vay đồng Việt Nam phổ biến khoảng 6%-9%/năm đối với ngắn hạn và 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn. Cơ cấu tín dụng tiếp tục hướng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các lĩnh vực ưu tiên; tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro được kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng.

Lãi suất cho vay các lĩnh vực ưu tiên được NHNN yêu cầu bằng văn bản về việc giữ ở mức không quá 6,5%/năm đối với các khoản vay bằng VNĐ dưới 12 tháng. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6-9%/năm đối với ngắn hạn; 9-11%/năm đối với trung và dài hạn.

1.4. Tỷ giá

Rủi ro về tỷ giá là thách thức đối với các doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, máy móc đầu vào để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nhất là trong thời điểm tỷ giá ngoại tệ biến động theo chiều hướng tăng. Khi tỷ giá thay đổi, đặc biệt theo xu hướng tăng thì chi phí đầu vào của Công ty sẽ tăng theo, trong khi sản phẩm lại không thể điều chỉnh tăng tương ứng ngay lập tức, điều này làm tăng chi phí và giảm lợi nhuận của Công ty.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội chủ yếu liên quan tới hoạt động đầu tư máy móc thiết bị và hoạt động mua nguyên vật liệu. Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội chủ yếu mua máy móc thiết bị từ các nước Mỹ, Nhật Bản,... trong đó chủ yếu là Nhật Bản nên phần nào cũng bị ảnh hưởng bởi tỷ giá đồng yên Nhật và tỷ giá USD, tuy nhiên, ảnh hưởng của biến động tỷ giá hối đoái tới hoạt động này không nhiều vì hoạt động đầu tư máy móc thiết bị không phải là hoạt động thường xuyên, không phải năm nào Công ty cũng đầu tư.

Nguyên vật liệu của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội chủ yếu được nhập khẩu từ các nước Đài Loan, Ấn Độ, Thái Lan, Hàn Quốc,... nên sự biến động tỷ giá HDK, INR, THB; KRW,... sẽ phần nào ảnh hưởng tới chi phí nguyên vật liệu của Công ty, kéo theo ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, phần lớn nguyên vật liệu Công ty là do khách hàng chỉ định và có giá tham chiếu khi, giá nguyên vật liệu đầu vào biến động +/- 5% thì sẽ điều chỉnh giá bán tương ứng nên Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội không bị ảnh hưởng nhiều bởi tỷ giá hối đoái.

2. Rủi ro về luật pháp

Sự ổn định của hệ thống chính trị, luật pháp, chính sách của một quốc gia có ảnh hưởng rất nhiều đến khả năng phát triển của các ngành kinh tế nói chung. Ngành nhựa Việt Nam cũng không nằm ngoài sự tác động đó. Trong quyết định số 55/2007/QĐ-TTg phê duyệt Danh mục 10 ngành công nghiệp ưu tiên, mũi nhọn giai đoạn 2007-2010, tầm nhìn đến năm 2020, ngành nhựa cũng nằm trong danh sách các ngành công nghiệp được ưu tiên phát triển. Trong quyết định số 2992/QĐ-BTC ngày 17/06/2011

về Quy hoạch tổng thể phát triển ngành nhựa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến 2035, chính phủ đặt ra kế hoạch đầu tư chi tiết, ưu tiên phát triển ngành nhựa thành ngành kinh tế mạnh. Điều này cho thấy ngành nhựa sẽ được tạo điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh hoạt động sản xuất cũng như xuất khẩu.

Là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần và đã đăng ký giao dịch trên Upcom, hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan.

Việt Nam đang trong quá trình phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới. Tuy nhiên, khung pháp lý luật pháp vẫn chưa được đổi mới tương xứng với tốc độ phát triển kinh tế và vẫn đang trong quá trình nỗ lực xây dựng và hoàn thiện. Do vậy, mọi thay đổi và diễn giải, hướng dẫn pháp luật hiện hành có thể dẫn đến những hậu quả không mong đợi và gây ra những ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của pháp luật, theo sát đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước. Từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh đúng pháp luật và phù hợp với từng thời kỳ.

3. Các rủi ro đặc thù của Tổ chức đăng ký niêm yết

3.1. Rủi ro về biến động giá nhiên liệu đầu vào

Nguyên vật liệu đầu vào chính của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội là hạt nhựa kỹ thuật. Chi phí nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm của Công ty (khoảng từ 57% – 61%). Vì vậy, biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ có ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Đặc biệt là những nguyên vật liệu này hiện nay trong nước chưa sản xuất được, chủ yếu nhập khẩu từ nước ngoài. Trong khi đó, giá nhập khẩu các loại nguyên vật liệu này lại có sự biến động theo nhiều yếu tố như sự biến động của giá dầu, giá khí thiên nhiên và giá than đá trên thế giới. Hai nguyên liệu chính để sản xuất nguyên liệu nhựa là dầu mỏ và khí thiên nhiên, vì vậy, giá nhựa nguyên liệu nhập khẩu thường biến động tương ứng với thay đổi giá dầu thế giới. Những năm gần đây, giá dầu tăng/giảm rất bất thường, khó dự đoán, dẫn tới biến động của giá hạt nhựa đầu vào làm ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong 2 năm gần đây, giá hạt nhựa PP tăng tới 43%, giá hạt nhựa năm 2018 tăng 12,18% so với cùng kỳ năm trước. 9 tháng đầu năm 2019, giá hạt nhựa PP trải qua biến động mạnh. Theo dữ liệu của Plasticportal, nếu nửa đầu năm 2019, giá hạt nhựa PP có xu hướng tăng từ €1.27/kg lên mức đỉnh €1.32/kg vào tháng 6/2019 thì trong 3 tháng gần đây, giá hạt nhựa PP có xu hướng giảm và đạt mức €1.18/kg.

Tuy nhiên, phần lớn nguyên vật liệu Công ty là do khách hàng chỉ định và có giá tham chiếu, khi giá nguyên vật liệu đầu vào biến động +/- 5% thì sẽ điều chỉnh giá bán tương ứng nên Công ty Cổ phần

Nhựa Hà Nội không bị ảnh hưởng quá lớn bởi biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào. Bên cạnh đó, HPC đã thực hiện việc kiểm soát rủi ro nguyên vật liệu thông qua việc mua nguyên liệu theo kế hoạch sản xuất hàng tháng tùy theo đơn hàng từ phía khách hàng đặt chứ không còn tích trữ hàng tồn kho nhiều như trước đây. Việc này sẽ giảm thiểu rủi ro bị lỗ, giúp Công ty kiểm soát chi phí đầu vào hiệu quả hơn.

3.2. Rủi ro ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội là ngành công nghiệp phụ trợ, chuyên sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp như các phụ kiện trong công nghiệp xây dựng, các chi tiết nhựa trong công nghiệp điện tử viễn thông, công nghiệp sản xuất ô tô, xe máy, các sản phẩm ngành công nghiệp khác và các mặt hàng nhựa gia dụng như máy giặt, điều hòa,... Do vậy, sự biến động của ngành công nghiệp chính như sản xuất ô tô, xe máy,... sẽ ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, các sản phẩm ô tô, xe máy, máy giặt, điều hòa,... là các sản phẩm thiết yếu và khi nền kinh tế càng phát triển, nhu cầu của người tiêu dùng đối với các sản phẩm này càng tăng cao. Bởi vậy, rủi ro về ngành nghề kinh doanh cũng không có tác động quá lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.3. Rủi ro trả giá của nhà cung cấp

Hiện nay, các công ty cung ứng nguyên liệu nhựa thường có vị thế hơn trong việc thương thảo giá đối với các công ty sản xuất nhựa vì một số lý do sau:

- Nguyên liệu nhựa đầu vào chiếm 70 – 80% chi phí sản xuất của các công ty nhựa.
- Nguyên liệu nhựa chủ yếu phải nhập khẩu từ nước ngoài tới 80%, nguồn cung trong nước hạn chế khiến vị thế của các công ty sản xuất nhựa trong nước đối với những đối tác cung ứng nước ngoài trở nên yếu đi. Bên cạnh đó, ngành công nghiệp hoá dầu của Việt Nam còn non trẻ, sản phẩm ngành chưa đáp ứng được về cả chủng loại cũng như sản lượng, do vậy, khả năng tự chủ được nguồn nguyên liệu của ngành nhựa trong nước sẽ chưa thể cải thiện trong tương lai gần mặc dù các dự án phát triển hoá dầu đã được triển khai.
- Số lượng công ty sản xuất nhựa trong nước tương đối lớn, trong khi đó nguồn cung nguyên liệu lại bị hạn chế.
- Sản phẩm của Công ty thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ nên có yêu cầu chất lượng cao, đảm bảo các tính năng và công năng theo yêu cầu từ các thương hiệu lớn. Do vậy nguyên liệu nhựa được sử dụng sản xuất đều có xuất xứ rõ ràng và là nhựa có tiêu chuẩn cao, phần lớn trong nước chưa sản xuất được và do khách hàng chỉ định loại sử dụng, nguồn cung cấp. Để hạn chế rủi ro này, Công ty đàm phán chính sách bán hàng với khách hàng điều chỉnh giá bán theo biến động giá nguyên vật liệu.

Nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu là nhập khẩu từ các nước tiên tiến, các nhà cung cấp nước ngoài là các hãng lớn, có tên tuổi trên thị trường nên nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu của Công ty luôn ổn

định kể cả trong các thời kỳ khó khăn của nền kinh tế. Các nhà cung cấp nguyên vật liệu chính của Công ty đều có mối quan hệ hợp tác lâu dài với Công ty. Do vậy, Công ty luôn đảm bảo được sự ổn định của nguồn nguyên liệu với giá cả hợp lý từ các đối tác.

Bảng 1. Danh sách một số nhà cung cấp chính

STT	Tên nhà cung cấp	Nước
1	Công ty TNHH Honda Trading Việt Nam	Việt Nam
2	Công ty TNHH LG Chem Hải Phòng	Việt Nam
3	Công ty TNHH SIK Việt Nam	Việt Nam
4	INABATA Viet Nam Co., Ltd	Việt Nam
5	Công ty TNHH Resinoplast Việt Nam	Việt Nam
6	BASF Hong Kong LTD	Hong Kong
7	Basell Asia Pacific., Ltd	Hong Kong
8	MACHINO POLYMERS LIMITED	Ấn Độ
9	Vinabela International Corporation	Đài Loan
10	Hongplas International Coporation	Đài Loan
11	Grand Pacific Petrochemical Corporation	Đài Loan
12	PT Riken Indonesia	Indonesia
13	LG Chem., LTD	Hàn Quốc

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Để hạn chế sự ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty thực hiện mua nguyên liệu theo kế hoạch sản xuất hàng tháng tùy theo đơn hàng từ phía khách hàng đặt. Ngoài ra công ty cũng có thỏa thuận với khách hàng và nhà cung cấp sẽ điều chỉnh đơn giá hợp đồng mỗi khi có thay đổi giá +/-5%.

3.4. Rủi ro trả giá người mua

Sản phẩm nhựa của các công ty trên thị trường khá tương đồng về mẫu mã, chất lượng, vì thế sự lựa chọn của khách hàng cũng đa dạng hơn.

- Các sản phẩm nhựa nhập khẩu tràn lan và giá cả hợp lý cộng thêm các sản phẩm này lại có chất lượng cao. Ngoài ra việc ra quyết định thay đổi thói quen sử dụng sản phẩm nhựa của

khách hàng cũng khá đơn giản, vậy nên đây là một áp lực lớn đối với các công ty sản xuất nhựa trong nước.

- Sản phẩm chủ yếu hiện nay của Công ty là các chi tiết nhựa để lắp ráp xe máy, tuy nhiên hiện nay thị trường xe máy đã bão hoà nên sức cầu của thị trường sẽ sụt giảm.
- Sản phẩm nhựa cung cấp cho ngành ô tô chưa phát triển được nhiều do các hãng cũng còn lúng túng khi triển khai nội địa hóa. Khâu xác định loại vật liệu sử dụng gặp khó khăn vì bản vẽ chỉ định loại nhựa của nguồn cung trước đây sử dụng, chủ yếu từ nhà sản xuất Indonesia, Thái Lan nhưng lượng ít và không tìm được rõ ràng, khó nhập khẩu. Việc dùng vật liệu thay thế gặp trở ngại vì phụ tùng ô tô có nhiều các yêu cầu kiểm tra (test) tính năng. Phụ tùng con trong lắp ráp sản phẩm nhựa cũng khó để phát triển vì lượng quá ít và hãng cũng chưa có bản vẽ rõ ràng. Ngoài ra, việc phát triển sản phẩm phụ tùng ô tô còn chịu sức ép giá thấp để cạnh tranh trong khi vẫn còn sản xuất loạt nhỏ, quy mô phải đầu tư lớn và chính sách thuế nhập khẩu đối với ô tô nguyên chiếc, linh kiện ô tô nhập khẩu lại đang giảm theo lộ trình hội nhập thế giới, khiến việc phát triển nội địa hoá của các hãng Toyota, Honda cũng rất khó khăn.

Sản phẩm cung cấp cho Công ty Honda Việt Nam chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu hàng năm của Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội, do vậy khi chính sách mua hàng của đối tác thay đổi sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Công ty tích cực mở rộng mạng lưới khách hàng để giảm tỷ trọng đóng góp của Honda trong cơ cấu doanh thu của Nhựa Hà Nội. Trong thời gian qua, Công ty đã phát triển thêm một số khách hàng mới như Samsung, Vinfast,...

3.5. Rủi ro cạnh tranh

Mức độ cạnh tranh trong ngành ngày càng tăng cao không chỉ với các doanh nghiệp trong nước mà còn từ phía các doanh nghiệp Trung Quốc. Nguyên nhân là các doanh nghiệp nước ngoài có xu hướng chuyển từ mua hàng từ Trung Quốc sang thị trường Việt Nam nhưng lại ép doanh nghiệp Việt Nam đáp ứng mức giá rẻ như mục tiêu trước đây của họ tại Trung Quốc. Điều này gây bất lợi cho doanh nghiệp có quy mô, chuyên nghiệp, quản lý bài bản.

Trước vấn đề này, Công ty đã đang áp dụng các biện pháp khác nhau để tăng cường tính cạnh tranh có thể kể đến như áp dụng các quy trình quản trị chi phí, quản trị tài chính tiên tiến để bảo toàn lợi nhuận, tạo ra lợi thế cạnh tranh về giá hay duy trì chế độ kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt để nâng cao chất lượng sản phẩm.

4. Rủi ro pha loãng

Trong năm 2019, Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội đã thực hiện 2 đợt phát hành tăng vốn điều lệ, đợt 1 tăng vốn từ 65 tỷ đồng lên 168 tỷ đồng, và đợt 2 tăng vốn từ 168 tỷ đồng lên 344,4 tỷ đồng. Sau khi phát hành thì số lượng cổ phiếu lưu hành của Công ty tăng từ 6.500.000 cổ phiếu lên 34.400.000 cổ phiếu, dẫn đến hiện tượng cổ phiếu bị pha loãng, bao gồm: (i) pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ

phần (EPS); (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần; (iii) pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

(i) Pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần:

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của Công ty với tốc độ tăng số lượng cổ phiếu đang lưu hành có thể ảnh hưởng đến chỉ số EPS, cụ thể như sau:

$$\text{EPS (cơ bản)} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội, lợi nhuận sau thuế năm 2019 dự kiến là 67.000.000.000 đồng.

- Trong trường hợp Công ty không thực hiện việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân của Công ty là 6.500.000 cổ phiếu.

EPS năm 2019 = 10.308 đồng/cổ phiếu.

- Trong trường hợp Công ty thực hiện việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân của Công ty: 22.745.555 cổ phiếu.

EPS năm 2019 điều chỉnh sau phát hành = 2.946 đồng/cổ phiếu.

(ii) Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần

$$\text{Giá trị sổ sách/cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Khi tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách/cổ phần sẽ giảm. Tại thời điểm 31/12/2018, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Công ty là 52.538 đồng/cổ phần; tại thời điểm 30/06/2019, sau khi đã tăng vốn từ 65 tỷ đồng lên 168 tỷ đồng, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Công ty là 27.595 đồng/cổ phần.

(iii) Pha loãng giá cổ phiếu:

Giai đoạn 2018 - 2019, Công ty có thực hiện 2 đợt phát hành tăng vốn điều lệ, đợt 1, phát hành tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ 1:1 và phát hành thêm cổ phiếu theo tỷ lệ 65:38 với giá phát

hành 30.000 đồng/cổ phiếu, tăng vốn từ 65 tỷ đồng lên 168 tỷ đồng, đợt 2, phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ 1:1 và phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động trong Công ty tăng vốn điều lệ từ 168 tỷ đồng lên 344,4 tỷ đồng. Việc phát hành tăng vốn nhanh trong thời gian qua, đã làm giá tham chiếu của cổ phiếu NHH tại ngày giao dịch không hưởng quyền bị điều chỉnh giảm.

Giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm sẽ được điều chỉnh giảm theo tỷ lệ pha loãng cổ phiếu. Giá thị trường của cổ phiếu NHH sẽ được điều chỉnh theo công thức như sau:

$$P_{pi} = \frac{P_t \times Q_t + P_r \times Q_r}{Q_t + Q_i + Q_r}$$

Trong đó:

- P_{pi} : Giá cổ phiếu pha loãng tại ngày giao dịch không hưởng quyền
- P_t : Giá cổ phiếu NHH trước ngày giao dịch không hưởng quyền
- P_r : giá chào bán đối với cổ phiếu phát hành thêm
- Q_t : Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi chào bán
- Q_i : Khối lượng cổ phiếu phát hành thêm tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
- Q_r : Khối lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu

5. Rủi ro khác

Các rủi ro nằm ngoài khả năng dự báo và vượt quá khả năng phòng chống của con người như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh,... đều có ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty cũng đã xem xét và xây dựng một số kịch bản phòng ngừa rủi ro bất khả kháng nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro cho Công ty và đảm bảo tính hoạt động liên tục.

DANH MỤC CÁC NHÂN TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO CỔ PHIẾU.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức đăng ký niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI

Ông Bùi Minh Hải	:	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Bùi Thanh Nam	:	Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Tuyền	:	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Đỗ Thị Hương Giang	:	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Ông Nguyễn Đức Hoàn	:	Tổng Giám đốc
---------------------	---	---------------

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh do Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

BCTC	:	Báo cáo tài chính
BKS	:	Ban Kiểm soát
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
Công ty	:	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
CTCP	:	Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
Đơn vị	:	Đơn vị tính
Giấy CNĐKKD	:	Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
HNX	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Sở KHĐT	:	Sở Kế hoạch và Đầu tư
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
Tổ chức phát hành	:	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
TSCĐ	:	Tài sản cố định
TTCK	:	Thị trường chứng khoán
UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VNĐ	:	Việt Nam Đồng
VSD	:	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và các văn bản khác có liên quan.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về Tổ chức đăng ký niêm yết

1.1.1. Thông tin chung

Tên doanh nghiệp : **Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội**

Tên viết tắt : HPCS.,JSC

Trụ sở chính : Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, TP Hà Nội

Điện thoại : (84.24) 3875 6889

Fax : (84.24) 3875 6884

Website : www.hanoiplastics.com.vn

Vốn Điều lệ đăng ký : 344.400.000.000 VNĐ (Ba trăm bốn mươi bốn tỷ, bốn trăm triệu đồng)

Vốn Điều lệ thực góp : 344.400.000.000 VNĐ (Ba trăm bốn mươi bốn tỷ, bốn trăm triệu đồng)

Đại diện pháp luật : **Ông Bùi Minh Hải** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Bùi Thanh Nam Chức vụ: Tổng giám đốc

GDKKD số : Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100858 do sở Kế hoạch đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 16/09/2019

Logo :



1.1.2. Ngành nghề kinh doanh chính

Các lĩnh vực hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100858 do sở Kế hoạch đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 16/09/2019 như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	
	Chi tiết:	
1	<ul style="list-style-type: none">Mua bán các sản phẩm nhựa công nghiệp như các phụ kiện trong công nghiệp xây dựng, các chi tiết nhựa trong công nghiệp điện tử viễn thông, công nghiệp sản xuất ô tô, xe máy, các sản phẩm ngành công nghiệp khác và các mặt hàng nhựa gia dụngMua bán các loại khuôn mẫu, thiết bị chuyên dùng phục vụ công nghệ sản xuất sản phẩm nhựa và cung cấp cho các ngành công nghiệp khác	4669
	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	
2	Chi tiết: <ul style="list-style-type: none">Dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng ô tô	4933
	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	
	Chi tiết:	
3	<ul style="list-style-type: none">Sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp như các phụ kiện trong công nghiệp xây dựng, các chi tiết nhựa trong công nghiệp điện tử viễn thông, công nghiệp sản xuất ô tô, xe máy, các sản phẩm ngành công nghiệp khác và các mặt hàng nhựa gia dụngSản xuất các loại khuôn mẫu, thiết bị chuyên dùng phục vụ công nghệ sản xuất sản phẩm nhựa và cung cấp cho các ngành công nghiệp khác	3290 (Chính)
4	Đào tạo sơ cấp	8531
5	Đào tạo trung cấp	8532

STT	Tên ngành	Mã ngành
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (không bao gồm hoạt động đấu giá)	8299

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội tiền thân là Xí nghiệp Nhựa Hà Nội trực thuộc Sở Công nghiệp Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 126/QĐ/UB-CN ngày 24/01/1972 của UBND Thành phố Hà Nội.

Ngày 10/08/1993, Xí nghiệp Nhựa Hà Nội được chuyển đổi thành Công ty Nhựa Hà Nội trực thuộc Sở Công nghiệp Hà Nội theo Quyết định số 2977/QĐ-UB của UBND thành phố Hà Nội.

Ngày 08/08/2005, Công ty Nhựa Hà Nội được chuyển đổi thành Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Nhựa Hà Nội theo quyết định số 126/2005/QĐ-UB của UBND thành phố Hà Nội.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc sắp xếp, đổi mới Công ty Nhà nước trực thuộc UBND thành phố Hà Nội giai đoạn 2007-2010, ngày 26/11/2007 của UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 4730/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hoá của Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Nhựa Hà Nội. Ngày 27/12/2007, Công ty đã tiến hành bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Kết quả chào bán như sau:

- Số lượng chào bán: 1.122.800 cổ phần
- Giá khởi điểm chào bán: 10.300 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần chào bán thành công: 834.800 cổ phần
- Giá đấu thành công bình quân: 27.958 đồng/cổ phần

Ngày 16/09/2008, UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 761/QĐ-UBND về việc chuyển đổi Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Nhựa Hà Nội thành Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội.

Ngày 31/10/2008, Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103027615 (nay đổi thành số 0100100858) do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/2008, với vốn điều lệ là 65.000.000.000 đồng (trong đó vốn thuộc sở hữu Nhà nước là: 53.112.000.000 đồng, chiếm 81,71% vốn điều lệ).

Ngày 25/04/2017, Công ty trở thành công ty đại chúng (theo công văn số 2233/UBCK-GSDC ngày 25/04/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước).

Ngày 08/09/2017, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội với mã chứng khoán NHH đã chính thức giao dịch tại sàn Upcom thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Ngày 13/12/2017, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội – Chủ sở hữu 5.311.200 cổ phần tại Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội đã thoái toàn bộ vốn Nhà nước đầu tư tại Công ty bằng hình thức khớp lệnh trên Sàn Upcom.

Ngày 13/02/2019, Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi vốn điều lệ là 168.000.000.000 đồng.

Ngày 12/08/2019, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu thưởng cho CBCNV theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, nâng vốn điều lệ Công ty lên 344.400.000.000 đồng.

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Để đáp ứng kế hoạch mở rộng các hoạt động kinh doanh, các kế hoạch đầu tư, vốn điều lệ của Công ty đã được thay đổi như sau:

Bảng 2. Quá trình điều chỉnh vốn của Công ty

Thời điểm	Số lượng cổ phiếu phát hành	VĐL trước điều chỉnh (VNĐ)	VĐL sau điều chỉnh (VNĐ)	Lý do	Căn cứ pháp lý
28/01/2019	10.300.000	65.000.000.000	168.000.000.000	Phát hành 6.500.000 cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu. Phát hành thêm 3.800.000 cổ phiếu giá 30.000 đồng/cổ phiếu	- Nghị quyết số 42/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2018; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 55/GCN-UBCK ngày

Thời điểm	Số lượng cổ phiếu phát hành	VĐL trước điều chỉnh (VNĐ)	VĐL sau điều chỉnh (VNĐ)	Lý do	Căn cứ pháp lý
				cho cổ đông hiện hữu.	16/10/2018; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100100858 đăng ký lần đầu ngày 31/10/2018, thay đổi lần thứ 03 ngày 13/02/2019.
12/08/2019	17.640.000	168.000.000.000	344.400.000.000	Phát hành 16.800.000 cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu. Phát hành 840.000 cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty.	- Công văn số 4518/UBCK – QLCB ngày 26/07/2019 của UBCKNN về việc phát hành cổ phiếu thưởng theo ESOP và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100100858 đăng ký lần đầu ngày 31/10/2018, thay đổi lần thứ 05 ngày 16/09/2019.

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Chi tiết quá trình tăng vốn:**Đợt 1:**

VĐL trước phát hành 65.000.000.000 VNĐ

VĐL sau phát hành 168.000.000.000 VNĐ

Tỷ lệ phát hành cổ phiếu thưởng 1:1
cho cổ đông hiện hữu tăng vốn cổ
phần từ nguồn vốn chủ sở hữuTỷ lệ phát hành thêm cho cổ đông 65:38
hiện hữu theo phương thức thực
hiện quyền

Tổng số lượng cổ phần phát hành 10.300.000 cổ phần. Trong đó:

- Phát hành cổ phiếu thưởng 6.500.000 cổ phần
cho cổ đông hiện hữu tăng
vốn cổ phần từ nguồn vốn
chủ sở hữu: 3.800.000 cổ phần
- Phát hành thêm cổ phiếu
cho cổ đông hiện hữu theo
phương thức thực hiện
quyền:

Phương thức tăng vốn

Phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

- Số lượng phát hành: 6.500.000 cổ phiếu
- Tỷ lệ phân bổ quyền: 1:1
- Số lượng cổ đông được phát hành: 162 cổ đông

**Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu theo phương
thức thực hiện quyền**

- Số lượng phát hành: 3.800.000 cổ phiếu
- Tỷ lệ quyền mua: 65:38
- Giá phát hành: 30.000 đồng/cổ phần

- Số lượng cổ đông được phát hành: 66 cổ đông

Cơ quan chấp thuận phát hành Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Đợt 2:

VĐL trước phát hành 168.000.000.000 VNĐ

VĐL sau phát hành 344.400.000.000 VNĐ

Tỷ lệ phát hành cho cổ đông hiện hữu 1:1

Tổng số lượng cổ phần phát hành 17.640.000 cổ phần. Trong đó:

- Phát hành cho cổ đông hiện hữu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu 16.800.000 cổ phần
- Phát hành cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên theo chương trình ESOP 840.000 cổ phần

Phương thức tăng vốn

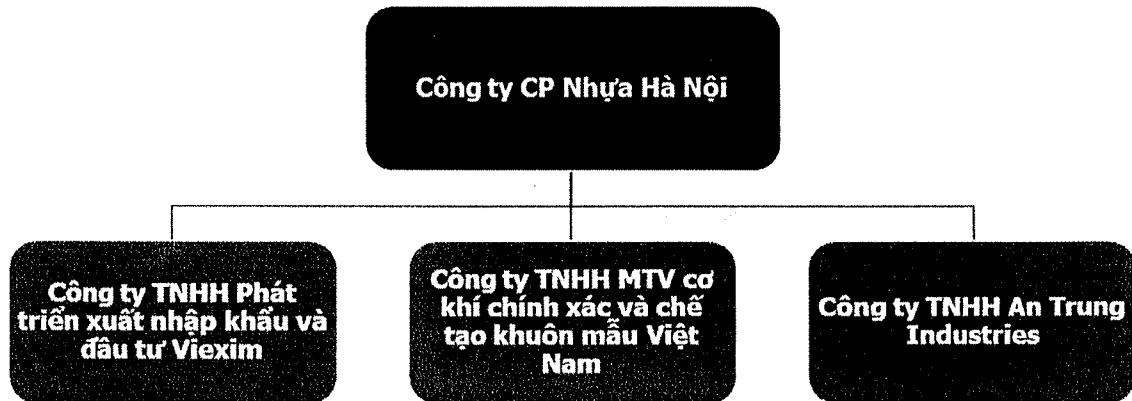
Phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

- Số lượng phát hành: 16.800.000 cổ phiếu
- Tỷ lệ phân bổ quyền: 1:1
- Số lượng cổ đông được phát hành: 206 cổ đông

Phát hành cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty

- Số lượng phát hành: 840.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ đông được phát hành: 2 cổ đông

Cơ quan chấp thuận phát hành Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty
Hình 3. Cơ cấu tổ chức của Công ty


Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại thời điểm tháng 9 năm 2019 như sau:

Bảng 3. Các công ty con trực thuộc Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội tại thời điểm 30/09/2019

STT	Tên công ty	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM	20.700.000.000	100%	Thôn Hào – xã Liêu Xá – huyện Yên Mỹ - Tỉnh Hưng Yên	Sản xuất sản phẩm nhựa xe máy
2	Công ty TNHH MTV cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	30.969.000.000	100%	Lô CN11+CN12 cụm CN An Đồng, Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Sản xuất sản phẩm từ plastic

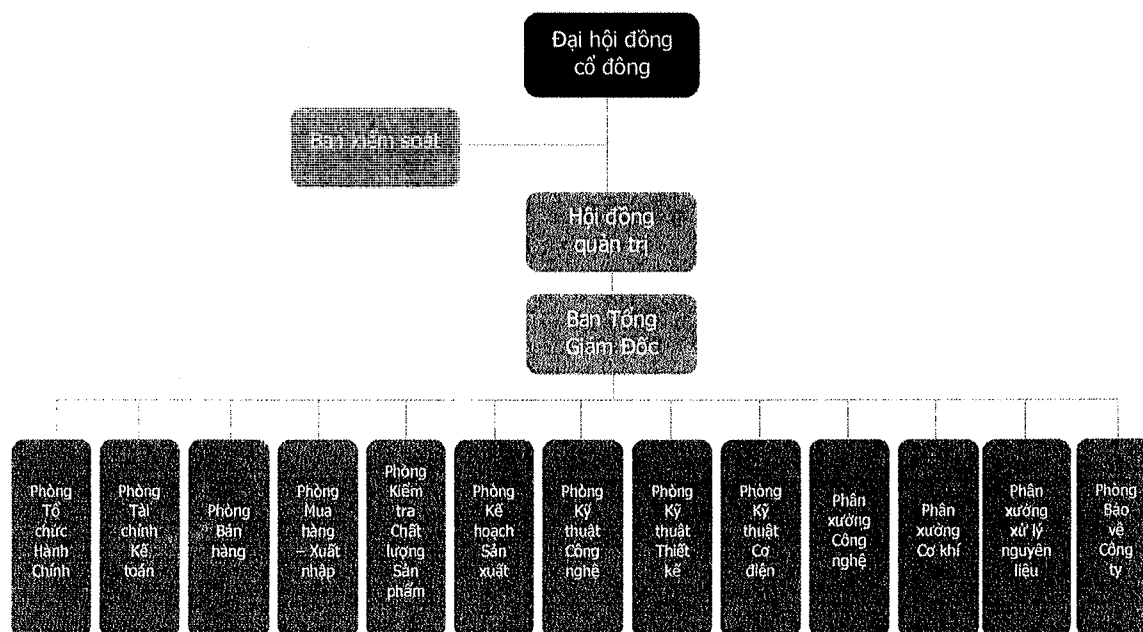
STT	Tên công ty	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
3	Công ty TNHH An Trung Industries	90.000.000.000	100%	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km47 quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Sản xuất các sản phẩm từ plastic

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội được tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty.

Hình 4. Sơ đồ tổ chức, quản lý của Công ty mẹ



Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

3.1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng

năm và định hướng phát triển của Công ty; thông qua Báo cáo tài chính năm được kiểm toán, các báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật pháp và Điều lệ Công ty.

3.2. Hội đồng quản trị (HĐQT)

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty.
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHCĐ thông qua.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc.
- Kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHCĐ.
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHCĐ.
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Hiện tại Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội có 05 thành viên. Cơ cấu Hội đồng quản trị đương nhiệm:

Ông Bùi Minh Hải	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Phạm Quốc Trung	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Bùi Thanh Nam	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Mẫn Chí Trung	Thành viên Hội đồng quản trị

3.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong công việc quản lý và điều hành Công ty; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

Hiện tại Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội có 03 thành viên. Cơ cấu Ban Kiểm soát đương nhiệm:

Bà Đỗ Thị Tuyến	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Trần Hoa Tùng	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Bảo Linh	Thành viên Ban Kiểm soát

3.4 Ban Tổng Giám đốc Công ty

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Tổng Giám đốc điều hành chung các hoạt động của Công ty và trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực. Tổng Giám đốc phân công cho các Phó Tổng Giám đốc phụ trách một số lĩnh vực cụ thể. Theo yêu cầu điều hành trong từng thời gian, Tổng Giám đốc có thể điều chỉnh lại sự phân công việc giữa các Phó Tổng Giám đốc. Khi cần thiết Tổng Giám đốc có thể uỷ quyền cho Phó Tổng Giám đốc thực hiện một số nhiệm vụ của Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc là người giúp cho Tổng Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và uỷ quyền của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và giao quyền.

Thành phần Ban Tổng Giám đốc đương nhiệm:

Ông Bùi Thanh Nam	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Thanh Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mẫn Chí Trung	Phó Tổng Giám đốc

3.5 Giám đốc tài chính/Kế toán trưởng:

Bà Đỗ Thị Hương Giang	Giám đốc tài chính kiêm Kế Toán Trưởng
-----------------------	--

3.6 Các công ty con

Công ty hiện có 03 công ty con:

- Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM;
- Công ty TNHH MTV cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam;
- Công ty TNHH An Trung Industries.

3.7 Các phòng ban/Bộ máy giúp việc

❖ **Phòng tổ chức hành chính:**

- Tuyển dụng, đánh giá và đào tạo nguồn nhân lực;
- Lập kế hoạch và triển khai đảm bảo các chế độ đối với người lao động: lương, thưởng, ăn công nghiệp, nâng bậc, khám sức khỏe, trang bị bảo hộ lao động, ốm,...;
- Quản lý cơ sở hạ tầng và công cụ dụng cụ văn phòng;
- Đảm bảo công tác hành chính, môi trường, 5S, ISO, công văn;
- Đảm bảo cơ sở vật chất của công ty: Đất đai, nhà xưởng, thiết bị khác;
- Phụ trách các công tác về nhân sự, xây dựng tiền lương, sức khỏe, môi trường, ăn uống, ISO, 5S, các giấy tờ đi đến, văn phòng phẩm, tiếp khách và các nhiệm vụ khác được giao.

❖ **Phòng Tài chính kế toán**

- Phụ trách công tác tài chính kế toán của Công ty; Quản lý, hạch toán chính xác toàn bộ tài sản, tiền vốn của Công ty cổ phần theo đúng quy định của chế độ hạch toán kế toán, thống kê hiện hành, phản ánh kịp thời tình hình sử dụng, biến động tài sản, vốn. Đặc biệt, thực hiện kết hợp các Phòng Kế hoạch sản xuất, Phòng Kỹ thuật thiết kế, Phân xưởng cơ khí hạch toán phân bổ khấu hao khuôn, dụng cụ, phương tiện đóng hàng, phương tiện phục vụ sản xuất có giá trị lớn và có thời gian sử dụng dài, nhằm mục tiêu hạch toán sát thực tế các khoản mục chi phí – lỗ - lãi trong kỳ của Công ty cổ phần;
- Thường xuyên kiểm tra, đối chiếu tình hình công nợ, xác định và phân loại các khoản nợ tồn đọng, phân tích khả năng thu hồi để có biện pháp xử lý kịp thời;
- Quản lý tiền mặt và các chi phí phục vụ sản xuất, quan hệ giao dịch với ngân hàng, tổ chức tài chính, chi trả lương cho cán bộ công nhân viên, tính toán lỗ lãi, bảo toàn vốn của Công ty.

❖ **Phòng Kế hoạch sản xuất**

- Lập kế hoạch sản xuất tuần, tháng, năm, điều độ và tổ chức quản lý sản xuất, giao hàng, kết nối công ty con. Lập và giám sát Kế hoạch tổng thể triển khai sau khi ký hợp đồng.

❖ **Phòng Mua hàng – xuất nhập khẩu:**

- Quản lý mua vật tư, nguyên liệu, thiết bị, khuôn mẫu. Quản lý kho vật tư – Bán phẩm, quản lý nhà cung cấp, làm công tác xuất nhập khẩu cả vật tư - hàng hóa.

❖ Phòng Bán hàng

- Quản lý bán hàng (bao gồm cả nội địa – xuất nhập khẩu), lập và quản lý giá - kết nối công ty con, marketing, quản lý khách hàng, quản lý kho thành phẩm.

❖ Phòng Kỹ thuật thiết kế

Phụ trách công tác quản lý kỹ thuật về khuôn mẫu:

- Tổ chức triển khai thiết kế khuôn;
- Lập phương án đối với sự cố khuôn lớn;
- Quản lý khuôn;
- Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới;
- Đào tạo mới và đào tạo nâng cao tay nghề cho lao động;
- Quản lý công tác kỹ thuật công nghệ sản xuất nhựa.

❖ Phòng Kỹ thuật công nghệ

- Tham gia nghiên cứu, chế thử sản phẩm mới;
- Xây dựng tiêu chuẩn quản lý công đoạn sản xuất, quy trình công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm, dụng cụ phục vụ sản xuất, định mức lao động, định mức nguyên vật liệu, đảm bảo sản xuất ổn định;
- Xác minh các khiếu nại về chất lượng của khách hàng, truy tìm nguyên nhân và đưa ra hành động khắc phục phòng ngừa;
- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và hướng dẫn các đơn vị thực hiện công tác chất lượng;
- Đào tạo mới và đào tạo nâng cao tay nghề cho lao động.

❖ Phòng Kỹ thuật cơ điện

- Quản lý máy, thiết bị; quản lý và thực hiện công tác kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt, thiết bị đo;
- Đảm bảo vận hành và quản lý việc cấp điện năng toàn Công ty;

- Quản lý công tác cải tiến kỹ thuật, sáng kiến, quy trình quy phạm kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động;
- Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị; chế tạo Jig, dưỡng, công cụ sản xuất;
- Đào tạo mới và đào tạo nâng cao tay nghề cho lao động.

❖ **Phòng Bảo vệ Công ty**

- Đảm bảo công tác bảo vệ an toàn tài sản, an ninh, phòng cháy chữa cháy và yêu cầu an toàn khác;
- Đảm bảo công tác quốc phòng, chính sách hậu phương quân đội và luật nghĩa vụ quân sự, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên;
- Kiểm soát việc xuất nhập hàng hóa, sản phẩm, tài sản, ... ra vào Công ty đúng quy định.

❖ **Phòng Kiểm tra chất lượng sản phẩm**

- Kiểm tra, giám sát, thống kê lỗi, phân tích tình hình chất lượng vật tư đầu vào, sản phẩm trong và sau quá trình sản xuất;
- Kết hợp với các đơn vị nhằm khắc phục, giải quyết, phòng ngừa các vấn đề về chất lượng sản phẩm;
- Quản lý thiết bị đo kiểm, mẫu sản phẩm, dạng mẫu lỗi và thực hiện đào tạo kiểm soát lỗi.

❖ **Phòng Xưởng cơ khí**

- Lập kế hoạch và triển khai lập trình, gia công, chế tạo khuôn;
- Sửa chữa khuôn sự cố nhỏ;
- Quản lý thiết bị, lao động, vật tư, khuôn và bảo đảm vận hành máy, thống kê giờ máy theo đúng quy định của Công ty.

❖ **Phòng Xưởng xử lý nguyên liệu**

- Tổ chức triển khai kế hoạch tạo nguyên liệu đảm bảo kế hoạch sản xuất đảm bảo thời gian và chất lượng;
- Quản lý thiết bị, lao động, vật tư, sản phẩm và thực hiện việc vận hành máy, sản xuất thanh quyết toán theo đúng quy định của Công ty;
- Thực hiện việc đóng, kiểm hàng giao theo kế hoạch sản xuất;

- Quản lý Tổ vận chuyển/Giao hàng: Tổ chức vận chuyển nội bộ và bốc xếp xuất nhập hàng hóa - vật tư, giao hàng cùng lái xe tới khách hàng;
- Quản lý và phân loại phế xê, xử lý bằm chặt đảm bảo quay vòng sử dụng cho Phân xưởng công nghệ.

❖ **Phân xưởng công nghệ:**

- Tổ chức triển khai kế hoạch sản xuất trên các thiết bị gia công ép phun nhựa và công đoạn lắp ráp, hoàn thiện sản phẩm đảm bảo thời gian và chất lượng;
- Quản lý thiết bị, lao động, vật tư, sản phẩm và thực hiện việc tháo lắp khuôn, vận hành máy, thanh quyết toán theo đúng quy định của Công ty;
- Triển khai xác lập tài liệu kỹ thuật với các sản phẩm đã sản xuất đại trà.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông của Công ty.

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty:

Bảng 4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty

tại ngày 04/09/2019

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Lô CN11 - CN12, cụm Công Nghiệp An Đồng, TT Nam Sách, Huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Dương	0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 31/03/2017	16.800.000	48,78%
Tổng cộng				16.800.000	48,78%

Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội chốt tại ngày 04/09/2019

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ:

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội không có cổ đông sáng lập.

4.3. Cơ cấu Cổ đông của Công ty
Bảng 5. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 04/09/2019

TT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ đông trong nước	328	34.434.200	99,983%
	- Cá nhân	326	17.067.800	49,558%
	- Tổ chức	2	17.366.400	50,425%
2	Cổ đông nước ngoài	04	5.800	0,017%
	- Cá nhân	03	4.800	0,014%
	- Tổ chức	01	1.000	0,003%
Tổng cộng		332	34.440.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty Nhựa Hà Nội chốt tại ngày 04/09/2019

5. Danh sách Công ty mẹ, Công ty con của Tổ chức đăng ký niêm yết, những Công ty mà Tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức đăng ký niêm yết

5.1. Danh sách Công ty mẹ

Không có.

5.2. Danh sách các Công ty con

(1) Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư Viexim

Địa chỉ : Thôn Hào, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại : 0221 3974817

Fax : 0221 3974930

Giấy CNĐKKD : 0900259855

Ngày thành lập : 14/11/2006

Vốn điều lệ đăng ký : 20.700.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp : 20.700.000.000 đồng

Đại diện : Phạm Quốc Trung

Chức vụ : Giám đốc

Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất các sản phẩm từ plastic

Tỷ lệ vốn góp : 100% Vốn điều lệ

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	9 tháng 2019
Tổng tài sản	44.853.363.200	58.133.288.898	69.866.379.353
Vốn chủ sở hữu	34.799.039.254	33.919.176.839	39.356.587.566
Doanh thu thuần	111.087.288.286	119.970.327.686	152.436.436.328
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	16.020.309.238	15.532.496.606	13.101.705.678
Lợi nhuận trước thuế	7.725.308.527	6.639.844.500	13.182.011.677
Lợi nhuận sau thuế	6.166.520.042	5.300.272.900	10.544.669.440

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

(2) Công ty TNHH MTV cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam

Địa chỉ : Lô CN11+CN12 cụm CN An Đồng, Thị trấn Nam Sách, huyện Nam

Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Giấy CNĐKKD : 0801277109

Ngày thành lập : 17/01/2019

Vốn điều lệ đăng ký : 30.969.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp : 30.969.000.000 đồng

Đại diện : Nguyễn Lê Chức

Chức vụ : Giám đốc

Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất sản phẩm từ plastic

Tỷ lệ vốn góp : 100% Vốn điều lệ

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	9 tháng 2019
Tổng tài sản	-	-	32.741.035.533
Vốn chủ sở hữu	-	-	30.909.512.985
Doanh thu thuần	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-	-	(31.955.233)
Lợi nhuận trước thuế	-	-	(31.955.233)
Lợi nhuận sau thuế	-	-	(31.955.233)

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

(3) Công ty TNHH An Trung Industries

Địa chỉ : Lô CN11+CN12 cụm CN An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại : 0220 3896767

Giấy CNĐKKD : 0801246654

Ngày thành lập : 28/03/2018

Vốn điều lệ đăng ký : 90.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp : 90.000.000.000 đồng

Đại diện : Mẫn Chí Trung

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Nhà nghề kinh doanh : Sản xuất các sản phẩm từ plastic

Tỷ lệ vốn góp : 100% Vốn điều lệ

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	9 tháng 2019
Tổng tài sản	-	15.785.811.655	367.747.335.715
Vốn chủ sở hữu	-	8.968.572.071	87.473.154.842
Doanh thu thuần	-	-	99.702.203.014
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-	-	(2.709.602.250)

Lợi nhuận trước thuế	-	(31.427.929)	(2.526.845.158)
Lợi nhuận sau thuế	-	(31.427.929)	(2.526.845.158)

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Vào ngày 05/04/2019, Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội đã hoàn tất việc mua 8.000.000 cổ phần phát hành riêng lẻ của Công ty An Trung với giá bằng mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, tương đương với 88,89% tổng số cổ phần của Công ty này. Theo đó, Công ty An Trung trở thành công ty con của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội kể từ ngày này.

Cơ sở xác định giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty Cổ phần An Trung Industries:

Giá trị hợp lý tạm tính tại ngày mua Công ty Cổ phần An Trung Industries được xác định căn cứ theo giá trị sổ sách tại ngày mua theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11. Công ty đang trong quá trình hoàn tất việc xác định giá trị hợp lý tại ngày mua của Công ty Cổ phần An Trung Industries trong vòng 01 năm kể từ ngày mua.

Vào ngày 26/08/2019, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội đã thông qua việc nhận chuyển nhượng 1.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần An Trung Industries từ các cổ đông hiện hữu với giá bằng mệnh giá là 10.010 đồng/cổ phần. Số cổ phần Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội sở hữu tại Công ty An Trung sau khi nhận chuyển nhượng là 9.000.000 cổ phần, chiếm 100% tổng vốn điều lệ của An Trung, và Công ty Cổ phần An Trung Industries sẽ chuyển đổi loại hình sang Công ty TNHH MTV do Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội sở hữu 100%.

5.3. Danh sách những Công ty mà Tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có.

5.4. Danh sách những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

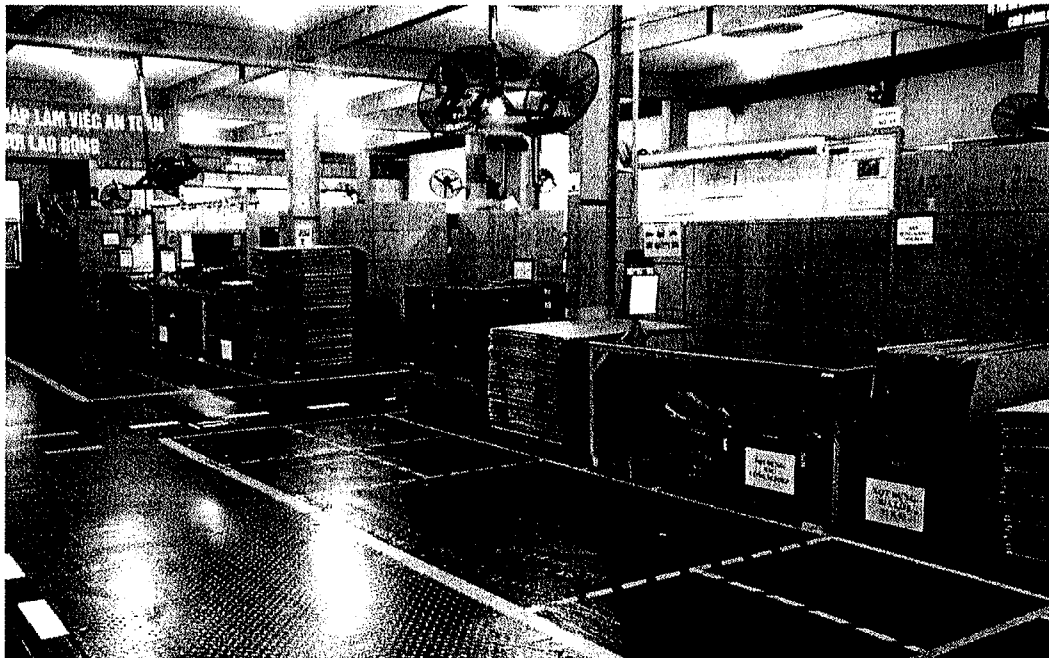
6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Các mảng kinh doanh chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ như: phụ tùng ô tô, xe máy cung cấp cho Toyota Việt Nam, Honda Việt Nam, Piaggio Việt Nam, VMEP; linh kiện điện - điện tử, xây dựng cung cấp cho Panasonic, KORG Việt Nam, và xuất khẩu sang Nhật Bản, Italia; cung cấp các hộp nhựa, pallet công nghiệp cho các ngành sản xuất công nghiệp trong nước; chế tạo khuôn mẫu cho ngành nhựa. Hiện tại Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội có 3 nhà máy đã đi vào hoạt động:

- **Nhà máy tại Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội**

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ Phần Nhựa Hà Nội
- Vị trí nhà máy: Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, TP. Hà Nội
- Diện tích khu đất xây dựng nhà máy: 23.126 m².
- Quy mô sản xuất và kinh doanh: Sản xuất các sản phẩm thuộc ngành công nghiệp phụ trợ như: phụ tùng ô tô, xe máy; phụ kiện ngành điện tử viễn thông; phụ kiện ngành xây dựng; phụ kiện cho sản phẩm điều hòa; ...
- Năm chính thức đi vào hoạt động: 1972
- Quy mô của nhà máy: Hiện nhà máy có khoảng 65 máy ép nhựa; 10 trung tâm gia công khuôn
- Công suất thiết kế: 9.000 tấn sản phẩm/năm
- Công suất hoạt động: 80%
- Nhà máy của HPC với 3 phân xưởng chính: Phân xưởng Xử lý nguyên liệu; Phân xưởng Cơ khí, và Phân xưởng Công nghệ.
 - Phân xưởng Xử lý nguyên liệu: Nhiệm vụ chủ yếu của phân xưởng Xử lý nguyên liệu là thực hiện công nghệ sản xuất tạo hạt nguyên liệu, phục vụ sản xuất sản phẩm nhựa của Công ty. Bên cạnh đó, phân xưởng sẽ luôn đảm bảo mọi quy trình sản xuất trong giai đoạn này phải đáp ứng tiêu chuẩn của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000 và hệ thống quản lý môi trường TCVN ISO 14000.



- Phân xưởng Cơ khí: Đây là phân xưởng tổ chức triển khai công tác gia công chế tạo khuôn, sửa chữa và bảo dưỡng khuôn mẫu theo yêu cầu của các đơn vị liên quan, lắp đặt thiết bị sản xuất theo đúng tiến độ, kế hoạch của Công ty.



- Phân xưởng Công nghệ: Tại phân xưởng này, các kế hoạch sản xuất của công ty được thực hiện chính xác trên các máy gia công sản phẩm nhựa đồng thời lắp ráp, hoàn thiện sản phẩm đảm bảo thời gian và chất lượng cao nhất theo yêu cầu của khách hàng.



- Sản lượng sản xuất qua các năm:

TT	Loại sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018	9 tháng 2019
1	Sản phẩm nhựa	Kg	7.311.583	7.879.661	6.506.250
2	Khuôn	Cái	22	45	40

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

- **Nhà máy tại Công ty TNHH phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM (Nhà máy Viexim)**

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM (Công ty con do HPC sở hữu 100% vốn điều lệ).
- Vị trí nhà máy: Thôn Hào, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.
- Diện tích khu đất xây dựng nhà máy: 23.089 m².
- Quy mô sản xuất và kinh doanh: Sản xuất các sản phẩm thuộc ngành công nghiệp phụ trợ như: phụ tùng ô tô, xe máy; phụ kiện ngành điện tử viễn thông; phụ kiện ngành xây dựng; phụ kiện cho sản phẩm điều hòa;...
- Năm chính thức đi vào hoạt động: 2012
- Quy mô của nhà máy: Hiện nhà máy có khoảng 50 máy ép nhựa
- Công suất thiết kế: 3.000 tấn sản phẩm/năm
- Công suất hoạt động: 70% - 80%
- Nhà máy VIEXIM cũng có 2 phân xưởng chính: Phân xưởng Xử lý nguyên liệu và Phân xưởng Công nghệ.
- Sản lượng sản xuất qua các năm:

TT	Loại sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018	9 tháng 2019
1	Sản phẩm nhựa	Kg	1.141.883	1.618.991	1.875.000

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

- **Nhà máy tại Công ty TNHH An Trung Industries (Nhà máy An Trung Industries)**

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH An Trung Industries (Công ty con do HPC sở hữu 100% vốn điều lệ).
- Hình thức đầu tư: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty cổ phần An Trung Industries theo hình thức hợp đồng BCC để thực hiện đầu tư xây dựng (Nghị quyết HĐQT số 578/NHH/NQ – HĐQT ngày 14/08/2019 thông qua việc dừng triển khai Dự án

đầu tư xây dựng nhà máy theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 31/2019/NQ – ĐHĐCĐ ngày 26/03/2019 và thông qua việc góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần An Trung Industries đầu tư xây dựng nhà máy).

- Tổng vốn đầu tư: 334,05 tỷ đồng, gồm: Chi phí mua quyền sử dụng đất và nhà xưởng là 162,737 tỷ đồng; Chi phí mua máy móc, thiết bị là 171,313 tỷ đồng. Trong đó, HPC góp 254,1 tỷ đồng, ATI góp 79,95 tỷ đồng.
- Vị trí nhà máy: Khu Công Nghiệp kỹ thuật Cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Diện tích khu đất xây dựng nhà máy: 18.438 m².
- Quy mô sản xuất và kinh doanh: Sản xuất các sản phẩm nhựa cho ngành điện – điện tử; các sản phẩm nhựa sinh học phân hủy hoàn toàn như: dao, thìa, đĩa, ống hút,...
- Năm chính thức đi vào hoạt động: Quý III/2019
- Quy mô của nhà máy: Hiện nhà máy có khoảng 40 máy ép nhựa
- Công suất thiết kế: 3.000 tấn sản phẩm/năm
- Công suất hoạt động: 60%
- Sản lượng sản xuất qua các năm:

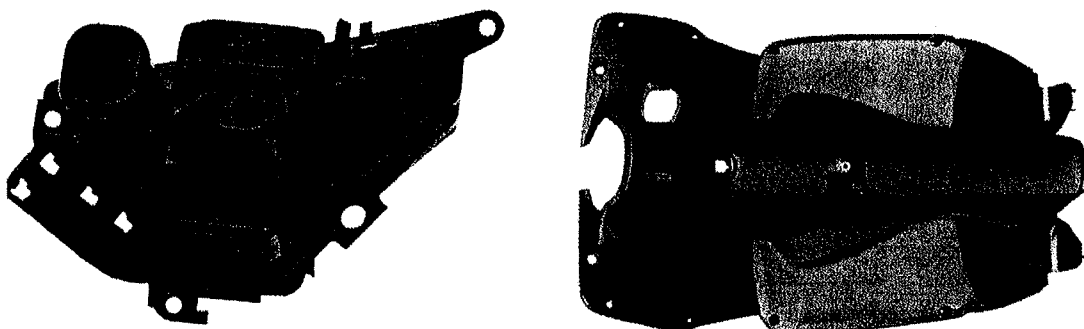
TT	Loại sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018	Quý 3/2019
1	Sản phẩm nhựa cho ngành điện – điện tử	Kg	-	-	929.021

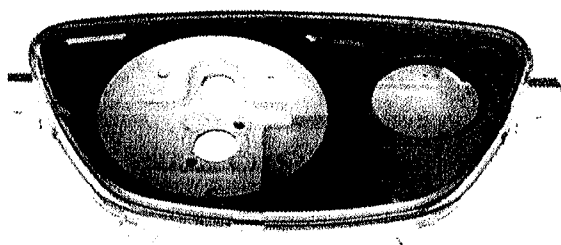
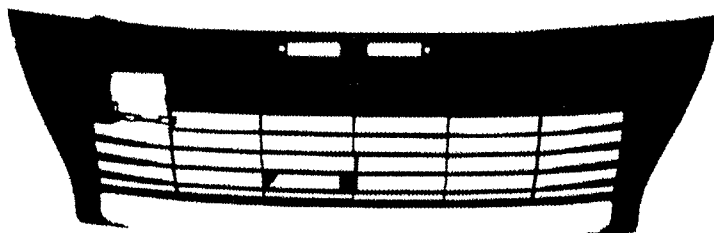
Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Kế hoạch đầu tư mở rộng Dự án Nhà máy An Trung Industries

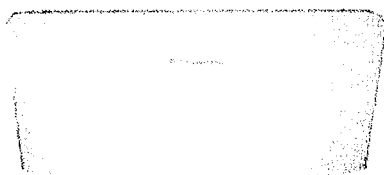
Từ tháng 3/2020, Công ty dự kiến sẽ lắp đặt bổ sung máy móc, thiết bị, dự kiến giai đoạn 2020 – 2022, sẽ nâng tổng số máy móc từ 42 máy ép nhựa lên 110 máy ép nhựa, công suất dự kiến đạt 10.000 tấn sản phẩm/năm.

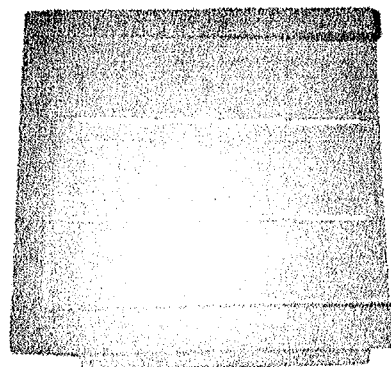
Sản phẩm phụ tùng ô tô, xe máy



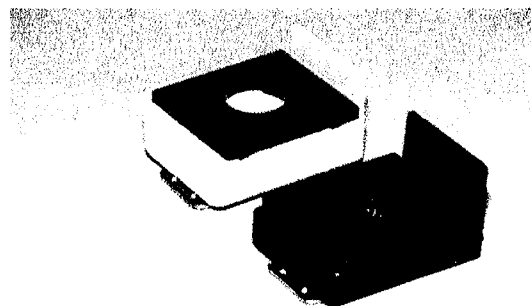
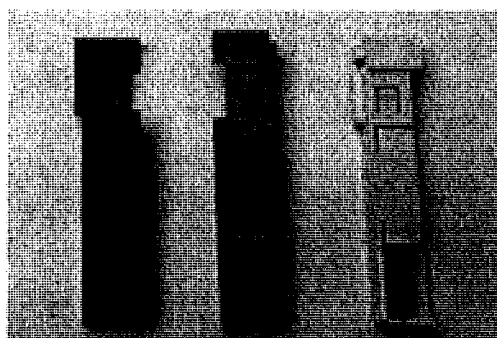


Phụ kiện ngành điện tử viễn thông

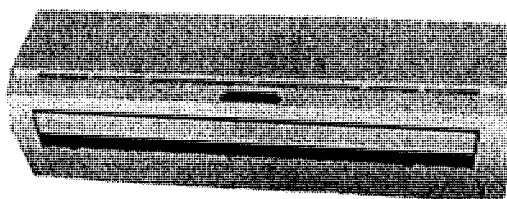
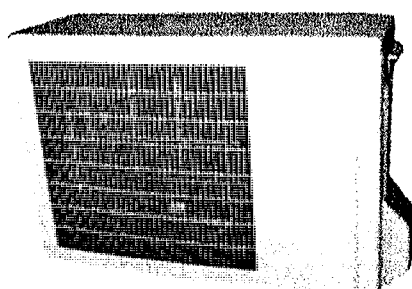


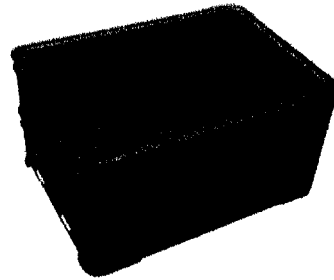
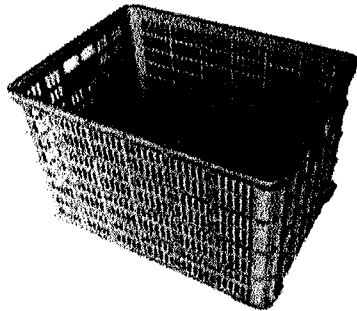
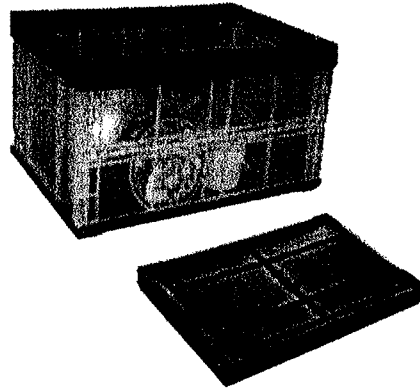
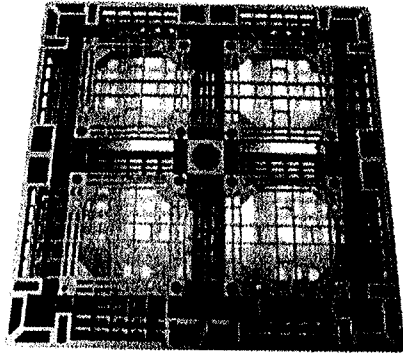


Phụ kiện ngành xây dựng



Phụ kiện cho sản phẩm điều hòa



Sản phẩm Pallet, thùng chứa

6.2. Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận
Bảng 6. Bảng cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất 2017, 2018 và Quý 3/2019

Đơn vị: Triệu VND

Phân loại	2017		2018		Lũy kế đến hết Q3/2019	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
Doanh thu thuần bán thành phẩm	887.798	99,76	1.027.972	99,86	704.464	81,49
Doanh thu thuần bán hàng hóa	-	-	-	-	152.657	17,66

Phân loại	2017		2018		Lũy kế đến hết Q3/2019	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2.106	0,24	1.409	0,14	7.397	0,86
Tổng cộng	889.904	100	1.029.381	100	864.519	100

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018, BCTC hợp nhất quý 3 năm 2019 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Thành phẩm là những sản phẩm do Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội và Công ty con của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội sản xuất ra, bao gồm: sản phẩm phụ tùng ô tô, xe máy; phụ kiện ngành điện tử viễn thông; phụ kiện cho sản phẩm điều hòa; khuôn thép để đúc ra nhựa;...

Hàng hóa là những mặt hàng Công ty kinh doanh, cụ thể là hạt nhựa. Từ năm 2019, Công ty mới phát sinh việc kinh doanh hạt nhựa.

Dịch vụ mà Công ty cung cấp là dịch vụ cho thuê và sửa chữa khuôn.

Công ty có thể duy trì mức sản lượng, doanh thu ổn định qua các năm do khách hàng chủ yếu là các khách hàng lớn, đã hợp tác với Công ty trong thời gian dài. Ngoài ra, trong năm 2018, Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội đã ký thêm hợp đồng cung cấp linh kiện máy giặt cho một số công ty Hàn Quốc và hợp đồng cung cấp phụ tùng xe máy với Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Vinfast. Những hợp đồng ký mới này, đặc biệt là hợp đồng với Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Vinfast dự kiến sẽ đem lại nguồn doanh thu đáng kể cho Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội trong giai đoạn sắp tới.

Phần lớn nguồn thu của Công ty đến từ hoạt động sản xuất và bán thành phẩm. Sản lượng nhựa sản xuất năm 2018 của Công ty đạt 9.516.652 tấn, tăng hơn 1.000.000 tấn, tương ứng với mức tăng 12,44% so với năm 2017, sản lượng sản xuất khuôn năm 2018 cũng tăng so với năm trước, từ 22 khuôn năm 2017 lên 45 khuôn năm 2018. Sản lượng sản xuất tăng kéo theo doanh thu của Công ty cũng tăng, doanh thu của Công ty trong năm 2018 đã tăng 15,67% so với năm 2017, tương đương khoảng 139 tỷ đồng do các hoạt động sản xuất của Công ty được mở rộng. Đây cũng là năm doanh thu có mức tăng trưởng vượt trội so với các năm trước, trong khi tỷ lệ tăng trưởng hàng năm kép của doanh thu thuần trong giai đoạn 2015 – 2018 ở mức 6%.

Bảng 7. Bảng cơ cấu doanh thu thuần riêng 2017, 2018 và Quý 3/2019

Đơn vị: Triệu VND

Phân loại	2017		2018		Lũy kế đến hết Q3/2019	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
Doanh thu thuần bán thành phẩm	836.531	88,86	975.734	89,87	696.834	81,70
Doanh thu thuần bán hàng hóa	102.767	10,92	108.612	10,00	152.346	17,86
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2.106	0,22	1.409	0,13	3.777	0,44
Tổng cộng	941.404	100	1.085.756	100	852.957	100

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2017, 2018, BCTC riêng Quý 3 năm 2019 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Nhiều sản phẩm của Công ty như sản phẩm phụ tùng ô tô, xe máy; phụ kiện ngành điện tử viễn thông; phụ kiện cho sản phẩm điều hòa;... Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội chuyển sang cho công ty con là Công ty TNHH phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư Viexim sản xuất, sau đó bán lại cho Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội và Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội bán lại cho khách hàng. Vì vậy, các sản phẩm đó cũng được ghi nhận vào doanh thu thuần bán hàng hóa của Công ty. Ngoài ra, từ năm 2019, Công ty có kinh doanh thêm hạt nhựa.

Cơ cấu doanh thu riêng có sự tương đồng với cơ cấu doanh thu hợp nhất. Trong đó doanh thu từ bán thành phẩm chiếm chủ yếu trong cơ cấu doanh thu, đóng góp tới 89,87% doanh thu thuần trong năm 2018. Năm 2018, sản lượng sản xuất của Công ty mẹ HPC đạt 7.897.661 tấn sản phẩm nhựa, tăng 7,50% so với năm 2017, sản lượng sản xuất khuôn tăng từ 22 khuôn năm 2017 lên 45 khuôn năm 2018, kéo theo doanh thu riêng năm 2018 tăng theo. Cụ thể, năm 2018, doanh thu riêng tăng 15,3% so với năm 2017, đạt mức 1.086 tỷ đồng, trong đó, doanh thu bán thành phẩm đạt gần 976 tỷ đồng, tăng 16,64% so với năm 2017.

Bảng 8. Bảng cơ cấu lợi nhuận gộp 2017, 2018 và Quý 3/2019 – Hợp nhất

Đơn vị: Triệu VND

Phân loại	2017		2018		Lũy kế đến hết Q3/2019	
	Giá trị	%LN	Giá trị	%LN	Giá trị	%LN
Bán thành phẩm	143.452	98,55	135.504	98,97	104.069	94,10
Bán hàng hóa	-	-	-	-	3.053	2,76
Cung cấp dịch vụ	2.106	1,45	1.409	1,03	3.473	3,14
Lợi nhuận gộp	145.558	100	136.913	100	110.595	100

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và 2018, BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2019 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Bảng 9. Bảng cơ cấu lợi nhuận gộp 2017, 2018 và Quý 3/2019 – Riêng

Đơn vị: Triệu VND

Phân loại	2017		2018		Lũy kế đến hết Q3/2019	
	Giá trị	%LN	Giá trị	%LN	Giá trị	%LN
Bán thành phẩm	122.341	94,44	114.007	93,93	74.112	91,70
Bán hàng hóa	5.091	3,93	5.964	4,91	2.929	3,62
Cung cấp dịch vụ	2.106	1,63	1.409	1,16	3.777	4,67
Lợi nhuận gộp	129.538	100	121.380	100	80.817	100

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2017 và 2018, BCTC riêng Quý 3 năm 2019 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Tuy doanh thu tăng trưởng ổn định, lợi nhuận gộp trên BCTC riêng và hợp nhất năm 2018 đều sụt giảm nhẹ so với năm 2017. Nguyên nhân chính là bởi giá hạt nhựa, nguyên vật liệu chính, tăng mạnh trong giai đoạn 2016 - 2018 theo đà phục hồi của giá dầu. Trong 2 năm gần đây, giá hạt nhựa PP tăng tới 43%, giá hạt nhựa năm 2018 tăng 12,18% so với năm trước. 9 tháng đầu năm 2019, giá hạt nhựa PP trải qua biến động mạnh. Theo dữ liệu của Plasticportal, nếu nửa đầu năm 2019, giá hạt nhựa PP có xu hướng tăng từ €1.27/kg lên mức đỉnh €1.32/kg vào tháng 6/2019 thì trong 3 tháng, giá hạt nhựa PP có xu hướng giảm và đạt mức €1.18/kg. Đây là nguyên nhân khiến biên lợi nhuận gộp 9 tháng đầu năm đạt 12,79%, giảm 0,51% so với biên lợi nhuận gộp năm 2018. Công ty kỳ vọng năm 2019 tỷ suất lợi nhuận gộp sẽ được cải thiện nhờ vào việc giá dầu bình ổn, chỉ tăng khoảng 1% theo dự báo của World Bank.

6.3. Các yếu tố đầu vào

6.3.1. Nguồn nguyên vật liệu

Sản phẩm của Công ty thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ nên cần có chất lượng cao nhằm đảm bảo các tính năng và công năng theo yêu cầu từ các thương hiệu lớn. Do vậy, nguyên liệu nhựa được sử dụng sản xuất sản phẩm đều có xuất xứ rõ ràng và là nhựa kỹ thuật có tiêu chuẩn cao, phần lớn trong nước chưa sản xuất được. Công ty nhập khẩu các loại nhựa PP Copolymer, ABS, PC/ABS, PA66, PP 20GF, PP 30GF, PA6 20-50GF, PA66 30GF, PC, AS, TPO, TPE, PPS... từ các nước tiên tiến như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Malaysia, Thái Lan... và nhựa PVC (F), uPVC của công ty FDI tại Việt Nam.

Nguồn nguyên liệu thép cho chế tạo khuôn cũng đều được nhập khẩu từ các thương hiệu lớn như Hitachi, Daio (Nhật Bản), ASSAB (Thụy Điển), THYSENKRUPP (Đức), đảm bảo chất lượng thép không rỉ, có độ bóng cao, độ cứng phù hợp. Phụ tùng cho khuôn cũng đều là phụ tùng tiêu chuẩn từ các hãng nổi tiếng như Mitsumi (Nhật Bản), YUDO (Hàn Quốc).

Sự ổn định của các nguồn cung cấp này và ảnh hưởng của giá nguyên vật liệu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu là nhập khẩu từ các nước tiên tiến hoặc mua qua các tổ chức kinh doanh thương mại. Đây là các đối tác có quan hệ kinh doanh lâu năm và uy tín nên Công ty chưa gặp tình trạng thiếu nguyên vật liệu hay lỗi nhịp làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, các nhà cung cấp nước ngoài là các hãng lớn, có tên tuổi trên thị trường nên nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu của Công ty luôn ổn định kể cả trong các thời kỳ khó khăn của nền kinh tế.

Các nhà cung cấp nguyên vật liệu chính của Công ty theo bảng dưới đây đều là đối tác có mối quan hệ hợp tác lâu dài với Công ty. Do vậy, Công ty luôn đảm bảo được sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu với giá cả hợp lý từ các đối tác.

Bảng 10. Danh sách các nhà cung cấp chính

STT	Tên nhà cung cấp	Quốc gia	Sản phẩm
1	Công Ty TNHH Honda Trading Việt Nam	Việt Nam	Hạt nhựa các loại
2	Basf Hong Kong Ltd	Hong Kong	Hạt nhựa các loại
3	Công Ty TNHH LG CHEM Hải Phòng Việt Nam	Việt Nam	Hạt nhựa các loại
4	Công Ty TNHH SIK (Việt Nam)	Việt Nam	Hạt nhựa các loại
5	Machino Polymers Limited	Ấn Độ	Hạt nhựa các loại
6	Công Ty TNHH Resinoplast Việt Nam	Việt Nam	Hạt nhựa các loại
7	Basell Asia Pacific Ltd	Hong Kong	Hạt nhựa các loại
8	Grand Pacific Petrochemical Coporation	Đài Loan	Hạt nhựa các loại
9	Hong Plas International Coporation	Đài Loan	Hạt nhựa các loại
10	LG CHEM Ltd	Hàn Quốc	Hạt nhựa các loại
11	Pt. Riken Indonesia	Indonesia	Hạt nhựa các loại
12	Vinabela International Coporation	Đài Loan	Hạt nhựa các loại
13	Hong Plas International Coporation	Đài Loan	Hạt nhựa các loại

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Bảng 11: Tỷ trọng nguyên vật liệu trên doanh thu

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	Năm 2017	Năm 2018	Lũy kế đến hết Q3/2019	Năm 2017	Năm 2018	Lũy kế đến hết Q3/2019
Chi phí nguyên vật liệu	574.606	683.101	464.765	471.852	573.745	473.073
Doanh thu thuần	941.404	1.085.756	852.957	889.904	1.029.381	864.519
Tỷ trọng	61,04%	62,91%	54,49%	53,02%	55,74%	54,72%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2017 và 2018, BCTC riêng và hợp nhất Quý 3 năm 2019 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Chi phí nguyên vật liệu luôn chiếm tỷ lệ lớn trên doanh thu và tỷ lệ này có xu hướng tăng nhẹ trong năm 2018. Năm 2018 tỷ lệ chi phí nguyên vật liệu trên doanh thu thuần công ty mẹ là 62,91%, tăng 3,06% so với năm 2017, hợp nhất là 55,74%, tăng 5,13% so với năm 2017. Điều này là do ảnh hưởng của giá dầu thế giới trong năm 2018 có xu hướng tăng so với năm 2017. Giá dầu thô Brent năm 2018 đạt mức giá trung bình 71,3 USD/thùng, tăng 17 USD/thùng, tương đương với mức tăng khoảng 31,4% so với mức giá trung bình năm 2017; giá dầu thô WTI đạt mức giá trung bình 65,2 USD/thùng, tăng 14,1 USD/thùng, tăng khoảng 27,7% so với mức giá trung bình năm 2017. Giá dầu tăng dẫn đến giá các loại hạt nhựa nguyên liệu cũng tăng theo và làm tăng chi phí đầu vào cho doanh nghiệp, kéo theo lợi nhuận Công ty bị giảm theo. Năm 2018, lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ công ty mẹ đạt 121,38 tỷ đồng, giảm 8,16 tỷ đồng, tương đương giảm 6,30% so với năm 2017; lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ hợp nhất đạt 136,91 tỷ đồng, giảm 8,65 tỷ đồng, tương đương với mức giảm 5,94%.

9 tháng đầu năm 2019, tỷ trọng chi phí nguyên vật liệu có xu hướng giảm nhẹ so với cả năm 2018, tỷ trọng chi phí nguyên vật liệu trên doanh thu thuần của công ty mẹ đạt 54,49% và của công ty hợp nhất là 54,72%. Xu hướng giá hạt nhựa PP giảm trong 9 tháng đầu năm, từ mức €1.27/kg xuống €1.18/kg, khiến lợi nhuận gộp hợp nhất tăng 18,58% so với cùng kỳ, đạt 110,6 tỷ.

Để hạn chế sự ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới hoạt động kinh doanh, Công ty thực hiện mua nguyên liệu theo kế hoạch sản xuất hàng tháng tùy theo đơn hàng từ phía khách hàng đặt. Theo đó, Công ty sẽ thỏa thuận với khách hàng và nhà cung cấp điều chỉnh đơn giá hợp đồng mỗi khi có thay đổi giá +/-5%. Điều này giúp Công ty linh hoạt và chủ động hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Ban lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng với công thức giá thay đổi như vậy, ảnh hưởng của giá nguyên vật liệu sẽ không còn tác động quá lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

6.3.2. Yếu tố đầu vào chủ yếu

Cơ cấu các khoản mục chi phí đầu vào chủ yếu của Công ty trong các năm gần đây được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 12. Cơ cấu chi phí sản xuất, kinh doanh của Công ty – Hợp nhất

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu	Năm 2017			Năm 2018			Lũy kế đến hết Q3/2019		
	Giá trị	% chi phí	% DTT	Giá trị	% chi phí	% DTT	Giá trị	% chi phí	% DTT
Chi phí nguyên vật liệu	471.852	57,40	53,02	573.745	59,02	55,74	473.073	57,96	54,72
Chi phí nhân công	165.568	20,14	18,61	213.851	22,00	20,77	124.430	15,24	14,3
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.821	8,30	7,66	41.079	4,23	3,99	13.979	1,71	1,6
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.062	13,88	12,82	141.559	14,56	13,75	200.648	24,58	23,21
Chi phí khác	2.338	0,28	0,26	1.935	0,20	0,19	4.109	0,50	0,4
Tổng chi phí	82.203	100	92,37	972.169	100	94,44	816.240	100	94,42
Doanh thu thuần	889.904			1.029.381			864.519		

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và 2018, BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2019 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Là một công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nên chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của Công ty. Chi phí nguyên vật liệu chiếm hơn 59% tổng chi phí và gần 56% doanh thu thuần trong năm 2018, tăng so với năm 2017 do giá nguyên vật liệu nhập khẩu bị ảnh hưởng bởi tình hình giá cả chung trên thị trường thế giới. Tỷ trọng chi phí nguyên vật liệu trên tổng chi phí và tỷ trọng chi phí nguyên vật liệu trên doanh thu thuần có xu hướng giảm trong năm 2019 do giá hạt nhựa nguyên liệu đầu vào giảm trong 9 tháng đầu năm 2019. Chi phí nguyên vật liệu 9 tháng năm 2019 chiếm 57,96% tổng chi phí (năm 2018 là 59,02%) và 54,72% doanh thu thuần (năm 2018 là 55,74%).

Năm 2019, chi phí dịch vụ mua ngoài đã trở thành chi phí chiếm tỷ trọng lớn thứ ba trong cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh. Năm 2017, chi phí dịch vụ mua ngoài chiếm 13,88% tổng chi phí, 2018 chiếm 14,56% tổng chi phí, và chiếm 24,58% tổng chi phí 9 tháng đầu năm 2019. Đây chủ yếu là chi phí thuê sơn mạ sản phẩm, điện, nước, và chi phí sửa chữa bảo dưỡng máy móc thiết bị.

Tỷ trọng chi phí nhân công trong năm 2018 cũng tăng nhẹ so với năm trước, chiếm 22% tổng chi phí và 20,77% doanh thu thuần của Công ty. Năm 2018, Công ty đã tiến hành điều chỉnh tăng lương cho người lao động nhằm đảm bảo nguồn nhân lực làm việc trong tình trạng địa bàn Công ty hoạt động có sự cạnh tranh lao động gay gắt. Đến hết quý 3 năm 2019, chi phí nhân công chiếm 15,24% tổng chi phí và 14,3% doanh thu thuần.

Chi phí khấu hao tài sản cố định chiếm tỷ trọng lớn thứ tư, chiếm 8,3% tổng chi phí năm 2017; 4,23% tổng chi phí năm 2018 và 1,71% tổng chi phí 9 tháng đầu năm 2019. Chi phí khấu hao tài sản cố định có xu hướng giảm qua các năm từ 2017 đến 2019 là do từ năm 2018 trở đi, Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội dừng không trích khấu hao nhanh với tỷ lệ khấu hao gấp 2 lần so với phương pháp khấu hao đường thẳng theo Thông tư 45/2013/TT – BTC (“Thông tư 45”) do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 08 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định như đã thực hiện trong năm 2017, mà thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng theo khung khấu hao ban đầu của Thông tư 45. Việc thay đổi chính sách khấu hao nhanh dẫn đến chi phí khấu hao năm 2018 giảm 31,9 tỷ đồng. Ngoài ra, trong năm 2019, Công ty còn thực hiện tăng thời gian khấu hao lên mức tối đa theo khung quy định hiện hành đối với từng tài sản. Việc tăng thời gian khấu hao tài sản cố định trong năm 2019 dẫn đến chi phí khấu hao cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 giảm 21,4 tỷ đồng.

Bảng 13. Cơ cấu chi phí sản xuất, kinh doanh của Công ty - Riêng

Đơn vị: Triệu VND

Chi tiêu	Năm 2017			Năm 2018			Lũy kế đến hết Q3/2019		
	Giá trị	% chi phí	% DTT	Giá trị	% chi phí	% DTT	Giá trị	% chi phí	% DTT
Chi phí nguyên vật liệu	574.606	65,21	61,04	683.101	66,02	62,91	464.765	56,59	54,49
Chi phí nhân công	137.856	15,64	14,64	180.788	17,47	16,65	108.763	13,24	12,75
Chi phí khấu hao TSCĐ	62.238	7,06	6,61	35.703	3,45	3,29	11.064	1,35	1,30
Chi phí dịch vụ mua ngoài	105.579	11,98	11,22	13.406	12,96	12,35	235.900	28,72	27,66
Chi phí khác	923	0,10	0,10	1.027	0,10	0,09	799	0,10	0,09
Tổng chi phí	881.202	100	93,61	1.034.679	100	95,30	821.291	100	96,29
Doanh thu thuần	941.404			1.085.756			852.957		

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2017 và 2018, BCTC riêng Quý 3 năm 2019 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Cơ cấu chi phí của công ty mẹ có sự tương đồng với cơ cấu chi phí của công ty hợp nhất. Năm 2018, tổng chi phí tăng 17,4% do tăng chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và chi phí dịch vụ mua ngoài, đây cũng là ba thành phần chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty. Từ năm 2017 trở lại đây, chi phí nguyên vật liệu chiếm khoảng 57% – 66% tổng chi phí, chi phí nguyên vật liệu năm 2018 tăng 18,9% so với năm 2017. Cũng trong năm 2018, chi phí nhân công và chi phí dịch vụ mua ngoài đều tăng mạnh, lần lượt ở mức 31,1% và 26,9%.

6.3.3. Việc quản lý các yếu tố đầu vào

Công ty luôn cố gắng nỗ lực trong việc thực hiện các biện pháp cải tiến trong quản lý, tiết kiệm tối đa

các chi phí tăng hiệu quả trong kinh doanh.

Đối với chi phí sản xuất, Công ty đã áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến nhằm tổ chức sản xuất khoa học và giảm chi phí sản xuất tới mức thấp nhất. Cụ thể, Công ty đã thực hiện việc Dandori, lắp khuôn nhanh và Tei-Tei, bố trí sản xuất trên máy liên hoàn theo loại nhựa và giữ quay vòng các tháng nguyên lý giống nhau theo nguyên lý sản xuất mang quy chuẩn toàn cầu của Tập đoàn Toyota.

Đối với chi phí lương và nhân sự, bộ phận nhân sự luôn luôn nghiên cứu thị trường, đề ra mức lương định biên đối với từng vị trí và từng mô tả công việc cụ thể. Mức lương thưởng cụ thể tại Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội còn xét theo các KPI được đặt ra hàng tháng, hàng quý đối với từng đơn vị và từng cá nhân.

6.4. Chi phí gián tiếp để cung cấp dịch vụ

Bảng 14. Cơ cấu chi phí gián tiếp của Công ty – Hợp nhất

Đơn vị: Triệu VND

Khoản mục	2017			2018			Lũy kế đến hết Q3/2019		
	Giá trị	% chi phí	% DTT	Giá trị	% chi phí	% DTT	Giá trị	% chi phí	% DTT
Chi phí bán hàng	37.726	48,49	4,24	42.060	51,38	4,09	26.211	34,81	3,03
Chi phí quản lý doanh nghiệp	34.151	43,90	3,84	38.438	46,95	3,73	36.958	49,08	4,28
Chi phí tài chính	4.963	6,38	0,56	937	1,14	0,09	11.717	15,56	1,36
Chi phí khác	954	1,23	0,11	432	0,53	0,04	412	0,55	0,05
Tổng chi phí	77.794	100	8,74	81.867	100	7,95	75.298	100	8,71
Doanh thu thuần	889.904			1.029.381			864.519		

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và 2018, BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2019 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Đối với các chi phí gián tiếp, chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu chi phí (năm 2017: 48,49%, năm 2018: 51,38%), gồm các chi phí nhân công, chi phí thuê vận chuyển hàng hóa. Chi phí quản lý doanh nghiệp (chi phí tiền lương, khấu hao thiết bị văn phòng, chi phí văn phòng phẩm,...) cũng chiếm một phần không nhỏ trong tổng chi phí gián tiếp, ở mức 46,95% trong năm 2018. Các khoản chi phí gián tiếp trong năm 2018 tăng khoảng 5% so với năm 2017, tuy nhiên tỷ trọng chi phí gián tiếp trên doanh thu thuần lại giảm đáng kể, chỉ còn khoảng 7,95%, cho thấy Công ty trong năm 2018 vừa qua đã có nhiều cải thiện trong việc quản lý chi phí.

9 tháng đầu năm 2019, cơ cấu chi phí gián tiếp có sự thay đổi khi chi phí quản lý chiếm tới 49,08% cơ cấu chi phí, trở thành khoản chi phí gián tiếp lớn nhất, đứng thứ hai là chi phí bán hàng, chiếm 34,81% cơ cấu chi phí, và 3,03% doanh thu thuần. Điều này là do trong năm 2019 Công ty mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, thành lập mới 1 công ty khuôn và mua mới 1 Công ty An Trung Industries, dẫn tới việc chi phí quản lý doanh nghiệp tăng cao hơn các năm trước.

Bảng 15. Cơ cấu chi phí gián tiếp của Công ty – Riêng

Đơn vị: Triệu VND

Khoản mục	2017			2018			Lũy kế đến hết Q3/2019		
	Giá trị	% chi phí	% DTT	Giá trị	% chi phí	% DTT	Giá trị	% chi phí	% DTT
Chi phí bán hàng	37.726	54,38	4,01	42.060	57,94	3,87	25.403	42,75	2,98
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25.804	37,19	2,74	29.253	40,30	2,69	23.749	39,96	2,78
Chi phí tài chính	4.963	7,15	0,53	937	1,29	0,09	9.872	16,61	1,16
Chi phí khác	885	1,28	0,09	341	0,47	0,03	405	0,68	0,05
Tổng chi phí	69.378	100	7,37	72.591	100	6,69	59.429	100	6,97
Doanh thu thuần	941.404			1.085.756			852.957		

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2017 và 2018, BCTC riêng Quý 3 năm 2019 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Đối với Công ty mẹ, chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng cao nhất (năm 2017: 54,38%, năm 2018: 57,94%, 9 tháng 2019: 42,75%). Chi phí quản lý doanh nghiệp là khoản chi phí lớn thứ hai năm 2017 và 2018 lần lượt chiếm 37,19% và 40,3% tổng chi phí của Công ty, 9 tháng đầu năm 2019, tỷ trọng chi phí

quản lý doanh nghiệp trên tổng chi phí gián tiếp giảm nhẹ, xuống còn 39,96%. Chi phí tài chính của công ty giảm đáng kể vào năm 2018, giảm từ 7,15% tổng chi phí (2017) xuống còn 1,29% (2018). 9 tháng đầu năm 2019, chi phí tài chính của Công ty mẹ tăng mạnh, đạt 9,9 tỷ đồng, chiếm 16,61% chi phí gián tiếp do Công ty tăng vay nợ để phục vụ cho hoạt động sản xuất và hoạt động đầu tư máy móc, thiết bị và hợp tác kinh doanh. Tổng nợ vay của Công ty vào 30/09/2019 là 375 tỷ đồng, gấp 8 lần dư nợ vay vào cuối năm 2018. Tỷ lệ chi phí gián tiếp trên tổng doanh thu của Công ty mẹ không đáng kể và được cải thiện trong năm 2018, chỉ chiếm 6,69% doanh thu thuần so với 7,37% của năm 2017. 9 tháng 2019, tỷ lệ chi phí gián tiếp trên doanh thu thuần của Công ty mẹ là 6,97%, tăng nhẹ so với số liệu cả năm 2018.

6.5. Trình độ công nghệ

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội được đánh giá là Công ty sản xuất nhựa tiên tiến, hiện đại hàng đầu Việt Nam, là đầu tàu miền Bắc nước ta về công nghệ sản xuất các loại sản phẩm nhựa kỹ thuật công nghiệp đạt chất lượng cao theo tiêu chuẩn quốc tế. Các sản phẩm chủ lực của Công ty là linh kiện điện tử viễn thông, linh kiện ô tô xe máy, linh kiện điều hòa không khí, pallet nhựa. Toàn bộ các chủng loại sản phẩm này mang thương hiệu đăng ký độc quyền, và được sản xuất hàng loạt trên hệ thống máy móc, thiết bị tự động, công nghệ tiên tiến bằng các loại vật tư chuẩn nhập khẩu và quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001-2000 đạt chất lượng cao theo tiêu chuẩn của Nhật Bản JIS 10K.

Hệ thống máy móc thiết bị của Công ty gồm: máy ép phun hiện đại với các cỡ từ 50T đến 2500T kèm theo thiết bị phụ trợ, hỗ trợ gia công vật liệu kỹ thuật; máy thổi tự động,... hầu hết có xuất xứ từ Nhật Bản, Mỹ; một số ít có xuất xứ Hàn Quốc, Đài Loan. Ngoài ra, Công ty còn đầu tư các thiết bị đo kiểm hiện đại từ các nước tiên tiến như: máy đo ba chiều CMM, máy phóng hình biên dạng, máy so màu, máy cân bằng động, thiết bị tạo mẫu nhanh, máy đo độ cứng, máy scan 3D, thiết bị XRF test RoHS,...

Xưởng chế tạo khuôn mẫu của Công ty được đầu tư các phần mềm CAD/CAM Cimatron E6.0, Cimatron it 13, CAE - Moldex R5.3.1, Moldex 3D 7.0, phần mềm chuyển đổi dữ liệu Rhino, phần mềm đo quét Trace Cut, phần mềm AUTOCAD 2012 để thiết kế, lập trình cho các trung tâm gia công CNC và các máy xung điện CNC tiên tiến nhập từ Anh Quốc, Hoa Kỳ, Nhật bản, Thụy Sĩ, Đài Loan.

Hệ thống máy tính trong Công ty được kết nối mạng LAN và cổng Internet, hệ thống quản lý vật tư, hàng hoá, quản lý tiền lương, quản lý tài chính được sử dụng phần mềm chuyên dụng, đảm bảo quản trị và điều hành một cách linh hoạt và chuẩn xác.

Bảng 16: Danh mục máy móc thiết bị chính

STT	Tên máy	Xuất xứ	Năm sử dụng
1	Máy ép nhựa JSW J850ADS	Nhật Bản	2017
2	Máy ép phun nhựa chạy điện JSW J850AD-3100H	Nhật Bản	2016
3	Máy ép phun nhựa chạy điện JSW J650AD-3100H	Nhật Bản	2016
4	Máy ép phun IS 2500	Nhật Bản	2010
5	Máy ép phun nhựa chạy điện JSW J550AD-2300H	Nhật Bản	2016
6	Máy ép nhựa JSW J550ADS	Nhật Bản	2017
7	Máy ép phun nhựa chạy điện JSW J550AD-1400H	Nhật Bản	2016
8	Trung tâm gia công đứng (3 trục) NVX7000/40_F31iB	Nhật Bản	2016
9	Máy ép phun nhựa chạy điện JSW J220AD-460H	Nhật Bản	2016
10	Máy ép nhựa JSW J450ADS	Nhật Bản	2017
11	Máy ép phun nhựa chạy bằng điện ISW J450 AD-1400H	Nhật Bản	2016
12	Máy ép phun nhựa chạy điện JSW J450AD-890H	Nhật Bản	2016
13	Máy ép nhựa chạy điện JSW J450AD	Nhật Bản	2015
14	Máy ép nhựa chạy điện JSW J450AD	Nhật Bản	2015
15	Máy ép nhựa chạy điện JSW J450AD	Nhật Bản	2015
16	Trung tâm gia công đứng HAAS CNC MODEL VF8	Mỹ	2012

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Công ty đã và đang không ngừng nghiên cứu, thí nghiệm sản xuất thành công những dòng sản phẩm chất lượng cao phù hợp với nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Hàng năm, Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội luôn đổi mới và phát triển sản phẩm theo đơn hàng của khách hàng, từ các mẫu sản phẩm của khách hàng, HPC sẽ thiết kế, chế tạo khuôn và sản xuất sản phẩm theo yêu cầu của đối tác.

Ngoài ra, hiện nay Công ty cũng đang nghiên cứu và phát triển dòng sản phẩm nhựa vi sinh phân hủy hoàn toàn như dao, thìa, đĩa tự hủy.

6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng:

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội được đánh giá là doanh nghiệp thân thiện với môi trường, có hệ thống nhà xưởng sạch đẹp, quy trình xử lý nước thải tuần hoàn khép kín, đạt tiêu chuẩn quốc tế về quản lý chất lượng ISO 9001:2015; ISO 1400: 2015 về quản lý môi trường và hệ thống quản lý của các công ty Nhật Bản (Honda Việt Nam, Toyota Việt Nam,...). Điều này giúp doanh nghiệp có lợi thế trong việc tiếp cận với các thị trường khắt khe về vệ sinh môi trường và chất lượng sản phẩm như Nhật Bản.

Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty:

Hiện nay, Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội đang áp dụng mô hình kiểm soát chất lượng hai chiều.

Đơn vị chịu trách nhiệm giám sát chất lượng tại Công ty là phòng QC. Phòng này sẽ kiểm tra, giám sát chất lượng tại các đơn vị sản xuất định kỳ hoặc bất thường, sau đó sẽ đối chiếu với mức tiêu chuẩn chất lượng được đề ra đối với mỗi hoạt động. Mọi vi phạm về chất lượng sau đó đều được phản ánh vào KPI để tính toán lương thưởng thực tế trong năm. Các đơn vị được đánh giá đạt mức độ tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sẽ được xét duyệt thưởng tuân thủ.

Trong thời gian hoạt động, Ban Quản lý chất lượng dịch vụ đã triển khai các công việc sau:

- Xây dựng bộ công cụ & nguyên tắc kiểm soát chất lượng dịch vụ phân lớp xuống các cấp quản lý & nhân viên;
- Xây dựng các Bộ Quy chuẩn làm cơ sở vận hành;
- Đào tạo nhân viên tại các cơ sở để nâng cao tầm hiểu biết của nhân viên về Bộ tiêu chuẩn và thực hiện việc tuân thủ theo các quy định tại các dự án;
- Kiểm tra chất lượng dịch vụ tại các cơ sở theo kế hoạch;

- Theo dõi khắc phục và hậu kiểm các lỗi;
- Đưa ra các đề xuất kiến nghị về việc nâng cao chất lượng dịch vụ tại các dự án;
- Xử lý vi phạm đối với các cá nhân và bộ phận khi thực hiện không đúng quy trình, quy định và vi phạm các nội quy.

Ở chiều còn lại, các công ty của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội có các đơn vị phụ trách lắng nghe và tiếp thu ý kiến khách hàng để khắc phục các thiếu sót trong việc thực hiện dịch vụ một cách kịp thời nhất.

6.8. Hoạt động marketing

Hiện tại chủ trương của Công ty tập trung vào các sản phẩm cho ngành công nghiệp hỗ trợ nên hoạt động Marketing để quảng bá giới thiệu về Công ty chủ yếu thông qua các buổi giao thương, gặp gỡ giữa các doanh nghiệp được tổ chức bởi Trung tâm xúc tiến Thương mại - Bộ công thương, Tổ chức Jestro... Ngoài ra Công ty cũng tích cực tham gia các triển lãm trong và ngoài nước, gửi email và phát tờ rơi giới thiệu sản phẩm đến các doanh nghiệp để quảng bá hình ảnh công ty và tìm kiếm thêm khách hàng mới.

6.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội có bộ nhận diện thương hiệu thống nhất với logo như sau:



Logo của công ty CP Nhựa Hà Nội: Phần hình ảnh biểu tượng của logo được cách điệu từ chữ A, chữ A là chữ cái đầu tiên trong bảng chữ cái mang ý nghĩa khởi đầu, dẫn đường.

Sự biến đổi trong màu sắc đậm – nhạt biểu trưng cho tinh thần nhân văn của thương hiệu cũng như xu hướng thân thiện – thân thiện với khách hàng đối tác, nội bộ và thân thiện với môi trường.

Logo được thiết kế với mong muốn Nhựa Hà Nội trở thành một doanh nghiệp luôn tiến về phía trước, khát khao chinh phục những đỉnh cao không ngại khó khăn hay bất cứ trở ngại nào. Công ty luôn giữ vững tinh thần nhân văn, hành động vì lợi ích của con người.

Website của Công ty: www.hanoiplastics.com.vn

6.10. Danh sách các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 17. Danh sách các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

STT	Tên khách hàng	Ngày ký	Loại hợp đồng	Sản phẩm	Giá trị ước tính/năm (triệu VNĐ)	Thời gian thực hiện
1	Công ty Honda Việt Nam	16/06/2009	Hợp đồng nguyên tắc	Phụ tùng ô tô, xe máy	634.000	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên
2	Công ty TNHH Piaggio Việt Nam	01/04/2014	Hợp đồng nguyên tắc	Phụ tùng xe máy	55.000	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên
3	Công ty TNHH Panasonic Appliances tại Thăng Long	10/03/2015	Hợp đồng nguyên tắc	Phụ tùng máy văn phòng	24.000	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên
4	Công ty TNHH Panasonic Appliances tại Hưng Yên	01/04/2016	Hợp đồng nguyên tắc	Linh kiện máy giặt	10.000	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên
5	Công ty ô tô TOYOTA Việt Nam	01/04/2012	Hợp đồng nguyên tắc	Phụ tùng ô tô	19.031	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên, vẫn đang còn hiệu lực
6	Nhà máy sx phụ tùng và lắp ráp xe máy – Công ty VMEP	01/01/2017	Hợp đồng nguyên tắc	Phụ tùng xe máy	20.148	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên
7	Công ty phụ tùng xe máy ô tô Goshi Thăng Long	22/08/2006	Hợp đồng nguyên tắc	Phụ tùng xe máy	73.000	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên
8	Công ty Honda Lock	10/07/2010	Hợp đồng nguyên tắc	Phụ tùng xe máy	11.213	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên

STT	Tên khách hàng	Ngày ký	Loại hợp đồng	Sản phẩm	Giá trị ước tính/năm (triệu VNĐ)	Thời gian thực hiện
9	Công ty TNHH SX và kinh doanh Vinfast	31/06/2018	Hợp đồng khung mua bán hàng hóa	Phụ tùng xe máy	33.000	02 năm và tự động gia hạn
10	Công ty LGE, Severone, Dongjin	01/01/2018	Hợp đồng mua bán tổng thể	Linh kiện máy giặt	64.541	01 năm

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

- *Ghi chú:* Tất cả các hợp đồng trên vẫn còn hiệu lực

Các hợp đồng nguyên tắc với các khách hàng lớn như Honda Việt Nam, Toyota Việt Nam, Panasonic System Network, Panasonic Appliance Hưng Yên, Piaggio, VMEP, Sanko... chỉ thể hiện Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội là nhà cung cấp thiết bị, linh kiện. Hàng năm, các khách hàng này đều có các đơn hàng cụ thể của năm theo kế hoạch phát triển thị trường tại Việt Nam. Lượng đặt hàng năm sau thường cao hơn năm trước do chính sách phát triển các model mới tại Việt Nam và tăng cường xuất khẩu. Các đối tác này luôn có kế hoạch đặt hàng ổn định và thanh toán đúng hạn theo thỏa thuận, không có nợ đọng.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017, 2018 và Quý 3/2019

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và của riêng công ty mẹ năm 2017, 2018 và Quý 3 năm 2019 như sau:

Bảng 18. Kết quả kinh doanh hợp nhất

Đơn vị: Triệu VNĐ

Chỉ tiêu	2017	2018	% tăng/ (giảm)	Lũy kế đến hết Q3/2019
Tổng giá trị tài sản	448.767	527.071	17,45	1.131.863
Vốn chủ sở hữu	299.912	341.498	13,87	474.750

Chỉ tiêu	2017	2018	% tăng/ (giảm)	Lũy kế đến hết Q3/2019
Doanh thu thuần	889.904	1.029.381	15,67	864.519
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	69.049	60.608	(12,23)	48.287
Lợi nhuận/(lỗ) khác	3.411	9.435	176,55	1.223
Lợi nhuận trước thuế	72.461	70.042	(3,34)	49.509
Lợi nhuận sau thuế	57.765	55.834	(3,34)	39.827
Tỷ lệ cổ tức trên lợi nhuận sau thuế	22,50%	30,09%	33,70	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	19,41%	17,41%	(10,29)	-

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và 2018, BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2019 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Doanh thu năm 2018 đạt 1.044 tỷ đồng, tăng 16,7% so với năm 2017 và đạt 125,5% kế hoạch năm 2018. Tuy doanh thu có mức tăng trưởng tích cực, lợi nhuận của Công ty lại sụt giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do các yếu tố về giá nguyên vật liệu. Ngoài việc bị ảnh hưởng bởi giá hạt nhựa nhập khẩu tăng cao trong năm 2018, các sản phẩm cung cấp cho Honda Việt Nam đã áp dụng giá CPS (khách hàng kiểm soát giá), giá nguyên vật liệu sát với giá thực tế mua, giá Piaggio Việt Nam cũng bị giảm 2,5% khiến lợi nhuận 2018 giảm so với cùng kỳ năm 2017. Nhóm sản phẩm VMEP có giá nguyên vật liệu chỉ định tăng cao, tuy Công ty đã đàm phán để tăng giá từ tháng 4/2018, tuy nhiên hoạt động sản xuất kinh doanh quý 1 năm 2018 vẫn bị ảnh hưởng bởi lợi nhuận nhóm sản phẩm này giảm sâu. Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 1:1 và phát hành cổ phiếu thưởng cho cán bộ công nhân viên từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, và Công ty cũng đã thực hiện việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ chi trả 10%/mệnh giá cho cổ đông hiện hữu vào tháng 8/2019. Năm 2019, vốn chủ sở hữu và tổng tài sản của Công ty đều tăng cao, do Công ty đẩy mạnh hoạt động đầu tư mới, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh như đầu tư dự án khuôn và hợp tác với CTCP An Trung Industries để đầu tư thực hiện Dự án Nhà máy An Trung Industries chuyên sản xuất các sản phẩm nhựa vi sinh phân hủy hoàn toàn như dao, thìa, đĩa tự hủy,...

Tuy đang trong giai đoạn đầu tư ban đầu nhưng hoạt động sản xuất của Công ty thể hiện qua doanh thu và lợi nhuận gộp trong năm 2019 vẫn có nhiều tín hiệu khả quan. Doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2019 đạt 864.519 triệu đồng, bằng 83,98% doanh thu thuần của cả năm 2018, lợi nhuận gộp 9 tháng đầu năm 2019 đạt 110,59 tỷ đồng, tăng 18,58% so với cùng kỳ năm 2018 nhờ doanh thu thuần tăng 21,23% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế 9 tháng đầu năm tăng trưởng tương ứng với doanh thu thuần, đạt 39,83 tỷ đồng, bằng 71,33% lợi nhuận sau thuế của cả năm 2018 và tăng 29,82% so với cùng kỳ 2018.

Bảng 19. Kết quả kinh doanh của công ty mẹ

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu	2017	2018	% tăng/ (giảm)	Lũy kế đến hết Q3/2019
Tổng giá trị tài sản	448.259	528.984	18,01	991.807
Vốn chủ sở hữu	294.573	337.039	14,42	464.180
Doanh thu thuần	941.404	1.085.756	15,33	852.957
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	63.177	59.969	(5,08)	39.383
Lợi nhuận/(lỗ) khác	3.386	9.414	178,04	943
Lợi nhuận trước thuế	66.563	69.383	4,24	40.326
Lợi nhuận sau thuế	53.426	56.514	5,78	33.217
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	18,30%	17,90%	(2,24)	-

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2017 và 2018, BCTC riêng Quý 3 năm 2019 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Chủ yếu doanh thu hợp nhất của Công ty đến từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ. Năm 2018, tuy lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm nhẹ so với năm 2017, lợi nhuận sau thuế của Công

ty mẹ tăng khoảng 5,78% so với cùng kỳ năm trước nhờ mức tăng 6 tỷ đồng của lợi nhuận khác. Đây là do trong năm 2018 đã phát sinh khoản bồi thường 8,3 tỷ đồng từ Honda Việt Nam cho việc ngừng sản xuất một số sản phẩm chưa phân bổ hết chi phí khấu hao. Doanh thu hoạt động tài chính năm 2018 tăng tới hơn 400% so với cùng kỳ năm 2017, nhờ nhận 5,98 tỷ đồng cổ tức từ công ty con và 4,15 tỷ đồng tiền lãi trái phiếu, lãi tiền gửi, lãi cho vay.

Tính đến hết quý 3 năm 2019, Công ty mẹ đã thu về 853 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 13,58% so với cùng kỳ 2018. Lợi nhuận sau thuế đạt 33 tỷ đồng, tăng 16,20% so với mức 29 tỷ đồng của cùng kỳ 2018.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

7.2.1. Thuận lợi

Kinh tế vĩ mô phát triển ổn định

Sự tăng trưởng GDP trong thời gian gần đây cho thấy nền kinh tế Việt Nam đang dần phục hồi, hoạt động sản xuất kinh doanh ở hầu hết các lĩnh vực đều có những chuyển biến tích cực và sức mua được cải thiện. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2018 đạt 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở lại đây, trong đó, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%, đóng góp 48,6%; khu vực dịch vụ tăng 7,03%, đóng góp 42,7% và khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%, đóng góp 8,7% vào mức tăng trưởng chung. Theo báo cáo của EIU, Việt Nam tuy là nền kinh tế lớn thứ 6 của ASEAN sau Singapore, Malaysia, Philippines, Indonesia và Thái Lan nhưng được dự báo sẽ có tốc độ tăng trưởng GDP cao nhất trong khối các nước ASEAN vào năm 2018.

Dòng vốn FDI chảy vào Việt ngày càng nhiều, đạt 35,5 tỷ USD trong năm 2018. Năm 2018 cũng là năm thứ 3 liên tiếp FDI đạt kỷ lục về giải ngân vốn, khi đạt 19,1 tỷ USD, tăng gần 2 tỷ USD so với 2017, theo số liệu từ Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch Đầu tư). Dòng vốn đầu tư nước ngoài mạnh mẽ cũng tạo cơ hội cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp phụ trợ.

Tốc độ phát triển dân số nhanh, cơ cấu dân số trẻ

Việt Nam là một quốc gia có tốc độ tăng trưởng dân số khá cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Với dân số tăng mạnh từ 88 triệu người năm 2010 lên đến hơn 94 triệu người trong năm 2016, Việt Nam có dân số đông thứ 3 tại khu vực Đông Nam Á và thứ 14 trên thế giới. Trong cơ cấu dân số Việt Nam, tỷ trọng dân số trẻ trong độ tuổi lao động luôn chiếm trên 50% và có xu hướng tăng dần trong những năm gần đây. Tăng trưởng dân số, đặc biệt là dân số trẻ trong độ tuổi lao động là nhân tố làm tăng mọi nhu cầu của xã hội, trong đó có nhu cầu tiêu dùng, mua sắm.

Chính sách của Nhà nước

Theo quy hoạch của chính phủ, sản lượng sản xuất xe ô tô tăng trưởng mạnh từ nay đến 2030, đặc biệt là các dòng xe dưới 9 chỗ (năm 2020 dự kiến đạt 415.512 xe). Đi kèm với đó là tỷ lệ nội địa hóa yêu cầu đạt mức 50% trở lên đối với các dòng xe từ năm 2030. Đây sẽ là cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp phụ trợ Việt Nam cũng như Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội.

Thế mạnh của Công ty

Công ty có uy tín và vị thế trong ngành nhựa Việt Nam, có kinh nghiệm nhiều năm sản xuất sản phẩm nhựa kỹ thuật cung cấp cho ngành công nghiệp hỗ trợ: ô tô, xe máy, điện - điện tử, điện lạnh, khuôn nhựa,... cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, Châu Âu.

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội có mạng lưới khách hàng rộng khắp, từ các Tập đoàn đa quốc gia toàn cầu như Honda, Toyota, Piaggio, LG, Panasonic,... cho đến các doanh nghiệp lớn trong nước như Vinfast, Công ty Xích líp Đông Anh,... Các khách hàng của Công ty phần lớn là các khách hàng lâu năm, đã có mối quan hệ hợp tác bền chặt với Công ty.

Đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty nhiệt tình, chuyên nghiệp, có nhiều kinh nghiệm, được rèn giũa đào tạo thông qua quá trình hợp tác với các đối tác Nhật Bản trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm nhựa và thiết kế, chế tạo khuôn nhựa. Lực lượng sản xuất trực tiếp có nhiều nhân viên, người lao động với trình độ tay nghề cao, chuyên cần, làm việc nghiêm túc, bài bản theo các phương thức quản lý sản xuất của các công ty Nhật Bản như quản lý 5S, TPS.

Công ty có hệ thống máy móc thiết bị mới tiên tiến, hiện đại, đáp ứng các sản phẩm nhựa chất lượng cao và chi phí hợp lý với năng suất cao, phấn đấu giá cạnh tranh.

Về cơ sở hạ tầng, Công ty sở hữu ba nhà máy:

- Nhà xưởng tại Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội (Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội): Diện tích tương đương 20.000 m², đối diện khu Vincom Village Long Biên và nằm tại trục đường 5, thuận lợi cho việc giao hàng tới các tỉnh phía Bắc và mở rộng xuất khẩu qua cảng Hải Phòng.
- Nhà xưởng tại Thôn Hào, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên (thuộc Công ty TNHH Phát triển XNK và Đầu tư Viexim – Công ty con): Diện tích tương đương 20.000 m², đối diện khu công nghiệp Thăng Long II và nằm trên trục đường 39, cũng thuận lợi cho giao hàng tới các tỉnh phía Bắc và mở rộng xuất khẩu qua cảng Hải Phòng.
- Nhà xưởng tại Km47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (thuộc Công ty TNHH An Trung Industries - Công ty con): Diện tích tương đương 18,000 m² nằm

trong Khu công nghiệp Kỹ thuật cao của An Phát Complex, tọa lạc giữa vị trí lý tưởng giữa Hải Phòng và thủ đô Hà Nội.

Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015 và ISO14001:2015 cập nhật hệ thống quản lý của các công ty Nhật Bản (Honda Việt Nam, Toyota Việt Nam,...)

7.2.2. Khó khăn và thách thức

Thị trường ngành nhựa kỹ thuật cạnh tranh rất cao

Cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành ngày càng gay gắt, đặc biệt các doanh nghiệp nước ngoài hiện nay đang dịch chuyển mua hàng từ Trung Quốc sang Việt Nam do đó chính sách giá cả của Trung Quốc biến động tăng, song họ lại ép doanh nghiệp Việt Nam đáp ứng giá rẻ như mục tiêu trước đây của họ tại Trung Quốc, gây bất lợi cho doanh nghiệp có quy mô, chuyên nghiệp, quản lý bài bản.

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội luôn nhận thức được vấn đề này và đang áp dụng nhiều biện pháp để tăng cường tính cạnh tranh như áp dụng các quy trình quản trị chi phí, quản trị tài chính tiên tiến hiện nay để bảo toàn lợi nhuận, tạo ra lợi thế cạnh tranh về giá, hay duy trì chế độ kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt để nâng cao chất lượng sản phẩm.

Nhu cầu sử dụng xe máy của thị trường đang trên đà giảm tốc

Sản phẩm chiếm tỷ trọng doanh thu lớn hiện nay của Công ty là các chi tiết nhựa để lắp ráp xe máy. Tuy nhiên hiện nay thị trường xe máy đã bão hoà và định hướng của Chính phủ Việt Nam là hướng tới phát triển giao thông công cộng, hạn chế xe máy trong các thành phố lớn nên sức cầu mua của thị trường được dự báo sẽ giảm trong thời gian tới.

Tuy nhiên, trong thời gian vừa qua, Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội đã cố gắng đa dạng hóa danh mục sản phẩm. Công ty đã ký thêm hợp đồng cung cấp linh kiện máy giặt cho một số công ty Hàn Quốc và hợp đồng cung cấp phụ tùng xe máy với Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Vinfast. Những hợp đồng ký mới này, đặc biệt là hợp đồng với Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Vinfast dự kiến sẽ đem lại nguồn doanh thu đáng kể cho Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội trong giai đoạn sắp tới. Ngoài ra, Công ty đã triển khai thêm sản xuất kinh doanh hạt nhựa và các thiết bị linh kiện điện tử từ năm 2019.

Tập khách hàng tập trung

Sản phẩm cung cấp cho Công ty Honda Việt Nam chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu hàng năm của Công ty. Do vậy, khi chính sách mua hàng của đối tác thay đổi sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất kinh doanh của Công ty.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty định hướng phát triển sản xuất kinh doanh theo ngành công nghiệp hỗ trợ và đã tham gia chuỗi cung cấp phụ tùng xe máy cho các thương hiệu lớn như Honda, SYM, Ford Việt Nam từ những năm 1997, Toyota, LG từ những năm 2010. Đến nay, Công ty đã phát triển thêm nhiều ngành hàng như điện – điện tử, phụ tùng ô tô, các linh kiện cho ngành xây dựng, khuôn mẫu chính xác, kích thước lớn, cung cấp cho các công ty Panasonic, LG Việt Nam, Toyota Việt Nam và các tập đoàn tại Nhật Bản (Lixil Group, Houssetec, Hashimoto, Shoden Corp.). Như vậy, Công ty đã tạo lập được một vị thế nhất định trong ngành công nghiệp nhựa hỗ trợ, được tổ chức xúc tiến thương mại JETRO Nhật Bản đánh giá cao. Sản phẩm nhựa kỹ thuật và khuôn mẫu phục vụ ngành nhựa của công ty nhiều năm liền được UBND Thành phố Hà Nội công nhận là sản phẩm chủ lực của Thành phố, khách hàng của công ty chiếm tới 90% là khách hàng có yếu tố nước ngoài.

Với những đòi hỏi khắt khe, lâu nay ngành công nghiệp phụ trợ là cửa hẹp đối với nhiều công ty Việt Nam. Tính đến cuối năm 2017, theo thông tin từ Samsung, trong hệ thống 200 vendor của Samsung tại Việt Nam, số doanh nghiệp Việt chiếm 29 đơn vị như An Phú Việt, Bắc Việt, Tiến Thành, Nhật Minh, Minh Mẫn, Vinavit,...

Hiệp hội nhựa Việt Nam ước tính cả nước có gần 2.000 doanh nghiệp nhựa tập trung chủ yếu tại thị trường phía Nam với trên 80%, miền Bắc chỉ chiếm 14%. Tuy vậy, xu hướng đầu tư xây dựng những nhà máy công nghiệp kỹ thuật, điện tử, ô tô tại miền Bắc, tiêu biểu là nhà máy xe ô tô Vinfast tại Hải Phòng với sản lượng trên 500.000 xe/năm hứa hẹn thúc đẩy nhu cầu đối với ngành nhựa hỗ trợ tại khu vực này. Nhựa Hà Nội với tư cách là doanh nghiệp đầu ngành tại khu vực miền Bắc đứng trước cơ hội lớn khẳng định và nâng cao vị trí trong ngành.

Bảng 20. So sánh các công ty cùng ngành

Đơn vị: Triệu VNĐ

Tên	Mã chứng khoán	Vốn chủ sở hữu	Tổng tài sản	Doanh thu thuần	LNST	ROA %	ROE %
CTCP Công Nghiệp - Thương mại - Dịch vụ Ngọc Nghĩa	NNG	979.184	2.503.238	1.618.733	353.512	14,65%	44,36%

Tên	Mã chứng khoán	Vốn chủ sở hữu	Tổng tài sản	Doanh thu thuần	LNST	ROA %	ROE %
CTCP Nhựa An Phát Xanh	AAA	2.980.250	7.529.167	8.011.573	212.149	2,98%	7,83%
CTCP Sản xuất & Công nghệ Nhựa Pha Lê	PLP	260.449	611.641	519.264	59.411	11,57%	25,60%
CTCP Nhựa Hà Nội	NHH	341.498	527.071	1.029.381	55.834	11,44%	17,41%
CTCP Tập đoàn Nhựa Đông Á	DAG	618.742	1.379.912	1.555.337	53.960	4,04%	8,95%
CTCP An Tiến Industries	HII	604.512	2.281.236	4.874.136	45.218	2,24%	8,25%
CTCP Nhựa Việt Nam	VNP	160.719	392.004	201.848	39.683	9,37%	27,45%
CTCP Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	HCD	338.416	444.995	570.738	31.219	8,00%	12,23%
CTCP Nhựa Tân Đại Hưng	TPC	327.736	662.377	713.685	30.143	4,62%	9,17%
CTCP Nhựa Rạng Đông	RDP	546.483	1.772.276	1.551.929	12.096	1,39%	4,28%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của các công ty

So sánh với các doanh nghiệp cùng ngành, NHH đứng thứ 6 về quy mô vốn chủ sở hữu. Về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018, Nhựa Hà Nội đạt hơn 55 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, đứng thứ 4 trong danh sách các doanh nghiệp cùng ngành. Bên cạnh đó dựa vào các chỉ tiêu ROA, ROE của Công ty, hoạt động kinh doanh của công ty được đánh giá ở mức tốt so với các doanh nghiệp khác, đứng thứ 3 về ROA và thứ 5 về chỉ số ROE.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành nhựa được dùng làm vật liệu sản xuất cho nhiều loại vật dụng góp phần quan trọng vào phục vụ đời sống con người cũng như phục vụ cho sự phát triển của nhiều ngành và lĩnh vực kinh tế khác như: điện - điện tử, viễn thông, giao thông vận tải, thủy sản, nông nghiệp v.v. Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, nhựa còn được ứng dụng và trở thành vật liệu thay thế cho những vật liệu truyền thống tương chừng như không thể thay thế được là gỗ, kim loại, silicat v.v. Do đó, ngành công nghiệp nhựa ngày càng có vai trò quan trọng trong đời sống cũng như sản xuất của các quốc gia.

Theo quy hoạch phát triển ngành nhựa Việt Nam đến năm 2020 tầm nhìn 2025 đã được Bộ Công Thương phê duyệt, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành công nghiệp đến năm 2020 đạt 17,5%, tỷ trọng ngành nhựa so với toàn ngành công nghiệp đến năm 2020 đạt 5,5%. Theo đó, mục tiêu phát triển ngành nhựa Việt Nam đến năm 2020 sẽ trở thành một ngành kinh tế mạnh với tốc độ tăng trưởng cao và bền vững, từng bước xây dựng và phát triển ngành nhựa đồng bộ từ sản xuất nguyên liệu đến chế biến sản phẩm cuối cùng, tận dụng và xử lý phế liệu phát sinh, tăng dần tỷ trọng nguyên liệu trong nước để trở thành ngành công nghiệp tự chủ, có khả năng hội nhập vào kinh tế khu vực và thế giới.

Ngành nhựa Việt Nam là ngành có tốc độ tăng trưởng ổn định. Trong thời gian qua, các doanh nghiệp nhựa Việt Nam đã có sự hợp tác chặt chẽ với những doanh nghiệp nhựa đến từ các nước khác trong khu vực Châu Á và Đông Nam Á. Đây là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy ngành nhựa Việt Nam phát triển mạnh mẽ, với tốc độ tăng trưởng bình quân 15-20%/năm, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Thêm vào đó ngành nhựa là một trong 10 ngành Nhà nước ưu tiên phát triển do có tăng trưởng tốt và ổn định, xuất khẩu khá mạnh và sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao. Nhà nước đã có chính sách phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ phục vụ cho ngành nhựa, định hướng đến năm 2020 nhập khẩu nguyên liệu của ngành chỉ còn khoảng 50%. Đồng thời, Chính phủ thực hiện nhiều chính sách khuyến khích để huy động các nguồn lực xã hội tham gia vào khâu sản xuất nguyên liệu cho ngành nhựa, vì ngoài tạo ra sản phẩm tiêu dùng trực tiếp, ngành nhựa còn giữ vai trò hỗ trợ sản xuất cho các ngành khác.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Sự ổn định của hệ thống chính trị, luật pháp, chính sách của một quốc gia có ảnh hưởng rất nhiều đến sự ổn định và khả năng phát triển của các ngành kinh tế nói chung. Ngành nhựa Việt Nam cũng không nằm ngoài sự tác động đó. Trong Quyết định số 55/2007/QĐ-TTg phê duyệt Danh mục 10 ngành công nghiệp ưu tiên, mỗi nhọn giai đoạn 2007- 2010, tầm nhìn đến năm 2020, ngành Nhựa cũng nằm trong danh sách các ngành công nghiệp được ưu tiên phát triển. Trong Quyết định số 2992/QĐ-BCT ngày 17/6/2011 về Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Nhựa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2035, Chính phủ đặt ra kế hoạch đầu tư chi tiết, ưu tiên phát triển ngành Nhựa thành ngành kinh tế

mạnh. Điều này cho thấy ngành Nhựa sẽ được tạo nhiều điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh hoạt động sản xuất cũng như xuất khẩu.

Ngành nhựa là một trong những ngành công nghiệp chiến lược ở Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm là 15-20% về giá trị và hơn 18,75% về sản lượng sản xuất từ năm 2006 đến nay. Ngành công nghiệp nhựa chiếm 4,8-5% tổng giá trị sản xuất công nghiệp quốc gia và khoảng 3% GDP Việt Nam (số liệu thống kê tới 2010). Đây là một trong 10 ngành công nghiệp trọng điểm được Chính phủ tập trung đầu tư để trở thành một mũi nhọn kinh tế mạnh mẽ. Nhằm phát triển một ngành công nghiệp nhựa vững mạnh, năm 2011 Chính phủ Việt Nam đã thông qua kế hoạch phát triển ngành công nghiệp nhựa Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2025 đã được sự chấp thuận của Bộ Công nghiệp và Thương mại. Theo kế hoạch này, mục tiêu ngành nhựa Việt Nam sẽ đạt giá trị sản xuất công nghiệp 78,5 nghìn tỷ đồng vào năm 2015 và 181,57 nghìn tỷ đồng vào năm 2020. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất trong giai đoạn 2011-2020 theo kế hoạch được duyệt sẽ ở mức 17,5%/năm, ngành công nghiệp nhựa sẽ chiếm 5,5% tổng giá trị sản xuất công nghiệp vào năm 2020. Kế hoạch xuất khẩu sản phẩm nhựa sẽ đạt tốc độ tăng trưởng hàng năm là 15% để đạt 2,15 tỷ USD vào năm 2015 và 4,3 tỷ USD vào năm 2020. Trong khi đó, theo tạp chí Mordor Intelligence Research, thị trường Nhựa Việt Nam dự báo đạt tỷ lệ tăng trưởng lũy kế hàng năm (CAGR) vào khoảng 6,63% trong giai đoạn 2018-2023. Kỳ vọng lớn nhất của ngành nhựa Việt Nam hiện nay chính là những hiệp định thương mại: Thương mại tự do Việt – Liên minh Châu Âu (EVFTA), Hiệp định Đối tác kinh tế Toàn diện khu vực (RCEP),... Khi các hiệp định này có hiệu lực, cơ hội xuất khẩu cho các doanh nghiệp Việt sẽ rộng mở hơn, bức tranh ngành nhựa Việt ra thế giới sẽ lớn hơn.

Cùng chung triển vọng và xu thế phát triển của ngành nhựa Việt Nam, Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội với cơ sở vật chất đã có, với kinh nghiệm nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực ngành công nghiệp hỗ trợ, cùng với các chính sách hội nhập, khuyến khích đầu tư, tăng cường hợp tác kinh tế đối ngoại của Đảng và Nhà nước trong các năm tới, chắc chắn Công ty sẽ có những bước phát triển mạnh và vững chắc trong tương lai. Song doanh nghiệp cũng phải chuẩn bị sẵn sàng năng lực của mình để ứng phó với tình hình cạnh tranh ngày càng khốc liệt khi tham gia vào thị trường của nền kinh tế hội nhập.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Bảng 21. Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/08/2019 tại Nhựa Hà Nội

Phân loại	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
Số nhân sự trong Công ty	956	100%
Phân theo trình độ chuyên môn		

Phân loại	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
• Trình độ đại học và trên đại học	108	11,3%
• Trình độ cao đẳng và trung cấp	98	10,3%
• Đối tượng khác	750	78,4%
Phân theo giới tính		
• Nam	590	62%
• Nữ	366	38%

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

9.2. Chính sách đối với người lao động

9.2.1. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Công ty chia việc đào tạo CBCNV thành 04 loại; Đào tạo tuyển dụng gồm 06 môn cơ bản trước khi phân loại lao động về các đơn vị, đào tạo tại chỗ là đào tạo trực tiếp tại hiện trường và tại vị trí làm việc, đào tạo nội bộ là các đợt đào tạo phổ biến quy định mới – chính sách mới, đào tạo bên ngoài là đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và trình độ lý luận chính trị. Ngoài ra, đối với cán bộ quản lý và cán bộ phụ trách kỹ thuật, Công ty cử tham gia các khoá học tập về chuyển giao thiết bị, công nghệ, phương thức quản lý từ khách hàng,...

9.2.2. Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Chế độ lương: Công ty có Hệ thống thang bảng lương riêng, được xây dựng phù hợp với Nghị định 49/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về tiền lương và lộ trình tăng lương tối thiểu vùng của Nhà Nước. Ngoài mức lương tối thiểu theo quy định của Nhà nước, Công ty còn trả lương theo công việc thực hiện, theo cấp bậc quản lý và kỹ năng làm việc, để tạo động lực thúc đẩy người lao động nâng cao hiệu quả công việc đóng góp cho Công ty.

Công ty có Quy chế trả lương và thưởng theo quy định và được rà soát điều chỉnh theo từng thời kỳ căn cứ theo hiệu quả SXKD và các quy định hiện hành.

Công ty luôn có chính sách đãi ngộ tốt đối với người lao động gắn bó lâu dài và có đóng góp tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty (thưởng theo thâm niên, nâng bậc lương trước thời hạn, thưởng theo hiệu quả SXKD,...)

Tính đến thời điểm 31/08/2019, Công ty có tổng cộng 956 lao động. Công ty thực hiện thời gian làm việc theo Bộ Luật lao động quy định.

9.2.3. Điều kiện làm việc

Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc, nhà xưởng gọn sạch theo tiêu chuẩn 5S (Nhật Bản), đảm bảo ánh sáng, an toàn lao động, đầy đủ điều kiện làm việc 3 ca cho người lao động. CBCNV đi công tác xa được hưởng phụ cấp công tác phí và thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật.

10. Chính sách cổ tức

10.1. Chính sách cổ tức

HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHĐCĐ thông qua. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.

10.2. Tỷ lệ cổ tức ba năm gần nhất:

Bảng 22. Tỷ lệ cổ tức ba năm gần nhất (2016 – 2018)

Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Tỷ lệ cổ tức trên mệnh giá	30%	20%	10%
Hình thức thanh toán	Bằng tiền	Bằng tiền	Bằng tiền

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản trong năm vừa qua

11.1.1. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Thời gian khấu hao được tính như sau:

Bảng 23. Thời gian trích khấu hao

Nhóm thiết bị	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 25 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 15 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
Phần mềm quản lý	08 năm

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

- Phương pháp trích khấu hao tài sản cố định Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội áp dụng qua các năm 2017, năm 2018 và năm 2019:

Khấu hao tài sản cố định Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội qua các năm 2017, năm 2018, năm 2019 đều được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản theo Thông tư 45/2013/TT – BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, các tài sản cố định hữu hình bao gồm máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và trang thiết bị văn phòng được khấu hao nhanh với tỷ lệ khấu hao gấp 2 lần mức khấu hao xác định theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo Thông tư 45/2013/TT – BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 08 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Từ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 trở đi, khấu hao các tài sản cố định trên được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng với khung khấu hao áp dụng theo Thông tư 45. Việc trích khấu hao này phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 03 – Tài sản cố định hữu hình.

- Thời gian khấu hao qua các năm 2017, năm 2018 và năm 2019

Thời gian trích khấu hao đối với toàn bộ tài sản cố định Công ty đầu tư đưa vào sử dụng đều áp dụng thống nhất không thay đổi trong các năm từ khi đưa tài sản vào sử dụng cho đến hết năm 2018. Năm 2019, Công ty thực hiện thay đổi thời gian khấu hao nhưng vẫn trong khung khấu hao quy định tại phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư 45. Việc trích khấu hao này phù hợp với Chuẩn mực Kế toán

Việt Nam số 03 – Tài sản cố định hữu hình tại điểm 34: Trong quá trình sử dụng TSCĐ, khi đã xác định chắc chắn là thời gian sử dụng hữu ích không còn phù hợp thì phải điều chỉnh thời gian sử dụng hữu ích và tỷ lệ khấu hao cho năm hiện hành và các năm tiếp theo và được thuyết minh trong báo cáo tài chính. Ví dụ: Thời gian sử dụng hữu ích có thể được kéo dài thêm do việc cải thiện trạng thái của tài sản vượt trên trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của nó, hoặc các thay đổi về kỹ thuật hay thay đổi nhu cầu về sản phẩm do một máy móc sản xuất ra có thể làm giảm thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Năm 2019, Công ty thay đổi thời gian trích khấu hao. Do Công ty thực hiện đầu tư mua sắm mới các thiết bị hiện đại có xuất xứ từ Nhật Bản trong một số năm gần đây nên tuổi thọ thiết bị cao, chi phí đầu tư lớn. Bởi vậy, Công ty đã thực hiện điều chỉnh tăng thời gian khấu hao tài sản cố định cho phù hợp với thời gian sử dụng thực tế của máy móc, vì trên thực tế, các máy móc hết khấu hao của Công ty hiện vẫn sử dụng hiệu quả.

Tài sản cố định được điều chỉnh thời gian khấu hao trong năm 2019 là tất cả tài sản cố định hiện có của Công ty tại ngày 01/01/2019 chưa khấu hao hết và tài sản đầu tư mới từ năm 2019.

Phương thức thay đổi:

+ Đối với các tài sản hiện có chưa khấu hao hết: Áp dụng thời gian khấu hao tối đa theo khung quy định hiện hành đối với từng tài sản.

+ Đối với tài sản cố định mới đầu tư trong năm 2019 sẽ áp dụng thời gian khấu hao tối đa khung cho phép.

Từ trước cho tới nay, Công ty chỉ thực hiện thay đổi thời gian khấu hao một lần, phù hợp với quy định tại điểm c khoản 3 Điều 10 Thông tư 45 là “Doanh nghiệp chỉ được thay đổi thời gian trích khấu hao TSCĐ một lần đối với một tài sản”. Do đó, Công ty đã gửi Công văn thông báo tới Cục Thuế TP. Hà Nội về việc thay đổi trên theo hướng dẫn của Thông tư 45/2013/TT-BTC.

- Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách khấu hao đến kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính tương ứng.

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, Công ty dừng thực hiện khấu hao nhanh với các tài sản cố định như đã thực hiện trong năm 2017, khấu hao các tài sản cố định sẽ được trích theo phương pháp đường thẳng theo khung khấu hao ban đầu của Thông tư 45. Thời gian khấu hao không thay đổi so với trước khi áp dụng khấu hao nhanh. Việc thay đổi chính sách khấu hao nhanh dẫn đến chi phí khấu hao năm 2018 giảm 31,9 tỷ đồng (như trình bày tại Thuyết minh số 10 của báo cáo tài chính riêng và Thuyết minh số 10 của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018).

Việc tăng thời gian khấu hao tài sản cố định trong năm 2019 dẫn đến chi phí khấu hao cho giai đoạn

tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 giảm 7,2 tỷ đồng (như trình bày tại Thuyết minh số 11 của báo cáo tài chính riêng và Thuyết minh số 11 của báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019).

11.1.2. Mức lương bình quân

Bảng 24. Mức lương bình quân

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	10.734.474	11.822.489

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Mức lương bình quân của CBCNV Công ty nằm ở mức có tính cạnh tranh tương đối so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn.

11.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt việc thanh toán các khoản nợ đầy đủ và đúng hạn. Tính đến thời điểm 30/09/2019 và thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu, Công ty không có khoản nợ quá hạn.

11.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật. Các khoản thuế còn phải nộp cuối các năm 2017, 2018 và Quý 3/2019 như sau:

Bảng 25. Các khoản phải nộp – Hợp nhất

Đơn vị: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	Quý 3/2019
1	Thuế GTGT	-	-	266.046.323
2	Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	1.593.728	-	7.353.760
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.115.491.215	5.138.905.197	5.191.373.165

TT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	Quý 3/2019
4	Thuế thu nhập cá nhân	199.289.053	3.805.087	447.778.789
Tổng cộng		3.316.373.996	5.142.710.284	5.912.552.037

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và 2018, BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2019 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Bảng 26. Các khoản phải nộp – Riêng

Đơn vị: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	Quý 3/2019
1	Thuế GTGT	-	-	266.046.323
2	Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	1.593.728	-	-
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.792.931.822	4.720.259.765	3.932.936.642
4	Thuế thu nhập cá nhân	198.963.100	-	22.062.100
Tổng cộng		2.993.488.650	4.720.259.765	4.221.045.065

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2017 và 2018, BCTC riêng Quý 3 năm 2019 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Công ty luôn cam kết chấp hành các quy định của pháp luật về thuế, phí và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước khác.

11.1.5. Trích lập các Quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, việc trích lập các quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh và do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Bảng 27. Số dư các quỹ - Hợp nhất

Đơn vị: Triệu VNĐ

TT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	Quý 3/2019
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	32.749	14.166	13.273
2	Quỹ đầu tư phát triển	90.417	90.417	13.417
Tổng cộng		123.166	104.583	26.691

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và 2018, BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2019 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Bảng 28. Số dư các quỹ - Riêng

Đơn vị: Triệu VNĐ

TT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	Quý 3/2019
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	28.978	12.559	11.679
2	Quỹ đầu tư phát triển	80.599	80.599	3.599
Tổng cộng		109.577	93.158	15.278

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2017 và 2018, BCTC riêng Quý 3 năm 2019 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

11.1.6. Tổng dư nợ vay

Đến thời điểm hiện tại, tất cả các khoản vay và nợ đến hạn của Công ty đều đã được thanh toán đầy đủ kịp thời, không có khoản nợ vay nào quá hạn. Các khoản nợ vay sắp đến thời hạn thanh toán đều nằm trong kế hoạch tài chính của Công ty và đã được chuẩn bị nguồn tài chính đầy đủ kịp thời.

Bảng 29. Tổng dư nợ vay của Công ty – Hợp nhất

Đơn vị: VNĐ

TT	Chi tiêu	31/12/2017	31/12/2018	Quý 3/2019
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	7.350.000.000	46.478.226.995	241.603.252.374
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	25.800.000.000	-	206.093.836.397
Tổng cộng		33.150.000.000	46.478.226.995	447.697.088.771

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và 2018, BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2019 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Kết thúc Quý 3 năm 2019, dư nợ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của là 241 tỷ và Vay và nợ thuê tài chính dài hạn là 206 tỷ. Vay nợ tài chính trên BCTC hợp nhất chủ yếu bắt nguồn từ Công ty mẹ.

Vay ngắn hạn:

Các khoản vay ngắn hạn lớn nhất của Công ty bao gồm:

- Khoản vay tín chấp 99,85 tỷ từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, lãi trả vào ngày 25 hàng tháng, kỳ hạn vay 3 – 4 tháng, lãi suất 5,5% - 5,8%.
- Khoản vay tín chấp 64,69 tỷ từ Ngân hàng TMCP Quân đội, lãi trả vào ngày 25 hàng tháng, kỳ hạn vay 3 – 4 tháng, lãi suất 5,85%.
- Khoản vay tín chấp 61,77 tỷ từ Ngân hàng Bangkok đại chúng TNHH – CN Hà Nội, lãi trả vào ngày 25 hàng tháng, kỳ hạn vay 3 tháng, lãi suất 5,7%.

Công ty sử dụng tới nguồn vốn vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Cuối năm 2018 và trong năm 2019, vay ngắn hạn tăng chủ yếu là do công ty đã sử dụng vốn tự có vào hoạt động đầu tư góp vốn vào Công ty con để thực hiện các dự án đầu tư, nên hoạt động sản xuất công ty sử dụng nguồn vay ngân hàng.

Vay dài hạn:

Các khoản vay dài hạn lớn nhất của Công ty bao gồm:

- Khoản vay 129,60 tỷ từ Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam, lãi trả vào 25 hàng tháng, kỳ hạn vay 48 tháng, lãi suất 9,4%, được bảo đảm bằng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CM050568 do sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương cấp ngày 06/08/2019 mang tên Công ty CP An Trung Industries.
- Khoản vay 19,31 tỷ từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, lãi trả vào 25 hàng tháng, kỳ hạn vay 48 tháng, lãi suất 9,6%, được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của máy móc thiết bị ngành nhựa hình thành từ vốn vay ước tính 73,388 tỷ đồng.

Các khoản vay dài hạn được sử dụng cho mục đích đầu tư máy móc, thiết bị và hợp tác kinh doanh. Trong năm 2019, vay dài hạn của Công ty tăng là nhằm phục vụ cho việc đầu tư đổi mới thiết bị của công ty mẹ là 19,3 tỷ đồng, vay góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty An Trung là 129,6 tỷ đồng, ngoài ra công ty An Trung vay vốn và thuê mua tài chính đầu tư thiết bị là 57,1 tỷ đồng.

Bảng 30. Tổng dư nợ vay của Công ty – Riêng

Đơn vị: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	Quý 3/2019
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	7.350.000.000	46.478.226.995	226.316.049.473
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	25.800.000.000	-	148.916.023.907
Tổng cộng		33.150.000.000	46.478.226.995	375.232.073.380

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2017 và 2018, BCTC riêng Quý 3 năm 2019 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

11.1.7. Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu

Bảng 31. Chi tiết các khoản phải thu của Công ty – Hợp nhất

Đơn vị: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	Quý 3/2019
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	98.059.216.043	275.060.493.376	315.373.943.634
1	Phải thu khách hàng	97.566.331.490	132.078.447.349	120.080.415.189
2	Trả trước cho người bán	303.135.000	5.926.056.983	38.384.027.430
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	135.000.000.000	149.663.643.835

TT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	Quý 3/2019
4	Các khoản phải thu khác	189.749.553	2.055.989.044	7.245.857.180
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	856.625.000
1	Các khoản phải thu dài hạn khác	-	-	856.625.000
Tổng cộng		92.831.278.219	275.060.493.376	316.230.568.634

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và 2018, BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2019 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Trả trước cho người bán

Năm 2018, khoản trả trước cho người bán trên BCTC hợp nhất chủ yếu là 2,56 tỷ đồng trả trước cho Công ty Carl Zeiss Pte Ltd và khoản tạm ứng 1,4 tỷ đồng cho hợp đồng mua khuôn với Công ty CP Thiết bị và Công Nghệ.

Tới cuối quý 3/2019, khoản trả trước cho người bán chủ yếu là 14,6 tỷ đồng tạm ứng hợp đồng mua khuôn cho công ty Nagase (Thailand) Co.,Ltd; 10,9 tỷ đồng tạm ứng cho hợp đồng mua khuôn với Công ty TNHH Thương Mại YUASA Việt Nam và 6,18 tỷ tạm ứng tiền thi công cho Công ty Cổ phần Xây lắp ANI.

Phải thu về cho vay ngắn hạn

Năm 2018, phải thu về cho vay ngắn hạn gồm 100 tỷ cho vay Công ty Cổ phần Xây lắp ANI và 35 tỷ cho vay Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings.

Tại ngày 30/09/2019, khoản phải thu về cho vay trên BCTC hợp nhất của Công ty bao gồm 42,8 tỷ cho vay Công ty Cổ phần An Phát Holdings, 43 tỷ đồng cho vay Công ty Cổ phần phát triển Daisen và 63,9 tỷ đồng cho Công ty Cổ phần xây lắp ANI vay. Bên cho vay của cả ba khoản trên đều là Công ty mẹ, tức Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội. Thông tin chi tiết về các khoản cho vay này như sau:

- Khoản cho Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings vay có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất từ 6,5% đến 7,5% và không có tài sản đảm bảo. Đến ngày 24/10/2019, Công ty Cổ phần Tập

đoàn An Phát Holdings đã hoàn trả toàn bộ khoản nợ 42,8 tỷ đồng cho Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội.

- Khoản cho Công ty Cổ phần phát triển Daisen vay có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 7,5% và không có tài sản đảm bảo. Công ty đã thu lại được toàn bộ khoản này vào ngày 4/10.
- Khoản cho Công ty Cổ phần Xây lắp ANI vay có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất từ 7% đến 7,5% và được đảm bảo bằng toàn bộ các khoản phải thu mà công ty CP xây lắp ANI nhận được từ Công ty CP khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát theo hợp đồng số 0112/HĐKT/APC-ANI ngày 01/12/2018.

Bảng 32: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty – Riêng

Đơn vị: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	Quý 3/2019
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	102.213.146.775	289.593.271.231	303.628.916.767
1	Phải thu khách hàng	101.725.487.775	146.910.660.486	126.465.503.147
2	Trả trước cho người bán	300.135.000	5.825.406.983	20.366.282.409
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	135.000.000.000	149.663.643.835
4	Các khoản phải thu khác	187.524.000	1.857.203.762	7.133.487.376
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
Tổng cộng		102.213.146.775	289.593.271.231	303.628.916.767

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2017 và 2018, BCTC riêng Quý 3 năm 2019 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Trả trước cho người bán

Năm 2018, khoản trả trước 2,56 tỷ đồng cho Công ty Carl Zeiss Pte Ltd và khoản trả trước 1,4 tỷ đồng cho Công ty CP Thiết bị và Công Nghệ để tạm ứng hợp đồng mua khuôn là hai khoản trả trước cho

người bán lớn nhất.

Tới cuối quý 3/2019, trong số 20,4 tỷ đồng trả trước cho người bán ngắn hạn thì 14,6 tỷ đồng là khoản tạm ứng hợp đồng mua khuôn cho Công ty Nagase (Thailand) Co.,Ltd.

Phải thu về cho vay ngắn hạn

Năm 2018, phải thu về cho vay ngắn hạn gồm 100 tỷ cho vay Công ty cổ phần xây lắp ANI và 35 tỷ cho vay Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings.

Đến hết quý 3/2019, ngoài ba khoản cho Công ty Cổ phần phát triển Daisen, Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings và Công ty Cổ phần xây lắp ANI vay như đã đề cập trên phần phải thu về cho vay ngắn hạn của Công ty hợp nhất, Công ty mẹ còn cho Công ty Cổ phần An Trung Industries vay theo hợp đồng hợp tác kinh doanh có kỳ hạn 15 năm, lợi tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh và không có tài sản đảm bảo. Số dư của khoản phải thu về cho vay này tại ngày 30/09/2019 là 144 tỷ đồng.

Các khoản phải trả

Bảng 33. Chi tiết các khoản phải trả của Công ty – Hợp nhất

Đơn vị: VNĐ

TT	Chi tiêu	2017	2018	Quý 3/2019
I	Nợ ngắn hạn	123.055.893.966	185.573.086.006	451.019.318.616
1	Phải trả người bán	58.761.205.234	84.599.945.436	131.914.369.704
2	Người mua trả tiền trước	3.128.087.565	919.565.675	21.336.422.197
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	3.316.373.996	5.142.710.284	5.912.552.037
4	Phải trả người lao động	15.200.868.000	31.662.406.604	21.114.175.030
5	Chi phí phải trả	1.607.395.947	2.284.071.246	759.619.965

TT	Chỉ tiêu	2017	2018	Quý 3/2019
6	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	942.573.007	319.302.309	15.105.436.388
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	7.350.000.000	46.478.226.995	241.603.252.374
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	32.749.390.217	14.166.857.457	13.273.490.921
II	Nợ dài hạn	25.800.000.000	-	206.093.836.397
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	25.800.000.000	-	206.093.836.397
Tổng cộng		148.855.893.966	185.573.086.006	657.113.155.013

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và 2018, BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2019 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Kết thúc năm 2017 và 2018, toàn bộ khoản phải trả và phải nộp ngắn hạn khác là khoản phí công đoàn và các khoản phải trả khác cho người lao động.

Tới cuối quý 3/2019, 15,1 tỷ các khoản phải trả và phải nộp ngắn hạn khác bao gồm 1,6 tỷ đồng các khoản phải nộp về phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và cổ tức phải trả; 13,5 tỷ đồng còn lại phần lớn là khoản Công ty Cổ phần An Trung Industries thanh toán theo hợp đồng mua bán tài sản cố định thuê tài chính cho Công ty CP Nhựa An Phát Xanh.

Bảng 34. Chi tiết các khoản phải trả của Công ty – Riêng

Đơn vị: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	2017	2018	Quý 3/2019
I	Nợ ngắn hạn	127.886.430.537	191.944.971.769	378.710.413.279
1	Phải trả người bán	68.716.765.827	98.412.923.791	103.236.753.483

TT	Chỉ tiêu	2017	2018	Quý 3/2019
2	Người mua trả tiền trước	3.128.087.565	919.565.675	21.305.895.834
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	2.993.488.650	4.720.259.765	4.221.045.065
4	Phải trả người lao động	15.200.868.000	26.281.128.914	10.252.458.342
5	Chi phí phải trả	1.478.409.911	2.259.152.146	344.927.365
6	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	40.805.906	314.725.565	1.354.161.335
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	7.350.000.000	46.478.226.995	226.316.049.473
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	28.978.004.678	12.558.988.918	11.679.122.382
II	Nợ dài hạn	25.800.000.000	-	148.916.023.907
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	25.800.000.000	-	148.916.023.907
Tổng cộng		153.686.430.537	191.944.971.769	527.626.437.186

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2017 và 2018, BCTC riêng Quý 3 năm 2019 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

11.1.8. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 35. Các chỉ tiêu tài chính của Công ty - Riêng

STT	Chỉ tiêu	2017	2018	Q3/2019
KHẢ NĂNG THANH TOÁN				

STT	Chi tiêu	2017	2018	Q3/2019
1	Khả năng thanh toán tổng quát: <i>Tổng tài sản/ Tổng nợ phải trả</i>	2,39	2,76	1,88
2	Khả năng thanh toán ngắn hạn: <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	1,61	2,12	1,41
3	Khả năng thanh toán nhanh: <i>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	1,22	1,75	2,00
CƠ CẤU VỐN, TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ				
1	Hệ số nợ so với tổng tài sản: <i>Nợ/Tổng Tài sản</i>	0,42	0,36	0,38
2	Hệ số nợ so với nguồn vốn chủ sở hữu: <i>Nợ/Vốn chủ sở hữu</i>	0,96	0,57	0,81
3	Hệ số thích ứng dài hạn của tài sản: <i>Tài sản dài hạn/ (Vốn chủ sở hữu + Nợ phải trả)</i>	0,32	0,23	0,46
4	Hệ số tài sản dài hạn trên vốn chủ sở hữu: <i>Tài sản dài hạn/Vốn chủ sở hữu</i>	0,32	0,23	0,99
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG				
1	Hiệu quả sử dụng tài sản: <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>	2,03	2,22	0,96

STT	Chi tiêu	2017	2018	Q3/2019
2	Vòng quay hàng tồn kho: <i>Giá vốn hàng hóa/ Hàng tồn kho trung bình</i>	21,93	13,29	9,33
3	Vòng quay tổng tài sản: <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>	2,10	2,05	0,96
KHẢ NĂNG SINH LỜI				
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần: <i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>	5,68%	5,21%	3,89%
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân: <i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i>	22,09%	21,26%	8,29%
3	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân: <i>Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản bình quân</i>	11,50%	11,57%	4,37%
4	Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần: <i>Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần</i>	6,71%	5,82%	4,62%

Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC riêng kiểm toán năm 2017 và 2018, BCTC riêng Quý 3 năm 2019 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Bảng 36. Các chỉ tiêu tài chính của Công ty – Hợp nhất

STT	Chỉ tiêu	2017	2018	Q3/2019
KHẢ NĂNG THANH TOÁN				
1	Khả năng thanh toán tổng quát: <i>Tổng tài sản/ Tổng nợ phải trả</i>	3,01	2,84	1,72
2	Khả năng thanh toán ngắn hạn: <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	2,50	2,24	1,37
3	Khả năng thanh toán nhanh: <i>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	1,88	1,82	1,13
CƠ CẤU VỐN, TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ				
1	Hệ số nợ so với tổng tài sản: <i>Nợ/Tổng Tài sản</i>	0,33	0,35	0,40
2	Hệ số nợ so với nguồn vốn chủ sở hữu: <i>Nợ/Vốn chủ sở hữu</i>	0,50	0,54	0,94
3	Hệ số thích ứng dài hạn của tài sản: <i>Tài sản dài hạn/ (Vốn chủ sở hữu + Nợ phải trả)</i>	0,31	0,21	0,45
4	Hệ số tài sản dài hạn trên vốn chủ sở hữu: <i>Tài sản dài hạn/Vốn chủ sở hữu</i>	0,47	0,33	1,08
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG				

STT	Chỉ tiêu	2017	2018	Q3/2019
1	Hiệu quả sử dụng tài sản: <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>	1,92	2,11	0,81
2	Vòng quay hàng tồn kho: <i>Giá vốn hàng hóa/ Hàng tồn kho trung bình</i>	9,38	11,64	7,25
3	Vòng quay tổng tài sản: <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>	1,92	2,11	0,81
KHẢ NĂNG SINH LỜI				
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần: <i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>	6,47%	5,42%	4,61%
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân: <i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i>	19,41%	17,41%	9,76%
3	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân: <i>Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản bình quân</i>	12,45%	11,44%	4,80%
4	Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần: <i>Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần</i>	7,76%	5,89%	5,59%

Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và 2018, BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2019 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Khả năng thanh toán

Trong năm 2018, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh giảm nhẹ so với năm 2017 do nợ ngắn hạn của Công ty tại 31/12/2018 tăng 50,8% so với 31/12/2017, và hàng tồn kho của Công ty tại 31/12/2018 tăng 0,99% so với 31/12/2017.

Quý 3/2019, hệ số thanh toán giảm do số dư nợ ngắn hạn của công ty tăng mạnh so với đầu năm, tăng gấp 5 lần so với đầu năm, nguyên nhân bởi nhu cầu của công ty trong lĩnh vực sản xuất cần đảm bảo nguồn vốn lưu động trong năm.

Cơ cấu vốn

Tại thời điểm cuối năm 2018, các khoản nợ phải trả của Công ty tăng so với thời điểm cuối năm 2017, trong đó khoản vay ngắn hạn tăng cao gấp 6,32 lần so với năm 2017.

9 tháng đầu năm 2019, các khoản nợ phải trả của cả Công ty mẹ và hợp nhất đều tăng so với cuối năm 2018, nguyên nhân từ các khoản vay ngắn hạn tăng cao gấp khoảng 5 lần.

Năng lực hoạt động

Số dư hàng tồn kho của Công ty tăng từ 76,3 tỷ đồng (tại 31/12/2017) tăng lên 77,1 tỷ đồng (tại 31/12/2018) làm tăng vòng quay hàng tồn kho từ 9,38 vòng lên 11,64 vòng. Vòng quay tổng tài sản tăng so với năm 2017, thể hiện Công ty đã cải thiện hoạt động sản xuất kinh doanh và tận dụng tài sản hiệu quả hơn trong năm 2018.

Kết thúc quý 3 năm 2019, theo kết quả kinh doanh hợp nhất vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản đạt lần lượt 7,25 và 0,81 vòng.

Khả năng sinh lời

Các chỉ số khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2018 đều giảm so với năm 2017 do lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 55,8 tỷ đồng, giảm 3,34% so với năm trước, chủ yếu là do giá nguyên vật liệu đầu vào và chi phí tăng so với năm 2017. Theo báo cáo hợp nhất, 9 tháng đầu năm 2019, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần đạt 4,61%, tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 5,59%.

Công ty đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng mở rộng nhà máy, để đáp ứng yêu cầu tổ chức sản xuất hiện tại cũng như sự phát triển của Công ty trong tương lai. Khi đó, để tiến hành sản xuất và đảm bảo cho quá trình tái sản xuất sau khi mở rộng và phát triển nhà máy, ngoài TSCĐ như máy móc, thiết bị, nhà xưởng,... Công ty phải bỏ ra một lượng tiền nhất định để mua sắm hàng hoá, nguyên vật liệu,... phục vụ cho quá trình sản xuất. Ngoài ra, việc mở rộng sản xuất đòi hỏi Công ty phải phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm, mạng lưới khách hàng dẫn đến ảnh hưởng tới chỉ số vòng quay hàng tồn kho và các chỉ tiêu về thanh toán ngắn hạn. Do vậy, việc bổ sung vốn lưu động, duy trì

Cơ cấu tài chính an toàn và tăng cường khả năng tự chủ về tài chính của Công ty là rất cần thiết.

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

Bảng 37. Danh sách Hội đồng quản trị của Công ty

TT	Họ và tên	Chức vụ	Loại thành viên	Năm sinh	Số CMND/ Số hộ chiếu
1	Ông Bùi Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành	1976	011893275
2	Ông Phạm Quốc Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	Không điều hành	1962	001062008225
3	Ông Bùi Thanh Nam	Thành viên HĐQT	Điều hành	1962	001062002074
4	Ông Mẫn Chí Trung	Thành viên HĐQT	Điều hành	1972	001072013800
5	Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Thành viên HĐQT	Độc lập	1984	001084022268

12.1.1. Ông: *Bùi Minh Hải* - Chủ tịch HĐQT

- Giới tính	Nam
- Ngày sinh	29/10/1976
- Nơi sinh	Bắc Giang
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Quê quán	Hưng Yên

- Địa chỉ thường trú	F416, I7, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	
- CNMD số: 011893275	Ngày cấp: 11/01/2005	Nơi cấp: Hà Nội
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh	
Quá trình công tác		
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ
2000 - 2002	Công ty TNHH nước giải khát Coca Cola	Kiểm toán nội bộ
2002 - 2004	Công ty TNHH nhà máy bia Hà Tây (Tiger - Heineken)	Phụ trách bán hàng
2004 - 2006	Văn phòng đại diện Henessy - Moet Chandon	Marketing
2006 - 2008	Kinh doanh riêng xe cơ giới	Giám đốc
2008 - 03/2018	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Giám đốc sản xuất nhà máy
03/2018 - 11/2018	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất kiêm giám đốc Kế hoạch Sản xuất
12/2018 - 3/2019	CTCP tập đoàn An Phát Holdings	Phó GD thường trực Ban Kế hoạch chiến lược và tái cấu trúc
	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Thành viên Hội đồng quản trị

09/04/2019 – 01/10/2019	Công ty Cổ phần An Trung Industries	Chủ tịch HĐQT
10/01/2019 - 01/10/2019	Công ty TNHH MTV Cơ Khí Chính xác và chế tạo Khuôn mẫu Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng thành viên
03/2019 - nay	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Chủ tịch Hội đồng quản trị
07/2019 - nay	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Người đại diện theo pháp luật
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo pháp luật	
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không	
- Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần, tỷ lệ: 0,00%	
	<i>Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0,00%</i> <i>Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0,00%</i>	
- Cam kết nắm giữ (nếu có)	Không có	
- Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không có	
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không	
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không	
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không	

12.1.2. Ông Phạm Quốc Trung – Phó chủ tịch HĐQT

- Giới tính	Nam	
- Ngày sinh	19/07/1962	
- Nơi sinh	Hà Nội	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Dân tộc	Kinh	
- Quê quán	Xã Đào Dương, Ân Thi, Hưng Yên	
- Địa chỉ thường trú	47 Lương Văn Can, P. Hàng Đào, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	
- CNMD số: 001062008225	Ngày cấp: 16/06/2016	Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư hóa Polymer	
Quá trình công tác		
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/1987 - 1/1997	Công ty Nhựa Hà Nội	Cán bộ kỹ thuật
2/1997 - 5/2002	Công ty Nhựa Hà Nội	Quản đốc phân xưởng
6/2002 - 10/2002	Công ty Nhựa Hà Nội	Cán bộ quản lý dự án
11/2002 - 4/2004	Công ty Nhựa Hà Nội	Phó giám đốc
5/2004 - 6/2011	Công ty CP Hàm Rồng	Giám đốc

6/2011 - 11/2011	Công ty CP Nhựa Hà Nội	Phó tổng giám đốc
12/2011 – 26/03/2019	Công ty CP Nhựa Hà Nội	Chủ tịch HĐQT
	Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM	Chủ tịch HĐQT
26/03/2019 – nay	Công ty CP Nhựa Hà Nội	Phó chủ tịch HĐQT
	Công ty TNHH phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư VIEXIM	Chủ tịch HĐQT – Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Chủ tịch Hội đồng thành viên Giám đốc Công ty TNHH phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư VIEXIM	
- Số cổ phần nắm giữ	11.840 cổ phần, tỷ lệ: 0,034%	
	<i>Sở hữu cá nhân: 11.840 cổ phần, tỷ lệ: 0,034378%</i>	
	<i>Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0,00%</i>	
- Cam kết nắm giữ (nếu có)	Cam kết nắm giữ 100% cổ phiếu của mình trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% còn lại trong 6 tháng tiếp theo	
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không	
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không	
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không	

- Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần

Họ và tên	Số CMND, ngày cấp, nơi cấp	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Đặng Việt Hương	Số CMND: 010262728; Ngày cấp: 25/9/2009; Nơi cấp: Công An Hà Nội	Vợ	12.960	0,03763%

12.1.3. Ông Bùi Thanh Nam – Thành viên HĐQT

- Giới tính	Nam	
- Ngày sinh	24/07/1962	
- Nơi sinh	Hà Nội	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Dân tộc	Kinh	
- Quê quán	Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội	
- Địa chỉ thường trú	Số 11, Ngách 164/10 Phố Hồng Mai, P. Quỳnh Lôi, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	
- CMND số: 001062002074	Ngày cấp: 29/09/2014	Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Điện thoại liên hệ	0913276020	
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư máy và tự động thủy lực	
Quá trình công tác		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ

<i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>		
4/1985 - 3/1989	Xí nghiệp Nhựa Hà Nội	Nhân viên
4/1989 - 6/1994	Phân xưởng cơ khí, Công ty Nhựa Hà Nội	Phó quản đốc
7/1994 - 7/1995	Phân xưởng cơ khí, Công ty Nhựa Hà Nội	Quản đốc
7/1995 - 11/2000	Phòng KTCĐ, Công ty Nhựa Hà Nội	Trưởng phòng
11/2000 - 9/2005	Công ty Nhựa Hà Nội	Phó giám đốc
9/2005 - 11/2008	Công ty TNHH NN MTV Nhựa Hà Nội	Phó tổng giám đốc
11/2008 - Nay	Công ty CP Nhựa Hà Nội	Thành viên HĐQT, TGD, người đại diện theo pháp luật Công ty
1993 - 5/2000	ĐTNCS Hồ Chí Minh Công ty CP Nhựa Hà Nội	Bí thư
4/2002 - 10/2010	Đảng ủy Công ty CP Nhựa Hà Nội	ĐUV, Bí thư chi bộ KT
6/2010 - Nay	Đảng ủy Công ty CP Nhựa Hà Nội	Bí thư
11/2015 - Nay	Đảng ủy khối Doanh nghiệp Hà Nội	UVBCH
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc; Người đại diện theo pháp luật	
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM	
- Số cổ phần nắm giữ	93.046 cổ phần, tỷ lệ: 0,270168%	
	<i>Sở hữu cá nhân: 93.046 cổ phần, tỷ lệ: 0,270168%</i>	

	<i>Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0,00%</i>
- Cam kết nắm giữ (nếu có)	Cam kết nắm giữ 100% cổ phiếu của mình trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% còn lại trong 6 tháng tiếp theo
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

- Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần

Họ và tên	Số CMND, ngày cấp, nơi cấp	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Trần Xuân Thu	Số CMND: 010384741; Ngày cấp: 21/4/2005; Nơi cấp: Công An Hà Nội	Vợ	1.000	0,0029%

12.1.4. Ông Mẫn Chí Trung – Thành viên HĐQT

- Giới tính	Nam
- Ngày sinh	04/12/1972
- Nơi sinh	Hà Nội
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh

- Quê quán	Yên Phong – Bắc Ninh	
- Địa chỉ thường trú	82 Đường 19 Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	
- CNMD số: 001072013800	Ngày cấp: 26/07/2017	Nơi cấp: Cục ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Điện thoại liên hệ	0904495901	
- Trình độ chuyên môn	Tiến sĩ CN Chế tạo Máy	
Quá trình công tác		
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/1995 - 3/2002	Công ty Peter Hand Việt Nam	Quản đốc sản xuất
4/2002 - 3/2008	Nghiên cứu sinh tiến sỹ tại Nhật Bản	Nghiên cứu sinh
8/2008 - 2/2018	Công ty Valqua Việt Nam	Giám đốc sản xuất
3/2018 - 11/2018	Công ty cổ phần nhựa Đại An	Tổng giám đốc
26/11/2018 – đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Thành viên Hội đồng quản trị
28/11/2018 – đến nay	Công ty TNHH linh kiện nhựa ô tô Vínfast - An Phát	Tổng giám đốc
03/2019 - Nay	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Phó Tổng Giám đốc
09/04/2019 – 01/10/2019	Công ty Cổ phần An Trung Industries	Tổng Giám đốc

01/10/2019 - Nay	Công ty TNHH MTV An Trung Industries	Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc
01/10/2019 - Nay	Công ty TNHH MTV Cơ Khí Chính xác và chế tạo Khuôn mẫu Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng thành viên
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Hội đồng quản trị; Phó Tổng Giám đốc	
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH An Trung Industries; Chủ tịch Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam; Tổng giám đốc Công ty TNHH linh kiện nhựa ô tô Vinfast - An Phát.	
- Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần, tỷ lệ: 0,00%	
	<i>Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0,00%</i> <i>Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0,00%</i>	
- Cam kết nắm giữ (nếu có)	Không có	
- Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không	
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không	
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không	
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không	

12.1.5. Ông Nguyễn Lê Thăng Long – Thành viên HĐQT

- Giới tính	Nam	
- Ngày sinh	10/10/1984	
- Nơi sinh	Hà Nội	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Dân tộc	Kinh	
- Quê quán	Thừa Thiên Huế	
- Địa chỉ thường trú	25B Ngô Thị Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội	
- CMND số: 001084022268	Ngày cấp: 29/03/2017	Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Điện thoại liên hệ	0987641441	
- Trình độ chuyên môn	Tiến sĩ Khoa Học Vật Liệu	
Quá trình công tác		
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/2013 – 11/2016	Công ty Mobiding France	Chuyên viên phát triển sản xuất
4/2017 – 11/2017	Công ty TNHH Setfil	Quản lý dự án
11/2017 – 30/09/2019	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn An Phát Holdings	Giám Đốc Trung Tâm Nghiên Cứu và Phát Triển

01/10/2019 - Nay	Công ty Cổ phần Xây lắp ANI	Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và phát triển
11/2018 – đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Hội đồng quản trị	
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Giám Đốc Trung Tâm Nghiên Cứu và Phát Triển của Công ty Cổ phần Xây lắp ANI	
- Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần, tỷ lệ: 0,00%	
	<i>Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0,00%</i> <i>Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0,00%</i>	
- Cam kết nắm giữ (nếu có)	Không có	
- Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không	
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không	
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không	
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không	

12.2. Ban Kiểm soát**Bảng 38. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND/ Số hộ chiếu
1	Bà ĐỖ Thị Tuyến	Trưởng Ban Kiểm soát	1991	151830185
2	Ông Trần Hoa Tùng	Thành viên Ban Kiểm soát	1986	017415513
3	Ông Nguyễn Bảo Linh	Thành viên Ban Kiểm soát	1982	001082002642

12.2.1. Bà ĐỖ Thị Tuyến – Trưởng Ban Kiểm soát

- Giới tính	Nữ	
- Ngày sinh	20/11/1991	
- Nơi sinh	Thái Bình	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Dân tộc	Kinh	
- Quê quán	Phú Lương, Đông Hưng, Thái Bình	
- Địa chỉ thường trú	Phú Lương, Đông Hưng, Thái Bình	
- CNMD số 151830185	Ngày cấp: 13/12/2005	Nơi cấp: Thái Bình
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kiểm toán	
Quá trình công tác		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ

<i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>		
7/2014- 6/2017	Công ty TNHH Deloitte Việt Nam	Kiểm toán viên
7/2017- 8/2018	Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Thư ký TGD
9/2018- 01/10/2019	Công ty CP Tập đoàn An Phát Holdings	CV Phân tích và lập kế hoạch tài chính
26/11/2018 – đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Trưởng Ban Kiểm soát	
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không có	
- Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần, tỷ lệ: 0,00%	
	<i>Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0,00%</i> <i>Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0,00%</i>	
- Cam kết nắm giữ (nếu có)	Không có	
- Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không	
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không	
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không	

- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
-------------------------------------	-------

12.2.2. Ông Nguyễn Bảo Linh – Thành viên BKS

- Giới tính	Nam	
- Ngày sinh	19/05/1982	
- Nơi sinh	Hà Nội	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Dân tộc	Kinh	
- Quê quán	Hoàng Mai, Hà Nội	
- Địa chỉ thường trú	Đông Thiên, Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	
- CMND số 001082002642	Ngày cấp: 02/07/2014	Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư
- Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	
Quá trình công tác		
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ
2008 - 2011	Chương trình Đào tạo và Ứng dụng Phương thức Quản lý Monozukuri tại Việt Nam (Toyota Việt Nam)	Chuyên viên cải tiến sản xuất
2011 - 2012	Ngân hàng Maritime Bank	Chuyên viên cải tiến

2012 - 2015	Công ty cổ phần khai thác chế biến khoáng sản Việt	Trưởng nhóm Kế hoạch & kiểm soát chi phí
2015 - 2017	Viện Quản trị kinh doanh (FSB)	Cán bộ R&D, Trợ giảng
2017 - 2018	Công ty cổ phần tư vấn & ứng dụng KHCN Q-Tech	Chuyên gia tư vấn năng suất
04/2018 – 04/2019	Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Trưởng nhóm Kế hoạch
05/2019 - nay	Công ty cổ phần Nhựa Hà nội	Phó phòng Bán hàng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Ban Kiểm soát	
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không	
- Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần, tỷ lệ: 0,00%	
	<i>Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0,00%</i>	
	<i>Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0,00%</i>	
- Cam kết nắm giữ (nếu có)	Không có	
- Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không	
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không	
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không	

- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
-------------------------------------	-------

12.2.3. Ông Trần Hoa Tùng – Thành viên BKS

- Giới tính	Nam	
- Ngày sinh	25/01/1986	
- Nơi sinh	Hà Nội	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Dân tộc	Kinh	
- Quê quán	Xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	
- Địa chỉ thường trú	Khu thực phẩm, Vân Trai, Thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội	
- CMND số 017415513	Ngày cấp: 26/11/2012	Nơi cấp: CA TP Hà Nội
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế	
Quá trình công tác		
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ
8/2008 – 6/2010	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Tài chính Quốc tế	Trợ lý Kiểm toán viên

7/2010 – 8/2014	Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long – Chi nhánh Hà Nội	Kế toán
9/2014 - 2/2018	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Tài chính Quốc tế	Kiểm toán viên
5/2018 – 30/09/2019	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Kế toán tổng hợp
26/11/2018 - Nay	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Ban Kiểm soát	
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không có	
- Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần, tỷ lệ: 0,00%	
	<i>Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0,00%</i> <i>Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0,00%</i>	
- Cam kết nắm giữ (nếu có)	Không có	
- Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không	
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không	
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không	

- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
-------------------------------------	-------

12.3. Ban Tổng Giám đốc
Bảng 39. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND/ Số hộ chiếu
1	Ông Bùi Thanh Nam	Tổng Giám đốc	1962	001062002074
2	Bà Phạm Thị Thanh Hiền	Phó Tổng Giám đốc	1965	011141796
3	Ông Mẫn Chí Trung	Phó Tổng giám đốc	1972	001072013800

12.3.1. Ông Bùi Thanh Nam – Tổng Giám đốc (như trên)
12.3.2. Bà Phạm Thị Thanh Hiền – Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính	Nữ	
- Ngày sinh	12/10/1965	
- Nơi sinh	Thái Bình	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Dân tộc	Kinh	
- Quê quán	Xã Lô Giang – Huyện Đông Hưng – Tỉnh Thái Bình	
- Địa chỉ thường trú	33B, phố Phạm Ngũ Lão, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	
- CMND số 011141796	Ngày cấp: 04/12/2010	Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

- Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế - CN Quản lý kinh tế công nghiệp	
Quá trình công tác		
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ
2/1987 – 1/1994	Công ty Nhựa Hà Nội	Nhân viên phòng Kế hoạch sản xuất
2/1994 – 4/2001	Công ty Nhựa Hà Nội	Phó phòng Kế hoạch sản xuất
5/2001 – 7/2006	Công ty Nhựa Hà Nội	Trưởng phòng Kế hoạch sản xuất
8/2006 – 10/2008	Công ty TNHH nhà nước một thành viên Nhựa Hà Nội	Phó tổng giám đốc
11/2008 – 11/2010	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc
12/2010 - 01/2011	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc
	Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM	Thành viên HĐQT
01/2011 – 4/2018	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc
	Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM	Thành viên HĐQT, Giám đốc
5/2018 – 3/4/2019	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Phó tổng giám đốc

	Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM	Thành viên HĐQT, Giám đốc
04/4/2019 - Nay	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Phó tổng giám đốc
	Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM	Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Phó Tổng giám đốc	
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Thành viên HĐQT Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM	
- Số cổ phần nắm giữ	400 cổ phần, tỷ lệ: 0,0012%	
	<i>Sở hữu cá nhân: 400 cổ phần, tỷ lệ: 0,0012%</i> <i>Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0,00%</i>	
- Cam kết nắm giữ (nếu có)	Cam kết nắm giữ 100% cổ phiếu của mình trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% còn lại trong 6 tháng tiếp theo	
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không	
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không	
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không	

- Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần

Họ và tên	Số CMND, ngày cấp, nơi cấp	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)

Nguyễn Hạnh Dung	Số CMND: 001190019860, cấp ngày: 11/01/2019, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	con	400	0,00116%
------------------	--	-----	-----	----------

12.3.3. Ông Mẫn Chí Trung – Phó Tổng Giám đốc (như trên)
12.4. Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng
12.4.1. Bà Đỗ Thị Hương Giang - Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

- Giới tính	Nữ	
- Ngày sinh	03/4/1975	
- Nơi sinh	Hà Nội	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Dân tộc	Kinh	
- Quê quán	Phường Xuân Đình – quận Bắc Từ Liêm – TP Hà Nội	
- Địa chỉ thường trú	SN 11 ngõ 323/83 Tổ dân phố Xuân Nhang 1 – phường Xuân Đình – quận Bắc Từ Liêm – TP Hà Nội	
- CMND số 001175012660	Ngày cấp: 10/02/2017	Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân chuyên ngành Kế toán	
Quá trình công tác		
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ

		Chính quyền
01/1994 – 1/2000	Công ty Nhựa Hà Nội	Nhân viên Kế toán
02/2000 – 2/2003	Công ty Nhựa Hà Nội	Phó phòng Tài vụ
3/2003 – 6/2003	Công ty Nhựa Hà Nội	Quyền trưởng phòng Tài vụ
7/2003 – 4/2004	Công ty Nhựa Hà Nội	Trưởng phòng Tài vụ
5/2004 – 6/2006	Công ty Nhựa Hà Nội	Trưởng phòng Tài vụ
	Công ty CP Hàm Rồng	Trưởng Ban Kiểm soát
7/2006 – 10/2008	Công ty TNHH NN MTV Nhựa Hà Nội	Kế toán trưởng
	Công ty CP Hàm Rồng	Trưởng Ban Kiểm soát
11/2008-11/2010	Công ty CP Nhựa Hà Nội	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng
	Công ty CP Hàm Rồng	Trưởng Ban Kiểm soát
12/2010 – 4/2011	Công ty CP Nhựa Hà Nội	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng
	Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM	Thành viên HĐQT
	Công ty CP Hàm Rồng	Trưởng Ban Kiểm soát
5/2011 – 4/2018	Công ty CP Nhựa Hà Nội	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng
	Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM	Thành viên HĐQT

5/2018 - Nay	Công ty CP Nhựa Hà Nội	Kế toán trưởng
	Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM	Thành viên HĐQT
04/2019 - nay	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Giám đốc tài chính
		Tổ chức Đoàn TN
1/2000 - 2009	Đoàn TNCS HCM Công ty CP Nhựa Hà Nội	Bí thư
		Tổ chức công đoàn
7/2000 - 9/2009	Công đoàn Công ty Nhựa Hà Nội	Ủy viên BCH Công đoàn
10/2009 – 8/2017	Công đoàn Công ty Nhựa Hà Nội	Phó chủ tịch Công đoàn
9/2017 – 11/2017	Công đoàn Công ty Nhựa Hà Nội	Chủ tịch Công đoàn
12/2017 – 5/2019	Công đoàn Công ty Nhựa Hà Nội	Chủ tịch Công đoàn
	Công đoàn ngành Công Thương Hà Nội	Ủy viên BCH Công đoàn
6/2019 – Nay	Công đoàn Công ty Nhựa Hà Nội	Phó Chủ tịch Công đoàn
	Công đoàn ngành Công Thương Hà Nội	Ủy viên BCH Công đoàn
		Tổ chức Đảng
8/2005 – 4/2015	Đảng bộ Công ty CP Nhựa Hà Nội	Ủy viên BCH Đảng ủy
4/2015 - Nay	Đảng bộ Công ty CP Nhựa Hà Nội	Ủy viên BCH Đảng ủy - Bí thư chi bộ Nghiệp vụ

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	- Thành viên HĐQT Công ty TNHH phát triển Xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM - Ủy viên BCH Công đoàn ngành Công Thương Hà Nội
- Số cổ phần nắm giữ	4.400 cổ phần, tỷ lệ: 0,012775%
	<i>Sở hữu cá nhân: 4.400 cổ phần, tỷ lệ: 0,012775%</i> <i>Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0,00%</i>
- Cam kết nắm giữ (nếu có)	Cam kết nắm giữ 100% cổ phiếu của mình trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% còn lại trong 6 tháng tiếp theo
- Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

13. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty)

Bảng 40. Tài sản cố định của Công ty tại 31/12/2018 – Hợp nhất

Đơn vị: VNĐ

TT	Chi tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	547.642.953.185	457.467.089.674	90.175.863.511

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	110.698.258.756	88.644.240.007	22.054.018.749
2	Máy móc, thiết bị	404.689.004.422	340.477.985.702	64.211.018.720
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	27.303.812.365	24.641.052.996	2.662.759.369
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	4.951.877.642	3.703.810.969	1.248.066.673
II	Tài sản cố định vô hình	6.084.709.246	2.277.661.640	3.807.047.606
1	Phần mềm máy tính	6.084.709.246	2.277.661.640	3.807.047.606
Tổng cộng		553.727.662.431	459.744.751.314	93.982.911.117

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018 của Công ty

Bảng 41. Tài sản cố định của Công ty tại 31/12/2018 – Riêng

Đơn vị: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	492.559.636.458	419.976.981.413	72.582.655.045
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	68.668.101.657	61.970.519.488	6.697.582.169
2	Máy móc, thiết bị	397.167.992.603	334.857.237.269	62.310.755.334
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	22.159.750.556	19.682.616.187	2.477.134.369
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	4.563.791.642	3.466.608.469	1.097.183.173
II	Tài sản cố định vô hình	6.084.709.246	2.277.661.640	3.807.047.606
1	Phần mềm máy tính	6.084.709.246	2.277.661.640	3.807.047.606

TT	Chi tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
	Tổng cộng	498.644.345.704	422.254.643.053	76.389.702.651

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2018 của Công ty

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (HPC) đã dùng tài sản của mình (nguyên giá tài sản 8.169.091.839 VNĐ, giá trị còn lại tại ngày 31/12/2018 là 4.582.925.173 VNĐ) để bảo lãnh 1 phần cho nghĩa vụ vay của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ Cao An Cường theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/10699682/HĐTD ngày 28/09/2018 ký giữa ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam và Công ty CP Vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường, hạn mức tín dụng tối đa là 55 tỷ đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày 28/09/2018. Ngày 15/10/2019, các bên đã ký phụ lục gia hạn số 01/2019/10699682/PLHĐTD, gia hạn thời gian cấp hạn mức tín dụng đến ngày 30/11/2019, trong thời gian làm thủ tục tái cấp hạn mức mới. Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng công nghệ An Cường không phải là bên liên quan tới HPC. Tuy nhiên, với tầm nhìn trở thành doanh nghiệp số 1 trong ngành công nghiệp nhựa hỗ trợ tại Việt Nam, HPC đã và đang mở rộng ngành nghề kinh doanh và phát triển theo mô hình tổng công ty với các công ty con trong ngành Nhựa. Trong thời gian tới, HPC dự kiến sẽ M&A An Cường - doanh nghiệp sản xuất tấm ốp tường, tấm ốp sàn nhựa dùng trong lĩnh vực xây dựng đưa An Cường trở thành công ty con của HPC.

Bảng 42. Danh sách đất đai tại ngày 30/06/2019

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Loại hình	Thời hạn sử dụng còn lại	Mục đích
1	Thôn Hào, xã Liêu Xá, Huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	23.089	Đất thuê trả tiền hàng năm	34 năm	Xây dựng nhà máy Vlexim
2	Tổ 12 phường Phúc Lợi, quận Long Biên, TP. Hà Nội	23.126	Đất thuê trả tiền hàng năm (Công ty đã trả tiền 1 lần cho toàn bộ thời gian thuê với diện tích là 19.880 m ²)	28 năm	Xây dựng nhà máy CTCP Nhựa Hà Nội

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Loại hình	Thời hạn sử dụng còn lại	Mục đích
3	Khu Công nghiệp kỹ thuật Cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương	18.438	Đất thuê trả tiền 1 lần	48 năm	Xây dựng Nhà máy An Trung Industries

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2019 - 2020

14.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 43. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức hợp nhất giai đoạn 2019 -2020

Đơn vị: Triệu VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019		Năm 2020	
			Kế hoạch	% tăng giảm	Kế hoạch	% tăng giảm
1	Tổng Doanh thu	1.029.466	1.130.000	9,8%	2.642.572	156,69%
2	Lợi nhuận sau thuế	55.833	67.000	20,00%	145.735	161,02%
3	Vốn chủ sở hữu	320.704	415.000	29,4%	560.735	74,84%
4	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	17,4%	16,14%	(1,26%)	25,99%	61,03%
5	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	5,43%	5,93%	0,5%	5,51%	(7,08%)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019		Năm 2020	
			Kế hoạch	% tăng giảm	Kế hoạch	% tăng giảm
6	Cổ tức (%)	10	10	-	15	50%

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

14.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2019, năm 2020

14.2.1. Các hợp đồng/dự án lớn đã ký kết hoặc dự kiến sẽ triển khai góp phần mang lại doanh thu, lợi nhuận cho năm 2019

Bảng 44. Danh mục hợp đồng/dự án đóng góp vào kế hoạch 2019

TT	Tên hợp đồng	Trị giá (Triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác trong hợp đồng
1	Hợp đồng nguyên tắc	634.000	16/06/2009	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên	Phụ tùng ô tô, xe máy	Công ty Honda Việt Nam
2	Hợp đồng nguyên tắc	55.000	01/4/2014	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên	Phụ tùng xe máy	Công ty TNHH Piaggio Việt Nam
3	Hợp đồng nguyên tắc	24.000	10/3/2015	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên	Phụ tùng máy văn phòng	Công ty TNHH Panasonic Appliances tại Thăng Long

TT	Tên hợp đồng	Trị giá (Triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác trong hợp đồng
4	Hợp đồng nguyên tắc	10.000	01/4/2016	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên	Linh kiện máy giặt	Công ty TNHH Panasonic Appliances tại Hưng Yên
5	Hợp đồng nguyên tắc	19.031	01/4/2012	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên	Khuôn và Phụ tùng ô tô	Công ty ô tô TOYOTA Việt Nam
6	Hợp đồng nguyên tắc	20.148	01/01/2017	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên	Phụ tùng xe máy	Nhà máy sx phụ tùng và lắp ráp xe máy – Công ty VMEP
7	Hợp đồng nguyên tắc	73.000	22/8/2006	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên	Phụ tùng xe máy	Công ty phụ tùng xe máy ô tô Goshi Thăng Long
8	Hợp đồng nguyên tắc	11.213	10/07/2010	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên	Phụ tùng xe máy	Công ty Honda Lock
9	Hợp đồng khung mua bán hàng hóa	33.000	31/6/2018	02 năm và tự động gia hạn	Phụ tùng xe máy	Công ty TNHH SX và kinh doanh Vinfast
10	Hợp đồng mua bán tổng thể	64.541	1/1/2018	01 năm	Linh kiện máy giặt	Công ty LGE, Severone, Dongjin

TT	Tên hợp đồng	Trị giá (Triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác trong hợp đồng
11	Hợp đồng mua bán	26.068	Hàng tháng	Theo từng đơn hàng cụ thể	Phụ kiện đường ống, phụ kiện bồn tắm, thiết bị điện	Xuất khẩu đi Nhật cho cty Sanko, Shoden

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

14.2.2. Cơ sở để đạt được kế hoạch nêu trên

Cần cứ vào năng lực sản xuất của các Nhà máy

Trong năm 2019, do Công ty tập trung vào việc đầu tư xây dựng mới và cải tạo nâng cao công suất tại các nhà máy hiện có, nên doanh thu, lợi nhuận của Công ty trong năm 2019 không tăng nhiều so với năm 2018. Từ năm 2020 trở đi, khi các nhà máy mới đi vào hoạt động sẽ góp phần thúc đẩy doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng mạnh.

- Nhà máy Viexim: Hiện nhà máy có khoảng 50 máy ép nhựa, công suất 75 - 80%, với thể mạnh là sản xuất linh kiện cho ngành công nghiệp ô tô - xe máy với sản lượng 6.000 tấn sản phẩm/năm, tổng số nhân sự 320 người.
- Nhà máy An Trung: Dự án Nhà máy An Trung đã đi vào hoạt động từ Quý 3/2019 với tổng mức đầu tư của dự án 439 tỷ, hiện nhà máy khai thác khoảng 40 máy ép nhựa, công suất khoảng 60%, mang lại doanh thu 1 tháng 30 - 40 tỷ đồng, sản lượng 3 triệu sản phẩm/tháng, tổng số nhân sự trên 200 người. An Trung Industries (công ty con 100% của CTCP Nhựa Hà Nội) với chiến lược tập trung vào sản phẩm nhựa cho ngành điện - điện tử đã chính thức trở thành nhà cung cấp cấp 2 của Samsung vào tháng 4/2019 và chỉ 4 tháng sau đó, Brother Việt Nam đã tin tưởng lựa chọn An Trung Industries là nhà cung cấp cấp 1. Ngoài ra, An Trung Industries hướng tới sản xuất dao thìa đĩa và ống hút tự hủy cho xuất khẩu sang thị trường Mỹ, mảng này ước tính mang lại doanh thu 100 tỷ mỗi năm cho Công ty, biên lợi nhuận của mảng tự hủy dự kiến 12% - 15%.
- Dự án VMC – khuôn mẫu: Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam (công ty con 100% của CTCP Nhựa Hà Nội) là mũi nhọn trong lĩnh vực thiết kế, chế tạo các loại khuôn mẫu, thiết bị chuyên dùng phục vụ sản xuất các sản phẩm nhựa cho ngành công nghiệp. Đây là ngành chiến lược phát triển trong thời gian tới của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội. Dự án VMC – khuôn mẫu của Công ty có tổng mức đầu tư 220 tỷ đồng, hiện nhà máy

khai thác khoảng 10 máy trung tâm CNC, thiết kế và chế tạo khuôn mẫu; nhân sự hiện tại 60 người. Dự kiến quý 1/2020 máy móc mua cho dự án sẽ về toàn bộ, VMC sẽ hoạt động với công suất 80 bộ khuôn/năm mang lại doanh thu 100 tỷ/năm, nhân sự dự kiến 100 người. Biên lợi nhuận mảng khuôn dự tính 10% - 12%.

Tình hình thị trường cho dòng sản phẩm chủ lực của Công ty

- Đối với sản phẩm nhựa linh kiện cho ngành công nghiệp ô tô – xe máy: CTCP Nhựa Hà Nội và Viexim vẫn tiếp tục dựa trên thế mạnh trước nay là sản xuất linh kiện cho ngành công nghiệp ô tô - xe máy, đẩy mạnh mảng ô tô bởi hiện tại thị trường trong nước chưa được khai thác đúng tiềm năng, tỷ lệ nội địa hóa ở mức thấp chỉ khoảng dưới 10% so với kỳ vọng của Chính phủ.
- Đối với sản phẩm nhựa sinh học phân hủy hoàn toàn (dao, thìa, đĩa,...): Dung lượng thị trường dao, thìa, đĩa nhựa tại Mỹ khá lớn, năm 2018 dung lượng thị trường đạt xấp xỉ 30 tỷ đơn vị sản phẩm (chiếm 17,5% tổng sản lượng toàn thế giới) với giá trị đạt 641 triệu USD. Chính phủ Mỹ cũng đã ban hành các chính sách trong việc cấm nhựa dùng một lần ở các bang lớn như California, Texas, New York,... Vì vậy, tỷ lệ chuyển đổi sử dụng nhựa thường sang nhựa tự hủy cao, dự báo trong 6 năm tới tỷ lệ chuyển đổi sản phẩm dao, thìa, đĩa từ nhựa thường sang nhựa tự hủy tại thị trường này sẽ đạt gần 50%, cao thứ 2 thế giới chỉ sau thị trường Châu Âu. Đây là cơ hội tốt giúp Công ty mở rộng thị trường, gia tăng thị phần, góp phần gia tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty trong các năm tiếp theo.

Kế hoạch đầu tư của Công ty

- Đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện Ô tô Xe máy Vinfast – An Phát (VAPA)

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội dự kiến sẽ đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện Ô tô Xe máy Vinfast - An Phát (VAPA) với tỷ lệ sở hữu 50% vào cuối năm 2019. Công ty TNHH Sản xuất linh kiện Ô tô Xe máy Vinfast – An Phát là chủ đầu tư của Dự án Nhà máy sản xuất linh kiện nhựa Vinfast – An Phát. Một số thông tin về dự án cụ thể như sau:

- Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất linh kiện nhựa Vinfast – An Phát
- Địa điểm đầu tư: Nhà máy đúc nhựa, Tổ hợp sản xuất ô tô Vinfast, Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, đảo Cát Hải, huyện Cát Hải, TP. Hải Phòng.
- Diện tích đất sử dụng: khoảng 15.500 m².
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư, sản xuất các sản phẩm linh kiện bằng nhựa cho ô tô, xe máy và cho các sản phẩm khác. Các sản phẩm được tạo ra của Công ty có chất lượng cao, phục vụ rộng rãi trong các ngành công nghiệp khác có nhu cầu sử dụng các sản phẩm linh kiện có nguyên

liệu từ hạt nhựa khác đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và có thể xuất khẩu ra thị trường nước ngoài.

- Cơ sở pháp lý của dự án: Công ty đã được Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 46425602033 ngày 22/01/2019.
- Quy mô đầu tư và công suất: 28.142.800 chi tiết nhựa/năm.
- Tổng vốn đầu tư: 526 tỷ đồng.
- Tiến độ thực hiện của dự án:
 - + Tháng 01/2019 - 02/2019: Xây dựng, sửa chữa nhà xưởng.
 - + Tháng 02/2019 - 06/2019: Mua, lắp đặt máy móc thiết bị, chạy thử đợt 1 và bắt đầu hoạt động.
 - + Từ Tháng 06/2019: Hoạt động chính thức Dự án; Bổ sung mua, lắp đặt máy móc thiết bị, chạy thử các đợt tiếp theo phục vụ Dự án.
- Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:
 - + Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu và mức thuế suất áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam trong các năm tiếp theo.
 - Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới; trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.
 - + Ưu đãi về thuế xuất nhập khẩu: Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu.
 - + Ưu đãi về tiền thuê đất, thuê mặt nước: Miễn giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai.
- Đánh giá hiệu quả kinh tế của Dự án:
 - + Doanh thu dự án: Trong năm đầu tiên sản xuất dự kiến sẽ thu được 178.353.345.707 VNĐ (7,65 triệu USD) trong năm 2019 và 659.503.021.461 VNĐ (28,3 triệu USD) trong năm 2020, doanh thu dự báo là tăng trưởng 10%/năm trong các năm tiếp theo.
 - + Lợi nhuận:
 - Năm 2020, lợi nhuận ước tính đạt 36,5 tỷ VNĐ
 - Năm 2021, lợi nhuận ước tính đạt 72,4 tỷ VNĐ
 - Năm 2022, lợi nhuận ước tính đạt 86,3 tỷ VNĐ

- Năm 2023, lợi nhuận ước tính đạt 126,1 tỷ VNĐ
- Năm 2024, lợi nhuận ước tính đạt 183,7 tỷ VNĐ
- Năm 2025, lợi nhuận ước tính đạt 190,8 tỷ VNĐ

Các số liệu tính toán đã tính đến các khoản phải đóng về thuế TNDN theo quy định pháp luật hiện hành, cụ thể, mức thuế suất thuế TNDN là 10%. Như vậy dự án có tính khả thi cao về mặt hiệu quả kinh tế.

- Dự kiến trong năm 2020, Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội sẽ thực hiện M&A Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công Nghệ Cao An Cường (ACP), mục tiêu là đưa An Cường trở thành Công ty con của HPC. Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công Nghệ Cao An Cường sở hữu thương hiệu Anpro, có nhà máy sản xuất với diện tích 13.000 m² đặt tại Khu Công Nghiệp Kỹ thuật Cao An Phát, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương. ACP có công suất sản xuất là 80.000 – 150.000 m²/tháng, với các sản phẩm chủ lực:

+ Tấm ốp: vân đá, vân gỗ, vân giấy dán tường.

+ Phào chỉ trang trí.

+ Tranh 4D.

+ Ván sàn SPC hèm khóa.

Sản phẩm ván sàn SPC là sản phẩm chủ lực của ACP. ACP dự kiến sẽ xuất khẩu sản phẩm này sang thị trường Mỹ từ năm 2020 (chiếm 70% doanh thu) với công suất khoảng 3-4 triệu m² sàn/năm.

Kết quả kinh doanh của Công ty 9 tháng đầu năm 2019

Bảng 45. Một số kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 3/2019

Đơn vị: Triệu VNĐ

STT	Chỉ tiêu	TH quý 3/2019	% so với KH 2019
1	Tổng doanh thu	864.571	76,51%
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	39.827	59,44%

Nguồn: BCTC Hợp nhất Quý 3 năm 2019 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

HPC đang trong giai đoạn đầu tư mở rộng với các dự án đầu tư đổi mới thiết bị phục vụ sản xuất và góp vốn đầu tư vào công ty con VMC- An Trung - VAPA nên chi phí lãi vay ngân hàng tăng, trong khi

các công ty con mới đang trong giai đoạn đầu sản xuất nên hiệu quả kinh tế 9 tháng đầu năm 2019 chưa cao. Tuy nhiên, ước tính cả về mặt doanh thu và lợi nhuận quý 4/2019 sẽ khả quan hơn trung bình 9 tháng đầu năm 2019, do mảng thiết kế và chế tạo khuôn mẫu sẽ bàn giao sản phẩm cho khách hàng, ghi nhận doanh thu và lợi nhuận chủ yếu vào thời điểm cuối năm. Mặt khác 6 tháng cuối năm các công ty thành viên đã tăng hiệu suất khai thác máy, VMC bắt đầu đi vào sản xuất, An Trung là vendor cấp 1 của Brother và có nhiều đơn hàng mới.

15. Chiến lược phát triển của Công ty

Chiến lược phát triển của Công ty dựa trên 3 trụ cột chính bao gồm: tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi. Nhựa Hà Nội xác định tầm nhìn trở thành doanh nghiệp cung cấp toàn bộ các sản phẩm nhựa kỹ thuật cho các doanh nghiệp sản xuất lắp ráp ô tô, xe máy, các thiết bị điện – điện tử, gia dụng tại thị trường Việt Nam. Sứ mệnh của Công ty là trở thành doanh nghiệp số 1 trong ngành công nghiệp nhựa hỗ trợ tại Việt Nam. Để thực hiện tầm nhìn và sứ mệnh đề ra, Công ty đảm bảo hoạt động xoay quanh các giá trị cốt lõi:

- Sáng tạo – đổi mới
- Đoàn kết – kỷ luật
- Chia sẻ – nhân văn
- Hiệu quả – bền vững

Tiên lượng trước tình hình và xu hướng phát triển của sản phẩm phụ tùng xe máy sẽ giảm, Ban Lãnh đạo của Công ty sẽ tiếp tục cố gắng tìm kiếm thêm khách hàng và phát triển sản phẩm mới. Công ty đồng thời luôn sẵn sàng năng lực để cung cấp và sản xuất phụ tùng ô tô cho Vinfast, thương hiệu xe ô tô đầu tiên của Việt Nam. Bên cạnh đó, với sự hỗ trợ về học tập tổ chức quản lý sản xuất theo hệ thống sản xuất Toyota từ các chuyên gia của Toyota Việt Nam, Công ty sẽ cơ cấu lại tổ chức sản xuất, đầu tư công nghệ hiện đại nhằm tiết giảm chi phí tất cả các công đoạn, nâng cao năng suất lao động; đầu tư thiết bị, công nghệ chế tạo khuôn chính xác để có thể đáp ứng được giá cạnh tranh, thu hút nhiều khách hàng, và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh trong những năm mới.

Công ty sẽ thực hiện những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý. Công ty sẽ tăng cường công tác kiểm tra giám sát kế hoạch sản xuất, việc quản lý vật tư, phụ liệu sản xuất; chấn chỉnh kịp thời công tác chuẩn bị điều kiện cho sản xuất. Đồng thời Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội cũng sẽ đẩy mạnh công tác tiếp thị, tăng cường quảng cáo về năng lực và khả năng của Công ty để thu hút khách hàng mới.

16. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch kinh doanh của Nhựa Hà Nội

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam đã thu thập và xem xét các thông tin về hoạt động kinh doanh do Công ty cung cấp tại thời điểm lập Bản cáo bạch. Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam và cung cấp trong Bản cáo bạch này là minh bạch, đúng sự thật và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Theo đánh giá của Tổ chức tư vấn, kế hoạch kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội được xây dựng dựa trên tiềm lực thực tế của Công ty và tiềm năng tăng trưởng của ngành nhựa. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2019 của Công ty đưa ra có thể thực hiện được nếu các hợp đồng của Công ty được thực hiện theo đúng dự kiến và không có những biến động lớn ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh cũng như các mục tiêu chiến lược dài hạn của Công ty.

LƯU Ý: NHỮNG ĐÁNH GIÁ VÀ NHẬN ĐỊNH CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN CHỈ MANG TÍNH CHẤT THAM KHẢO, KHÔNG ĐẢM BẢO CHẮC CHẮN CHO KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH CỦA CÔNG TY CŨNG NHƯ BAO HÀM HAY ĐẢM BẢO CHO GIÁ CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có.

18. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**1. Loại chứng khoán: Cổ phần phổ thông****Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần**Tổng số lượng chứng khoán niêm yết:** 34.440.000 cổ phần**Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội**

Theo quy định tại mục đ Khoản 1 Điều 53 của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán: *cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.*

Số lượng cổ phiếu cam kết nắm giữ khi niêm yết của Công ty như sau:

Bảng 46. Thông tin cam kết nắm giữ cổ phiếu khi niêm yết

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu cam kết nắm giữ	
			06 tháng kể từ ngày niêm yết	1 năm kể từ ngày niêm yết
Hội đồng quản trị				
1	Phạm Quốc Trung	Phó Chủ tịch	11.840	5.920
2	Bùi Thanh Nam	Thành viên	93.046	46.523
Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý				
1	Bùi Thanh Nam	Tổng Giám đốc	Như phần Hội đồng quản trị	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu cam kết nắm giữ	
			06 tháng kể từ ngày niêm yết	1 năm kể từ ngày niêm yết
2	Phạm Thị Thanh Hiền	Phó Tổng Giám đốc	400	200
Kế toán trưởng				
1	Đỗ Thị Hương Giang	Kế toán trưởng	4.400	2.200

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Theo quy định tại mục đ, Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 458/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/07/2019 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội.

- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng theo cam kết của các thành viên HĐQT; BKS, Ban TGD; KTT tính trên số cổ phiếu đăng ký niêm yết là 109.686 cổ phiếu, chiếm 0,32% vốn điều lệ. Số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 100% trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày niêm yết và hạn chế 50% trong thời hạn 6 tháng tiếp theo quy định tại mục đ, Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012.
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của CBCNV trong Công ty là 840.000 cổ phiếu, chiếm 2,44% vốn điều lệ. Trong năm 2019, Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội đã phát hành thêm 840.000 cổ phiếu thưởng cho 02 CBCNV của Công ty theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty. Số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành (ngày 12/08/2019) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 458/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/07/2019 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội.

Bảng 47. Danh sách cán bộ công nhân viên được thưởng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty năm 2019

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu cam kết năm giữ 01 năm từ ngày 12/08/2019
1	Nguyễn Trọng Quân	Quyền Giám đốc kỹ thuật	420.000
2	Nguyễn Hữu Phong	Giám đốc sản xuất	420.000
Tổng cộng			840.000

Nguồn: Báo cáo kết quả phát hành của Công ty ngày 15/08/2019

- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của cổ đông khác là 156.503 cổ phiếu, chiếm 0,45% vốn điều lệ hiện tại theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/2019/NQ- HĐQT ngày 25/01/2019 thông qua phương án phân phối số cổ phiếu chưa phân phối hết của đợt chào bán ra công chúng đợt 1 (thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 42/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2018 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội). Số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành (ngày 28/01/2019)

Bảng 48. Danh sách cổ đông hạn chế chuyển nhượng theo Nghị quyết HĐQT số 09/2019/NQ- HĐQT ngày 25/01/2019

STT	Họ và tên	Số CMND, ngày cấp, nơi cấp	Số lượng cổ phiếu cam kết năm giữ 01 năm từ ngày 28/01/2019
1	Hoàng Phương Hằng	142694809, cấp ngày 02/8/2013 tại CA Hải Dương	156.503

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

2. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu của cổ phiếu NHH là giá được tính toán dựa trên:

2. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu của cổ phiếu NHH là giá được tính toán dựa trên:

- Phương pháp giá trị sổ sách (BV);
- Phương pháp giá giao dịch bình quân;
- Phương pháp so sánh dựa trên hệ số giá trên lợi nhuận mỗi cổ phiếu (P/E).

Lưu ý: Đây chỉ là 3 trong những phương pháp tính giá mà nhà đầu tư có thể tham khảo, ngoài ra, giá cổ phiếu NHH còn phụ thuộc vào cung cầu thị trường.

2.1. Phương pháp giá trị sổ sách (BV)

Đơn vị: VND

Vốn chủ sở hữu tại ngày 30/06/2019	(1)	463.599.137.604
Giá trị tài sản cố định vô hình tại ngày 30/06/2019	(2)	7.097.890.829
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 30/06/2019	(3)	16.800.000
Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/06/2019	$(4) = \frac{(1) - (2)}{(3)}$	27.173

2.2. Phương pháp Giá giao dịch bình quân

Căn cứ hướng dẫn tại Quy chế niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (SGDCK TP. HCM), cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội thuộc trường hợp chuyển sang đăng ký niêm yết trên SGDCK TP.HCM, nên chúng tôi được sử dụng phương pháp bình quân giá tham chiếu của ít nhất 20 phiên giao dịch gần nhất trước khi hủy đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Biên độ dao động giá tại ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội là 20%

Bình quân Giá tham chiếu giao dịch của 20 phiên từ ngày 30/09/2019 đến ngày 25/10/2019 là 38.375 đồng.

2.3. Phương pháp so sánh dựa trên hệ số P/E

Các công ty tương đồng được lựa chọn để so sánh với CTCP Nhựa Hà Nội là những công ty sau:

STT	Sàn	Mã chứng khoán	Tên công ty	Vốn điều lệ	Lĩnh vực hoạt động chính
				tại ngày 30/06/2019 (triệu VNĐ)	
1	UPCOM	NHH	CTCP Nhựa Hà Nội	344.400	Sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp; Sản xuất các loại khuôn mẫu, thiết bị chuyên dùng phục vụ công nghệ sản xuất sản phẩm nhựa và cung cấp cho các ngành công nghiệp khác
2	HOSE	AAA	CTCP Nhựa An Phát Xanh	1.712.000	Sản xuất các sản phẩm nhựa (PP, PE); Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại
3	UPCOM	NNG	CTCP Công Nghiệp - Thương mại - Dịch vụ Ngọc Nghĩa	522.500	Hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty là sản xuất, cung ứng bao bì PET. Ngoài ra công ty còn sản xuất nước chấm và phân phối chủ yếu tại địa bàn các tỉnh Miền Trung.
4	HOSE	PLP	CTCP Sản xuất & Công nghệ Nhựa Pha Lê	250.000	Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác đá, sản xuất và kinh doanh bột đá siêu mịn và phụ gia ngành nhựa.
5	HOSE	DAG	CTCP Tập đoàn Nhựa Đông Á	517.951	Sản phẩm của Công ty chủ yếu là các sản phẩm nhựa dùng trong công nghiệp xây dựng và quảng cáo gồm các mặt hàng sản phẩm truyền thống (tấm ốp trần, cửa nhựa và nẹp trang trí), sản phẩm cửa uPVC và thanh profile, sản phẩm bạt hi flex.
6	HOSE	HII	CTCP An Tiến Industries	278.500	Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực kinh doanh thương mại hạt nhựa

STT	Sàn	Mã chứng khoán	Tên công ty	Vốn điều lệ tại ngày 30/06/2019 (triệu VNĐ)	Lĩnh vực hoạt động chính
					nguyên sinh và sản xuất hạt nhựa phụ gia.
7	UPCOM	VNP	CTCP Nhựa Việt Nam	194.289	Hoạt động sản xuất chính của công ty là sản xuất sản phẩm từ nhựa bao gồm bao bì, phụ tùng, linh kiện bằng nhựa. Sản phẩm chính của công ty bao gồm bao bì mềm, bao bì rỗng, kết cấu chai bia, nước giải khát, và sản phẩm nhựa dân dụng.
8	HOSE	HCD	CTCP Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	270.000	Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là xuất nhập khẩu, cung ứng và phân phối hạt nhựa nguyên sinh, và kinh doanh thép xây dựng, thép hình.
9	HOSE	TPC	CTCP Nhựa Tân Đại Hưng	244.306	Sản phẩm chủ yếu của Tân Đại Hưng là bao bì dệt PP (polypropylene) và PE (polyethylene) được sử dụng chứa đựng gạo, phân bón, thức ăn gia súc, các sản phẩm nông nghiệp; gồm nhiều chủng loại: bao shopping ghép màng in BOPP, bao PP có lồng bao PE lót bên trong, bao PP in 2 mặt (7 màu), bao Raschel, bao Leno, bao hộp lớn, vải địa chất, vải phủ nông nghiệp, vải hàng rào.
10	HOSE	RDP	CTCP Nhựa Rạng Đông	339.429	Công ty là một trong các doanh nghiệp hàng đầu trong ngành sản xuất nhựa, đặc biệt là PVC và tấm lợp tại Việt Nam.

Các chỉ số của NHH và các công ty tương đồng

Tên Công ty	Mã CK	EPS*	Giá cổ phiếu**	P/E
CTCP Nhựa Hà Nội	NHH	4.060	38.100	9,38
CTCP Nhựa An Phát Xanh	AAA	2.584	15.200	5,88
CTCP Công Nghiệp - Thương mại - Dịch vụ Ngọc Nghĩa	NNG	654	9.700	14,83
CTCP Sản xuất & Công nghệ Nhựa Pha Lê	PLP	2.591	12.950	5,00
CTCP Tập đoàn Nhựa Đông Á	DAG	1.056	6.380	6,04
CTCP An Tiến Industries	HII	1.631	11.900	7,30
CTCP Nhựa Việt Nam	VNP	1.217	4.900	4,02
CTCP Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	HCD	1.178	3.430	2,91
CTCP Nhựa Tân Đại Hưng	TPC	1,092	10.250	9,38
CTCP Nhựa Rạng Đông	RDP	234	8.700	37,19
Trung bình ngành				10,28

*EPS của các công ty căn cứ theo BCTC soát xét bán niên năm 2018, BCTC kiểm toán năm 2018, BCTC soát xét bán niên năm 2019.

** Giá đóng cửa phiên 04/10/2019

Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC các công ty

Giá trị hợp lý của cổ phiếu NHH theo phương pháp so sánh

Dựa vào các hệ số trung bình của các công ty tương đồng, giá trị hợp lý của cổ phiếu NHH được tính toán như sau:

$$- P = \text{EPS} \times \text{P/E bình quân}$$

Trong đó:

P: Giá trị một cổ phiếu NHH theo phương pháp P/E.

EPS: Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu NHH, lấy theo giá trị 12 tháng, từ 01/07/2018 đến 30/06/2019.

P/E bình quân: Hệ số giá trên thu nhập cơ bản mỗi cổ phiếu, được tính dựa trên tổng hợp P/E cơ bản của các công ty tương đồng đã được lựa chọn, được tính theo EPS cũng trong giai đoạn 12 tháng và giá đóng cửa phiên giao dịch ngày 04/10/2019.

Theo đó, giá trị 1 cổ phiếu NHH theo phương pháp P/E = $4.060 \times 10,28 = 41.752$ đồng.

2.4. Tổng hợp giá tham khảo theo các phương pháp tính toán

STT	Phương pháp	Giá trị cổ phiếu (VNĐ)
1	Giá trị sổ sách (BV)	27.173
2	Giá giao dịch bình quân tại Upcom	38.375
3	Giá theo phương pháp so sánh hệ số P/E	41.752

Để tăng tính thanh khoản và tính hấp dẫn của cổ phiếu NHH đối với các nhà đầu tư và căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán hiện nay, Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội quyết định chọn mức giá tham chiếu ngày giao dịch đầu tiên tại SGDCK TP. Hồ Chí Minh bằng bình quân giá tham chiếu của ít nhất 20 phiên giao dịch cuối cùng tại sàn giao dịch Upcom.

3. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán quy định: trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề có

quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Theo các ngành nghề kinh doanh của Công ty thì mức thấp nhất này là 49%.

Vậy, giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài tại công ty là 49%.

4. Các loại thuế liên quan

4.1. Đối với Công ty

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế TNDN bằng 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên BCTC hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế Giá trị gia tăng

Thuế GTGT áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế GTGT năm 2008 và Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thuế suất Thuế GTGT mà Công ty phải chịu là 10%.

4.2. Đối với Nhà đầu tư

4.2.1. Đối với Nhà đầu tư cá nhân

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Đối với nhà đầu tư trong nước: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định

tại Khoản 4a, Điều 2, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 27/6/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Thuế TNCN và căn cứ Khoản 5, Điều 16, Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý thuế, Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế thì: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân cư trú.

Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN là 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

Thu nhập từ cổ tức:

Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.

Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế TNCN được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phần hoặc cổ phần thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phần, tuy nhiên khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phần này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

4.2.2. Đối với Nhà đầu tư tổ chức

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 22%.

Đối với doanh nghiệp nước ngoài: Tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

Thu nhập từ cổ tức:

Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**1. Tổ chức đăng ký niêm yết****CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024. 3875 6889

Fax: 024. 3875 6884

Email: info@hpcvn.vn

Website: www.hanoiplastics.com.vn

2. Tổ chức tư vấn**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM****Trụ sở chính**

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và tầng 7, Tòa nhà Sky City , 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 7303 5333

Fax: (84.24) 3776 5928

Website: www.kbsec.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà Văn phòng, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 7303 3335

Fax: (84.24) 3822 3131

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower, 180-192 Nguyễn Công Trứ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.28) 7303 5333

Fax: (84.28) 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84.28) 7306 3338

Fax: (+84.28) 3910 1611

3. Tổ chức kiểm toán**CÔNG TY TNHH ERSNT & YOUNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Lầu 28, tòa nhà Bitexco Financial Tower, Số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: +84 28 3824 5252

Fax: +84 28 3824 5250

Email: eyhcmc@vn.ey.com

Website: www.ey.com

VII. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN

STT	Tài liệu
I.	Các quy định chung
1.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014
2.	Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005
II.	Các văn bản thuế
1.	Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006
2.	Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008
3.	Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12
4.	Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12
III.	Các văn bản liên quan đến hoạt động chứng khoán
1.	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ▪ Luật Chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12
2.	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty đối với công ty đại chúng ▪ Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng
3.	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Thông tư 202/2015/TT-BTC hướng dẫn về niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán ▪ Thông tư 29/2017/TT-BTC sửa đổi Thông tư 202/2015/TT-BTC hướng dẫn niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán

STT	Tài liệu
4.	<ul style="list-style-type: none">Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Chứng khoánNghị định số 60/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐCP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Chứng khoán
5.	Thông tư 155/2015/TT-BTC hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng
6.	Nghị định 108/2013/NĐ-CP ngày 23/09/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán
7.	Nghị định 145/2016/NĐ-CP ngày 01/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 108/2013/NĐ-CP ngày 23/09/2013

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM



NGUYỄN ĐỨC HOÀN
TỔNG GIÁM ĐỐC



Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TỔNG GIÁM ĐỐC



BÙI THANH NAM

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



MÃN CHÍ TRUNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



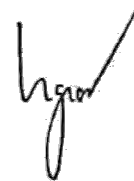
PHẠM THỊ THANH HIỀN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



ĐỖ THỊ TUYẾN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐỖ THỊ HƯƠNG GIANG

VIII. PHỤ LỤC

- Phụ lục 1: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- Phụ lục 2: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
- Phụ lục 3: Báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2017, năm 2018, báo cáo tài chính riêng soát xét bán niên năm 2019 và báo cáo tài chính riêng Quý 3 năm 2019
- Phụ lục 4: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017, năm 2018, báo cáo tài chính hợp nhất soát xét bán niên năm 2019 và báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2019